

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

MỤC LỤC

I.	HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT HỆ THỐNG.....	2
1.	Cài đặt Geoserver	2
2.	Cài đặt hệ quản trị CSDL	8
3.	Cài đặt PostGIS	14
4.	Cài đặt CSDL lên hệ quản trị CSDL	18
5.	Chia sẻ dữ liệu với Geoserver	22
6.	Cài đặt phần mềm trên máy chủ.....	27
II.	CẤU HÌNH VÀ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG.....	30
1.	Đăng ký tài khoản	30
2.	Phân quyền theo đơn vị.....	32
3.	Phân quyền theo chức năng.....	34
4.	Quản lý kết nối PLC.....	36
5.	Sao lưu và phục hồi dữ liệu.....	37
6.	Quản trị lịch sử người dùng	38
7.	Kết nối hệ thống SCADA	39
8.	Quản lý lớp dữ liệu chuyên ngành	40
9.	Cấu hình Camera.....	42
10.	Cấu hình cảnh báo	43
11.	Kết nối	45
12.	Thiết lập thời gian đồng bộ	46
13.	Cấu hình mail	47
14.	Thiết lập thời gian xóa dữ liệu	48
15.	Thiết lập điều khiển.....	49
16.	Thiết lập Email quản lý	51
17.	Thông tin hỗ trợ.....	53

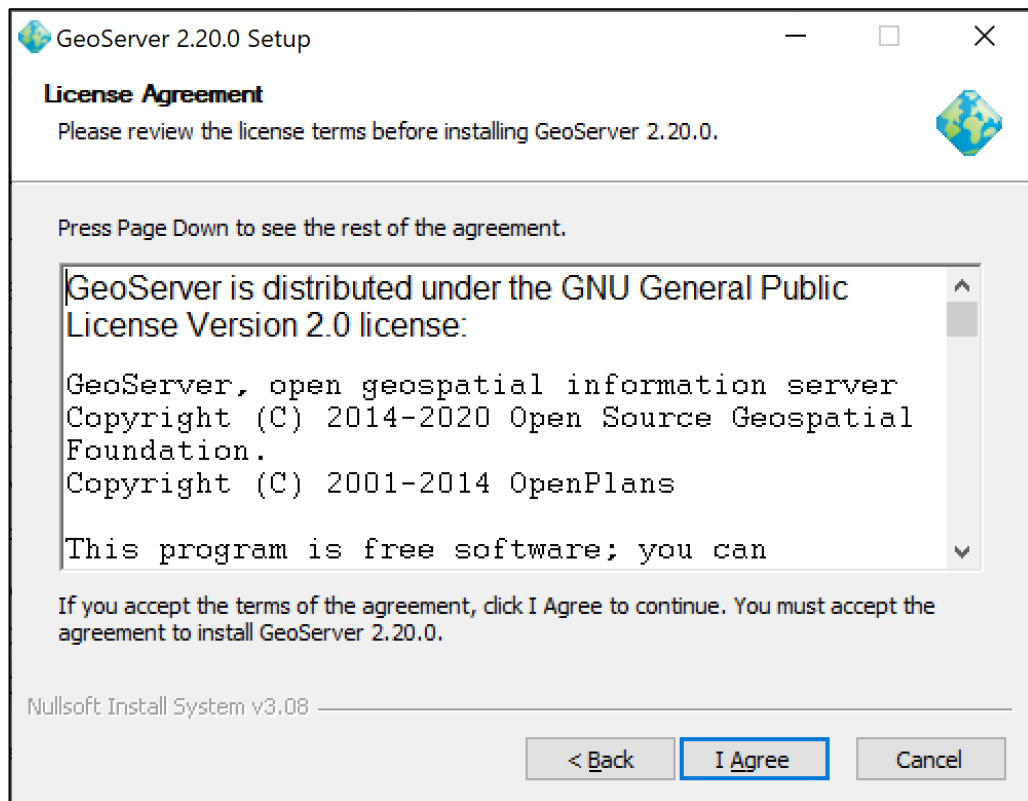
I. HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT HỆ THỐNG

1. Cài đặt Geoserver

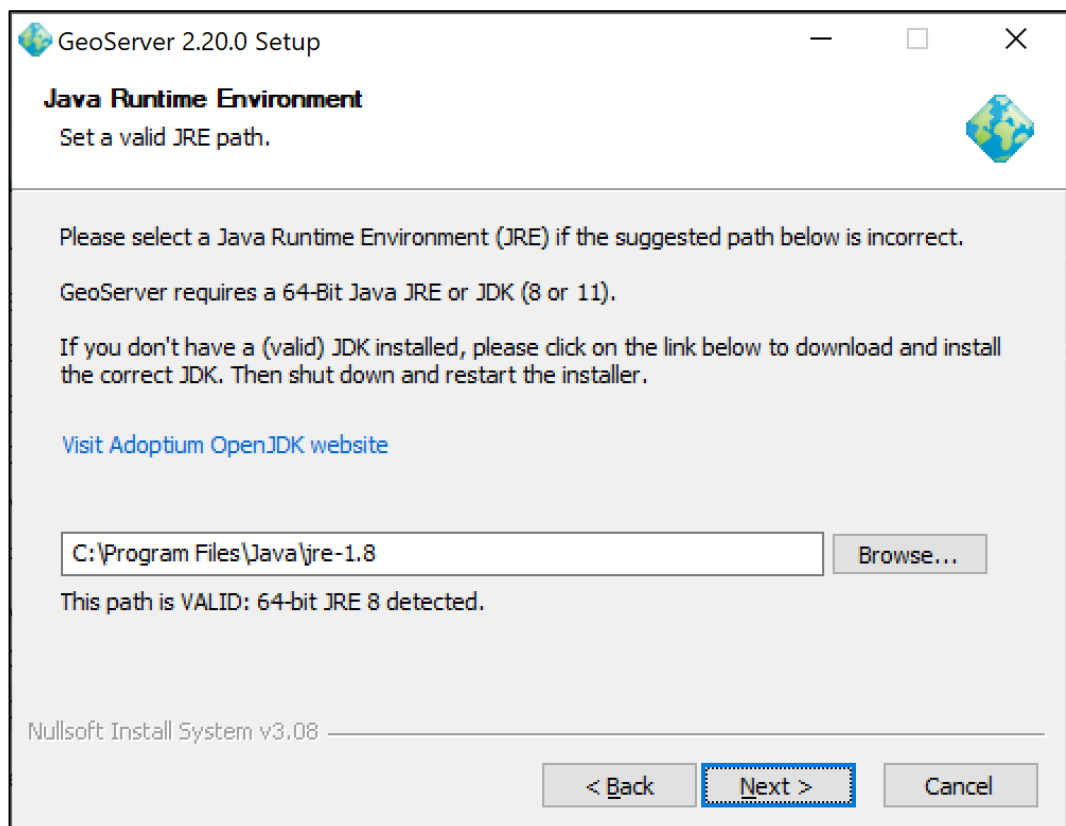
Bước 1: Khởi động tệp tin cài đặt. Nhấn Next để tiếp tục.



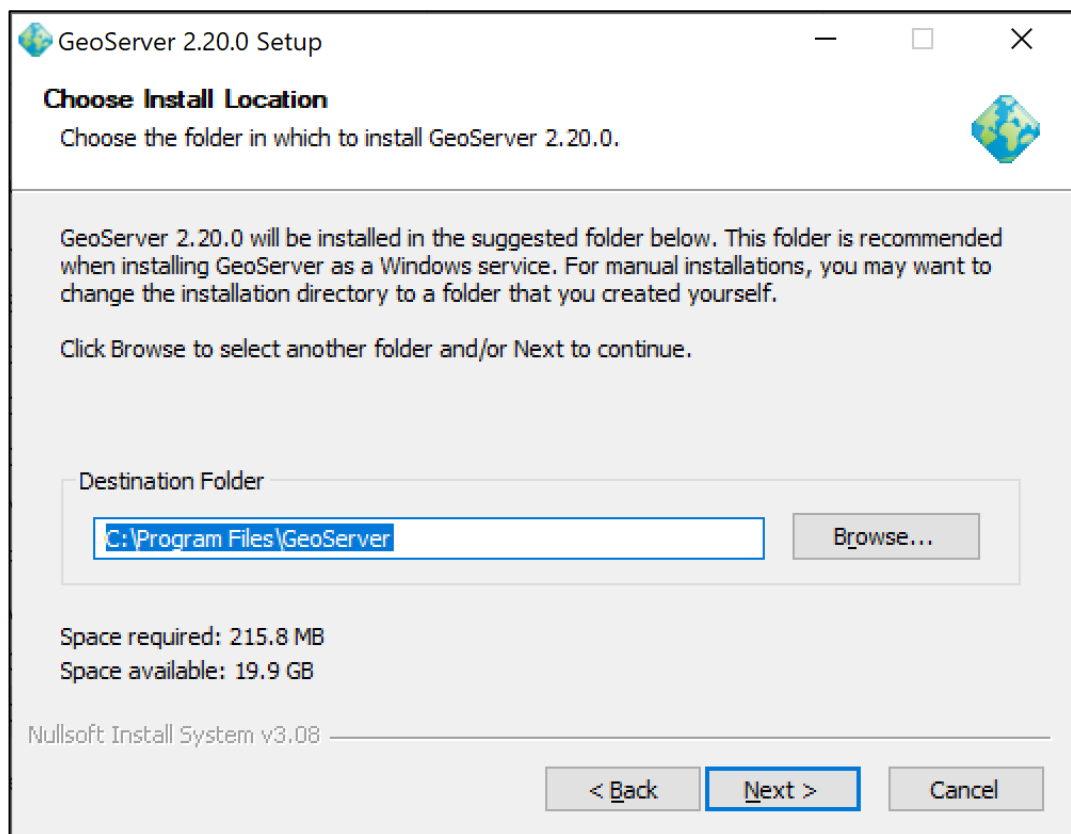
Bước 2: Nhấn chọn I Agree để tiếp tục.



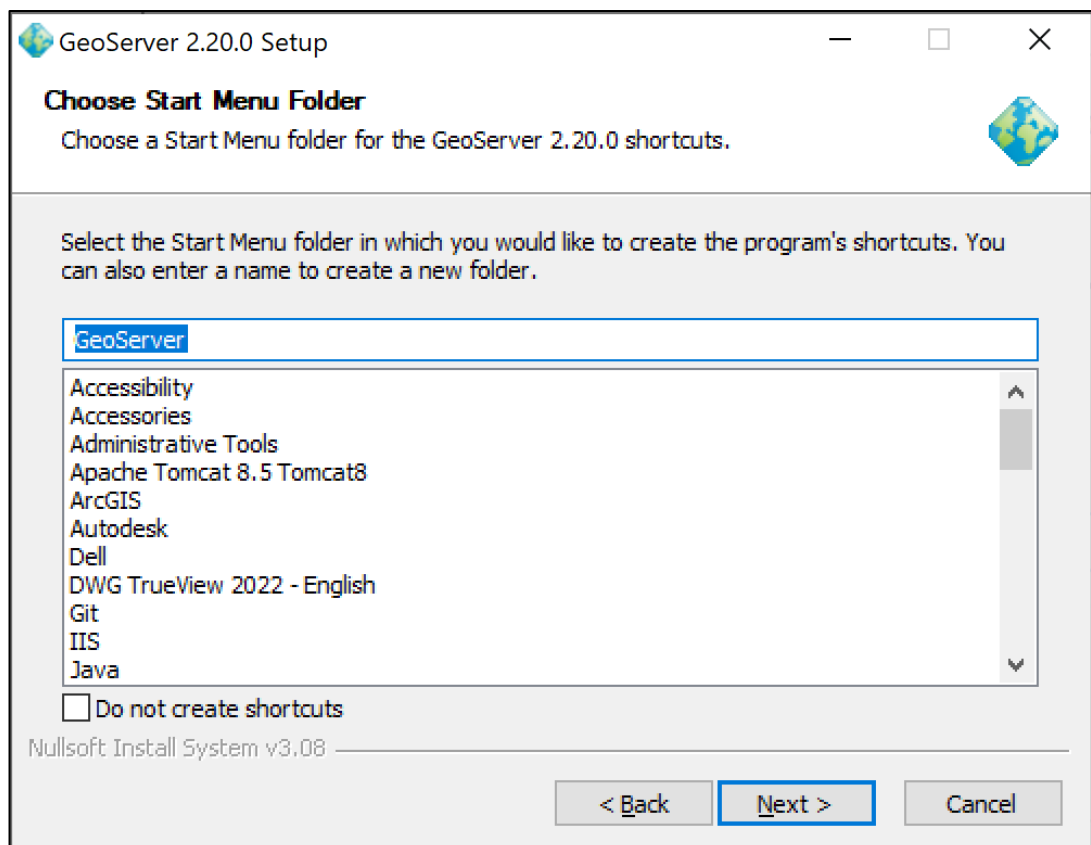
Bước 3: Chọn thư viện Java để cài đặt, nhấn Next để tiếp tục.



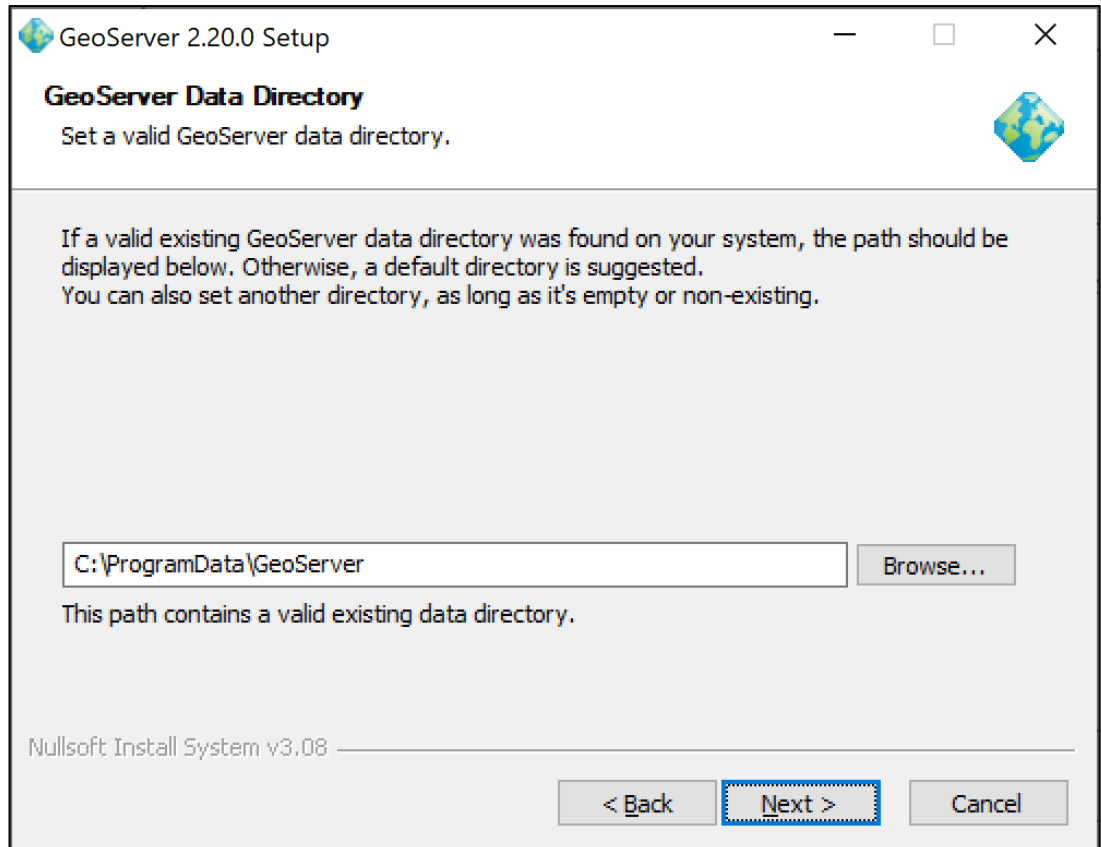
Bước 4: Chọn thư mục cài đặt, nhấn Next để tiếp tục.



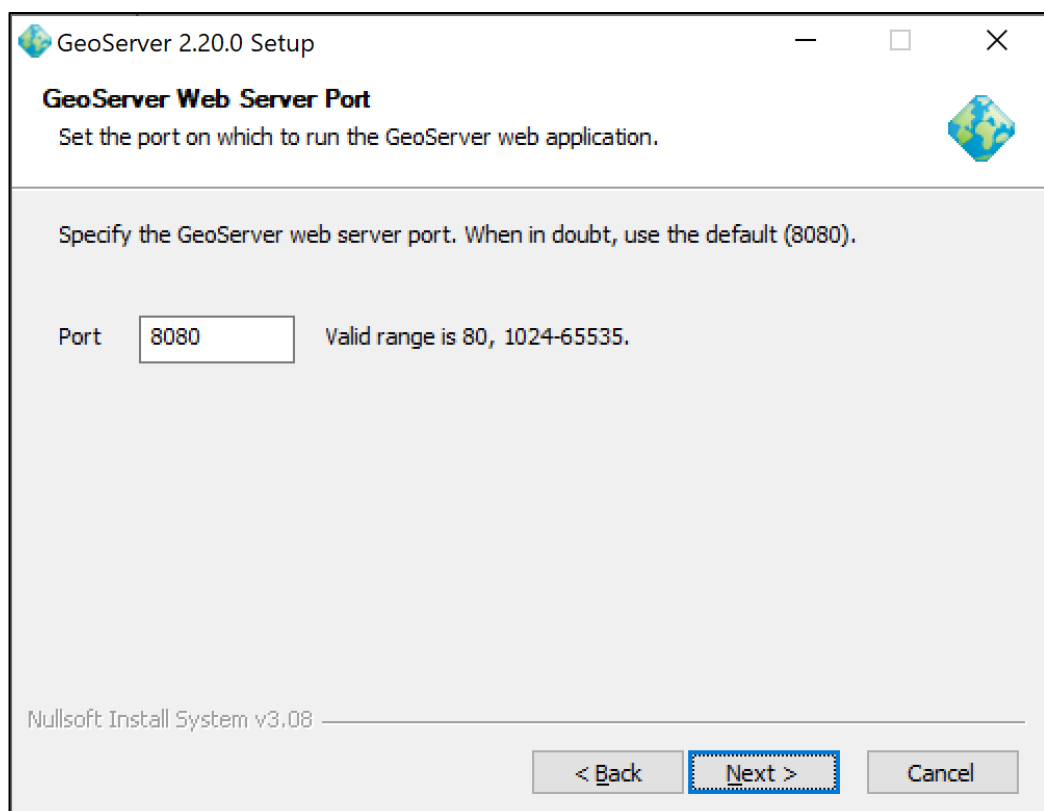
Bước 5: Đặt tên mặc định là Geoserver, nhấn Next để tiếp tục.



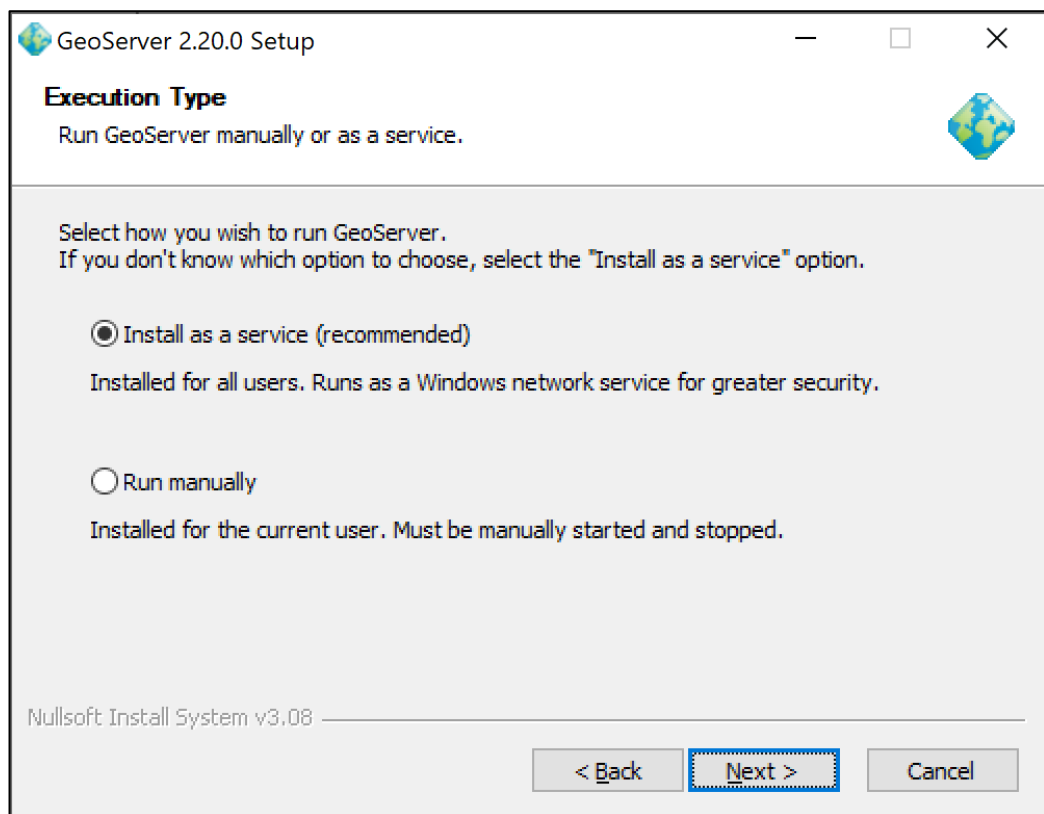
Bước 6: Chọn thư mục lưu trữ, nhấn Next để tiếp tục.



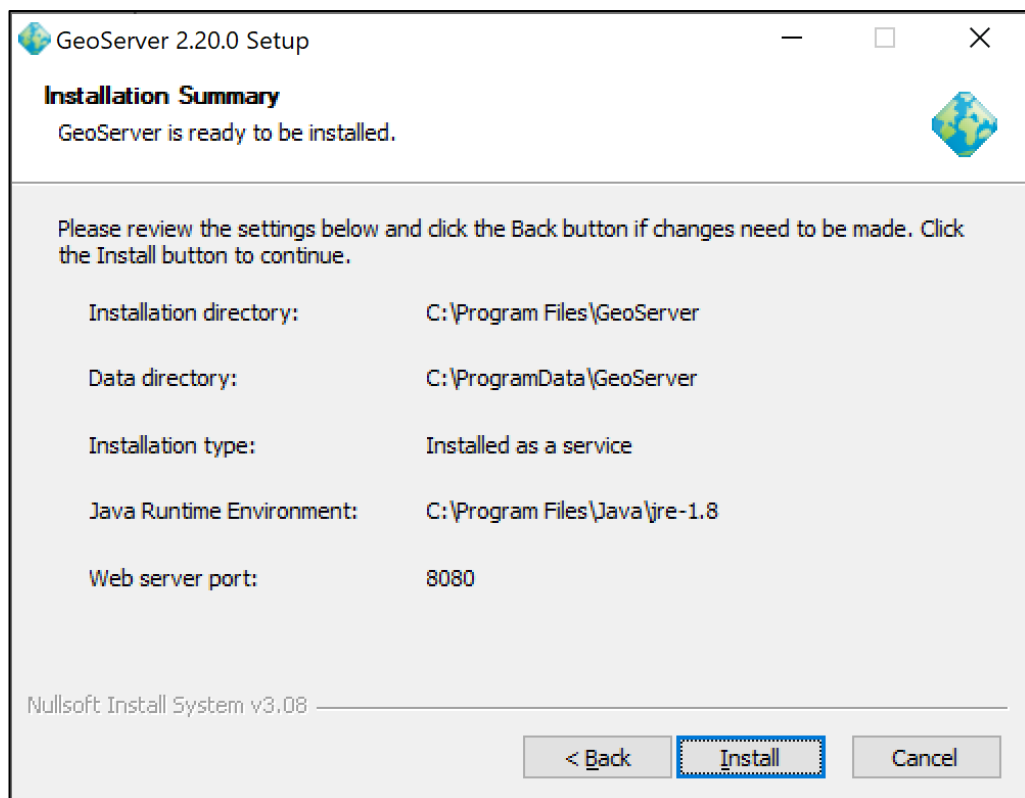
Bước 7: Chọn port cho Geoserver, mặc định là cổng 8080, nhấn Next để tiếp tục.



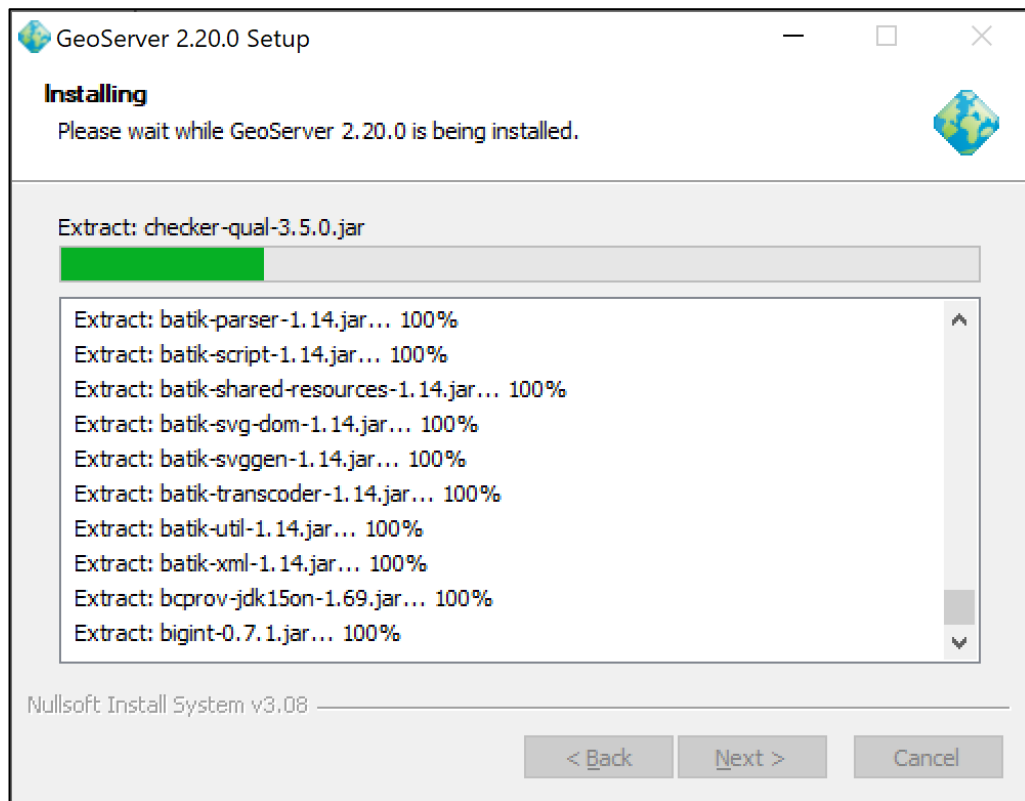
Bước 8: Chọn mục Install as service (recommended), nhấn Next để tiếp tục.



Bước 9: Nhấn Install để bắt đầu cài đặt Geoserver.



Bước 10: Quá trình cài đặt cần một khoảng thời gian.

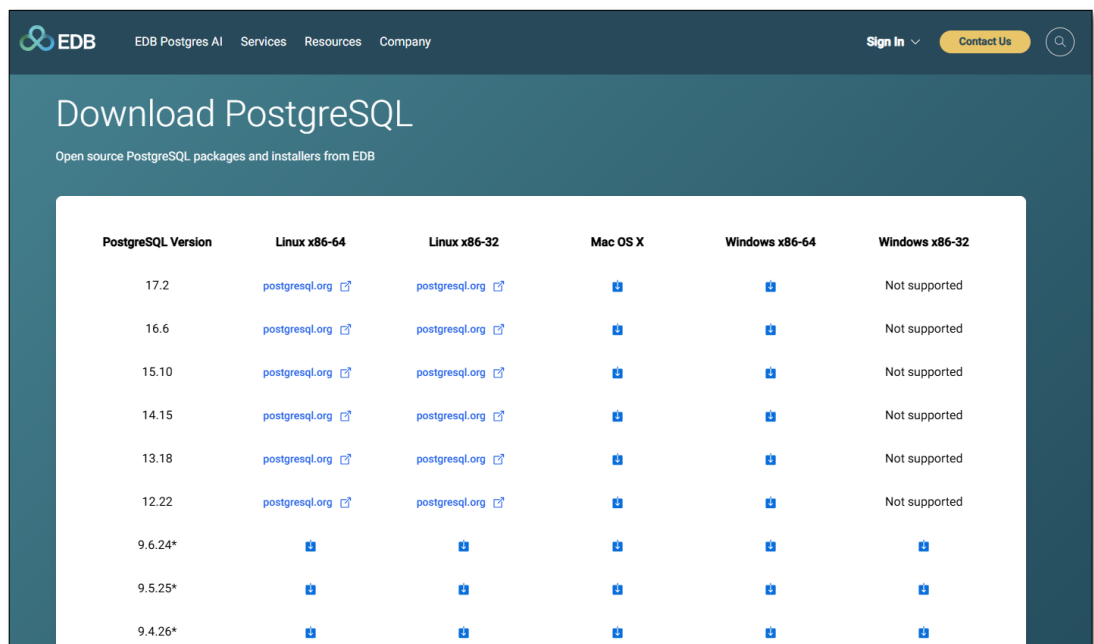


Bước 11: Sau khi cài đặt hoàn thành, nhấn Finish để kết thúc.

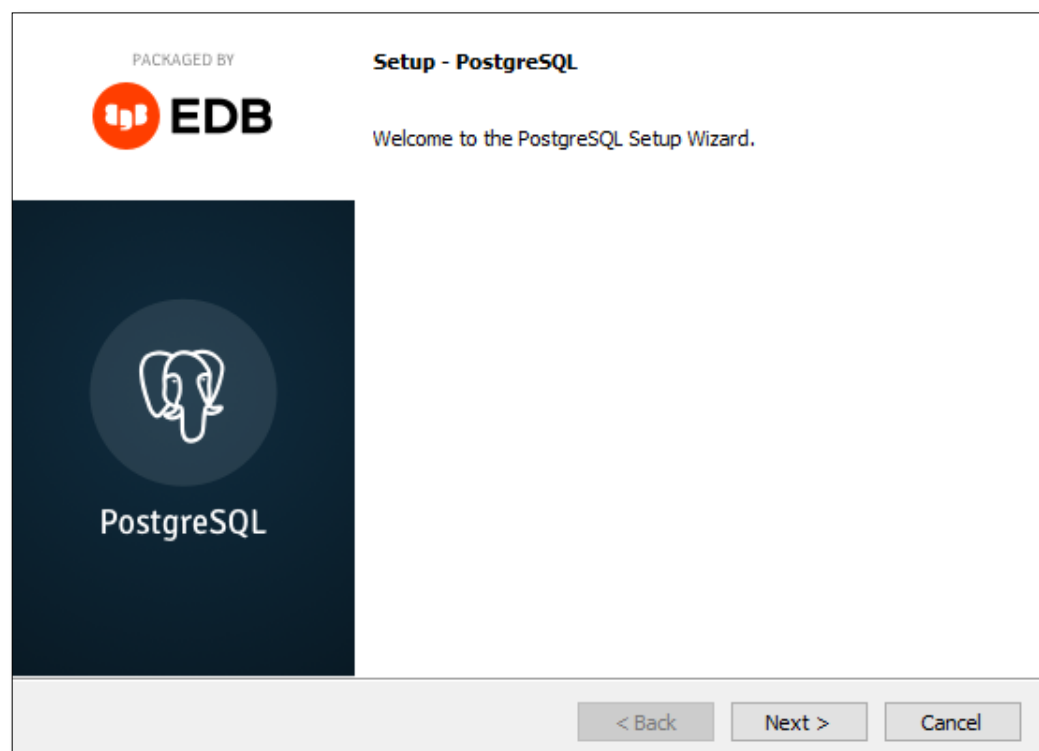


2. Cài đặt hệ quản trị CSDL

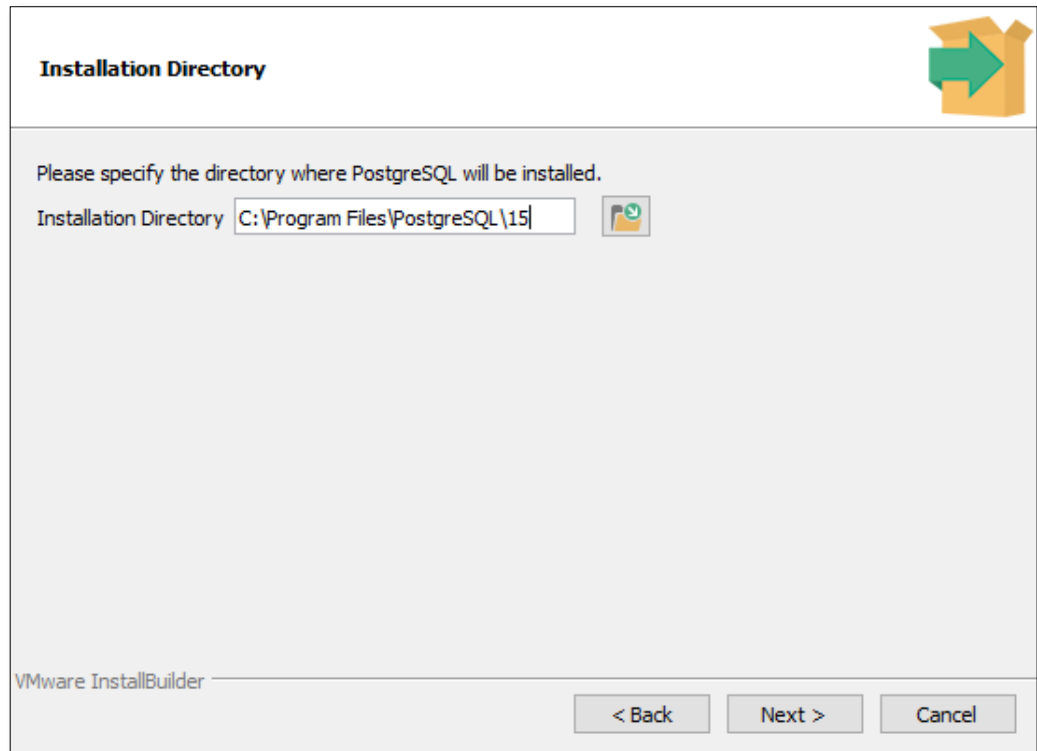
Bước 1: Để cài đặt PostgreSQL cục bộ trên máy tính của bạn, hãy truy cập [trình cài đặt của EDB](#) và tải xuống phiên bản mới nhất tương thích với hệ điều hành của bạn.



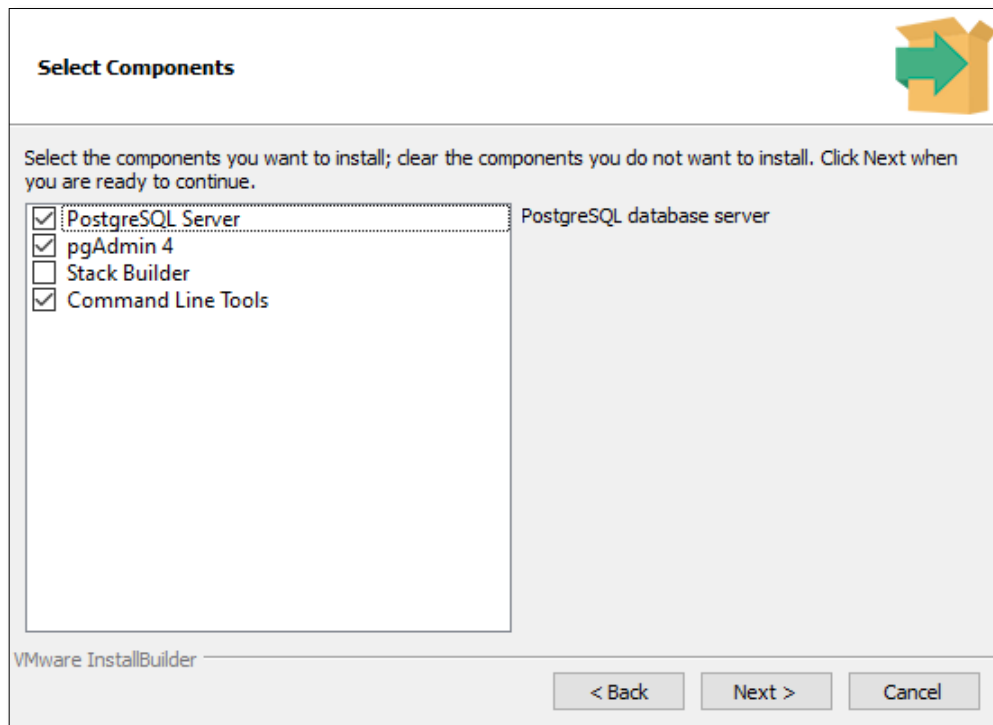
Bước 2: Cài đặt PostgreSQL: Khi quá trình tải xuống hoàn tất, hãy nhấp đúp vào tệp đã tải xuống và bắt đầu cài đặt.



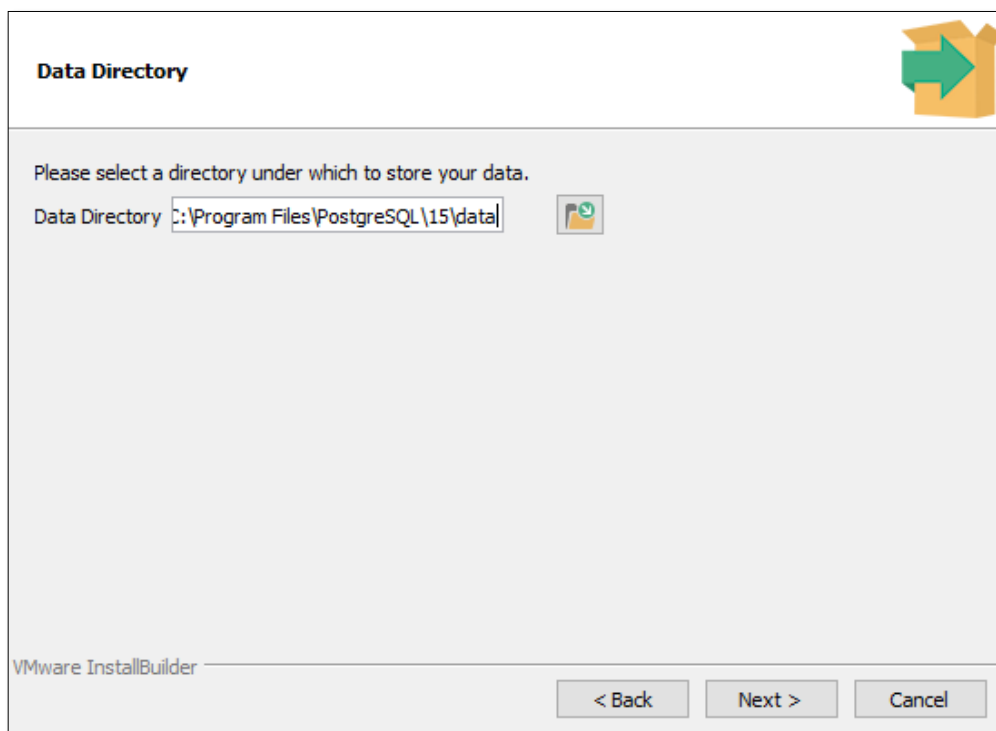
- **Chỉ định thư mục:** Sau đó bạn có thể chỉ định vị trí của PostgreSQL.



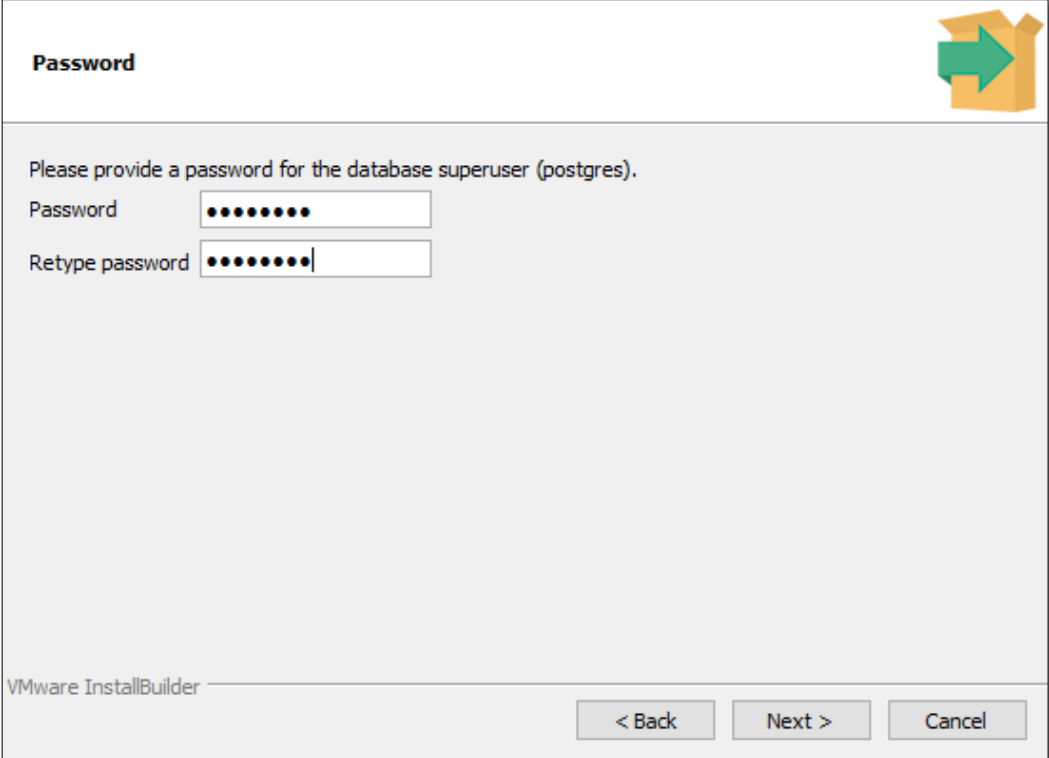
- **Chọn thành phần:** để sử dụng PostgreSQL, bạn sẽ cần cài đặt PostgreSQL Server.



- **Thư mục lưu trữ:** bạn có thể chọn nơi lưu trữ dữ liệu cơ sở dữ liệu.

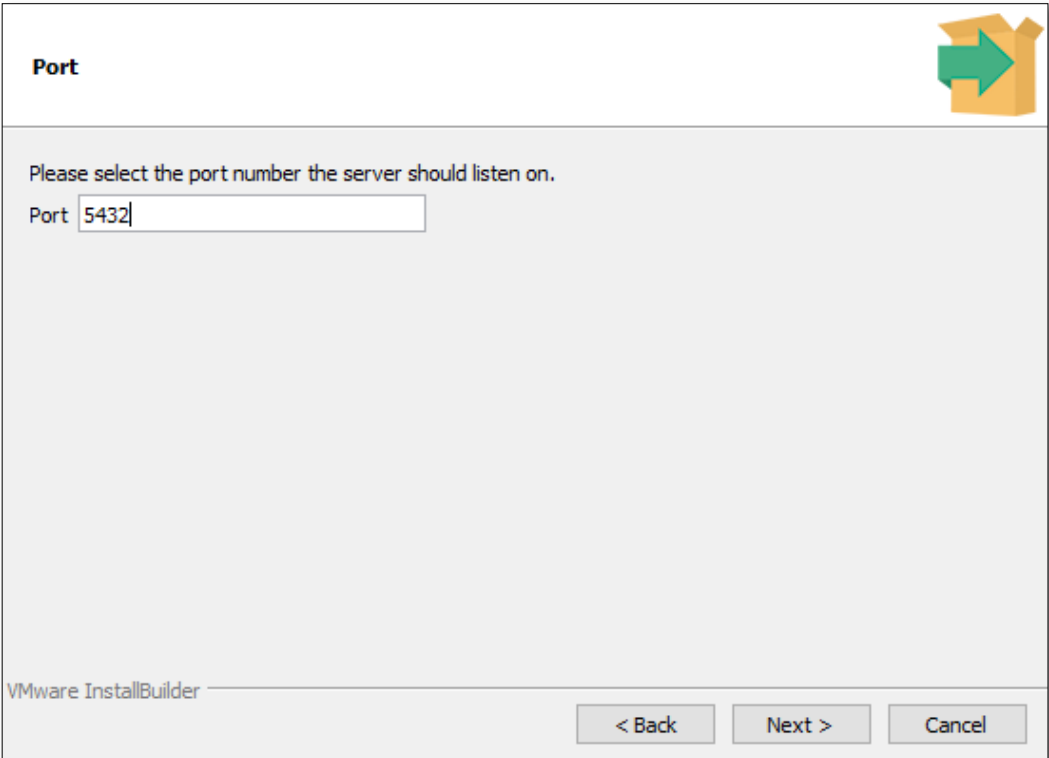


- **Chọn mật khẩu:** Bạn sẽ phải chọn mật khẩu để truy cập vào cơ sở dữ liệu.



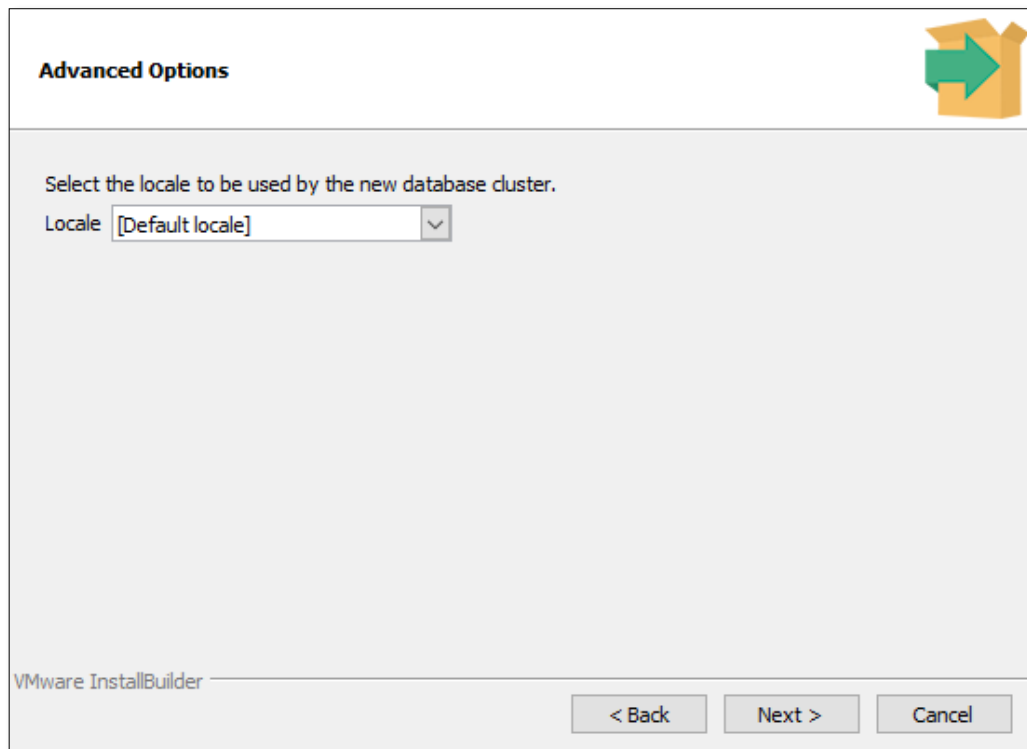
The screenshot shows a window titled "Password" with a green arrow icon in the top right corner. The main text reads: "Please provide a password for the database superuser (postgres)." Below this, there are two input fields: "Password" and "Retype password", both containing masked characters (dots). At the bottom left, it says "VMware InstallBuilder". At the bottom right, there are three buttons: "< Back", "Next >", and "Cancel".

- **Chọn cổng:** Bạn có thể thiết lập cổng cho máy chủ.

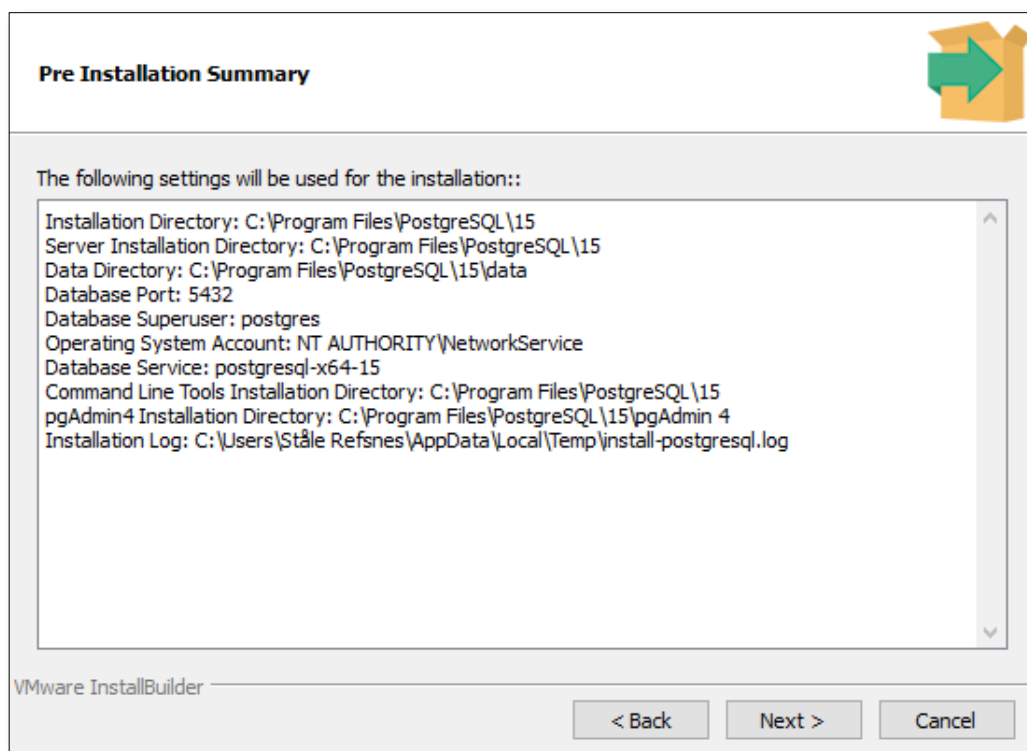


The screenshot shows a window titled "Port" with a green arrow icon in the top right corner. The main text reads: "Please select the port number the server should listen on." Below this, there is a single input field labeled "Port" containing the value "5432". At the bottom left, it says "VMware InstallBuilder". At the bottom right, there are three buttons: "< Back", "Next >", and "Cancel".

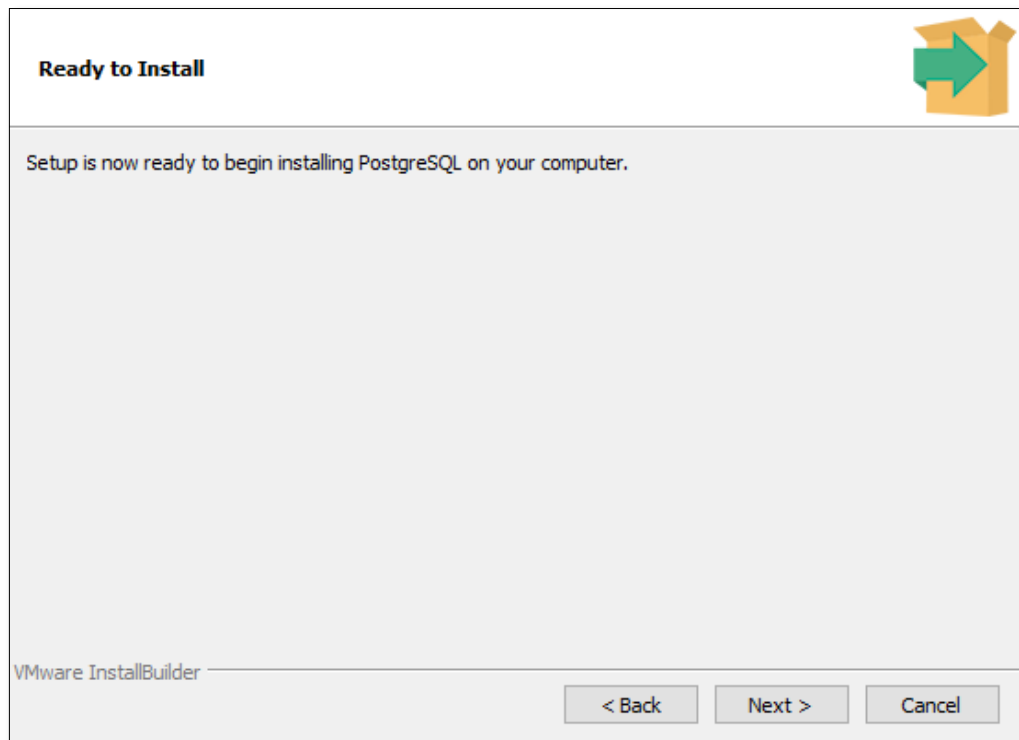
- **Chọn vị trí:** Chọn vị trí địa lý của máy chủ cơ sở dữ liệu.



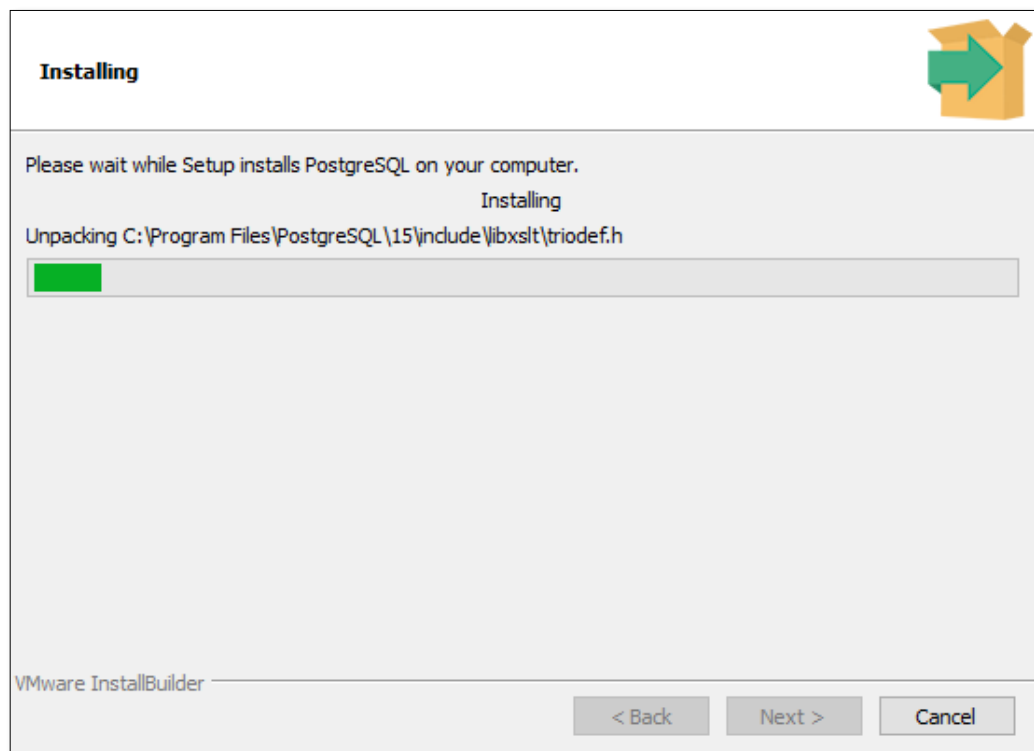
- **Kiểm tra cuối cùng:** Nếu mọi thứ có vẻ ổn, hãy nhấp vào “Next” để tiếp tục.



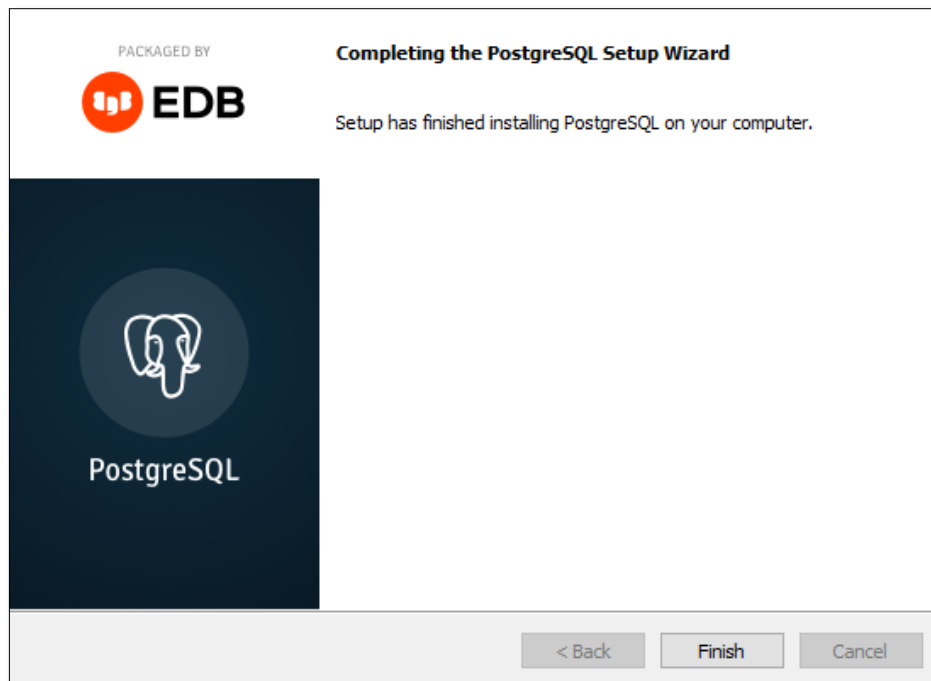
Bước 3: Bắt đầu cài đặt: Nhấp vào “Next” để bắt đầu cài đặt.



- Quá trình cài đặt cần một khoảng thời gian.



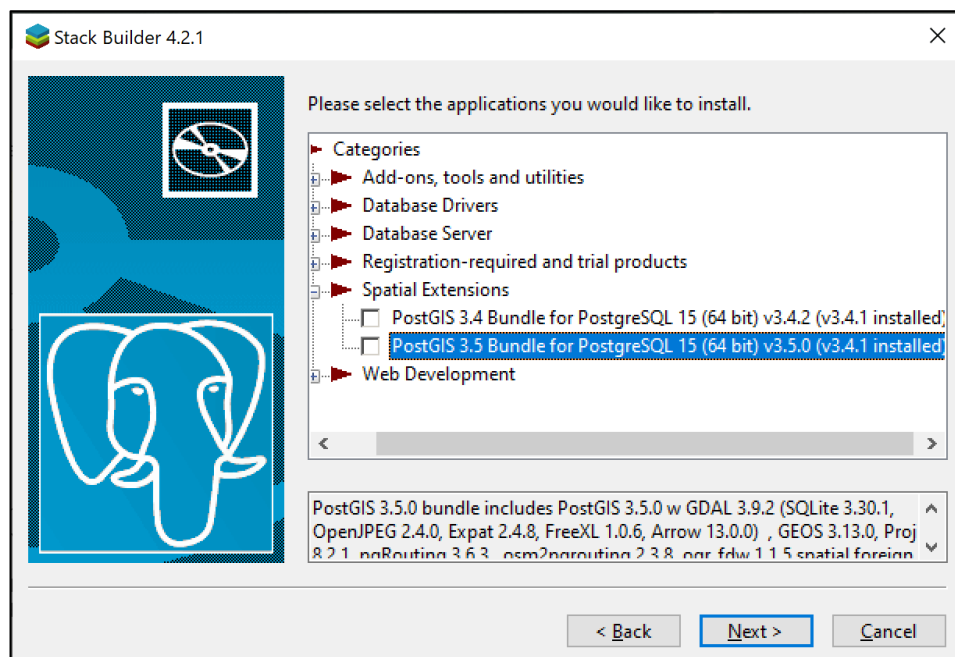
- Sau khi cài đặt hoàn thành, nhấn Finish để kết thúc.



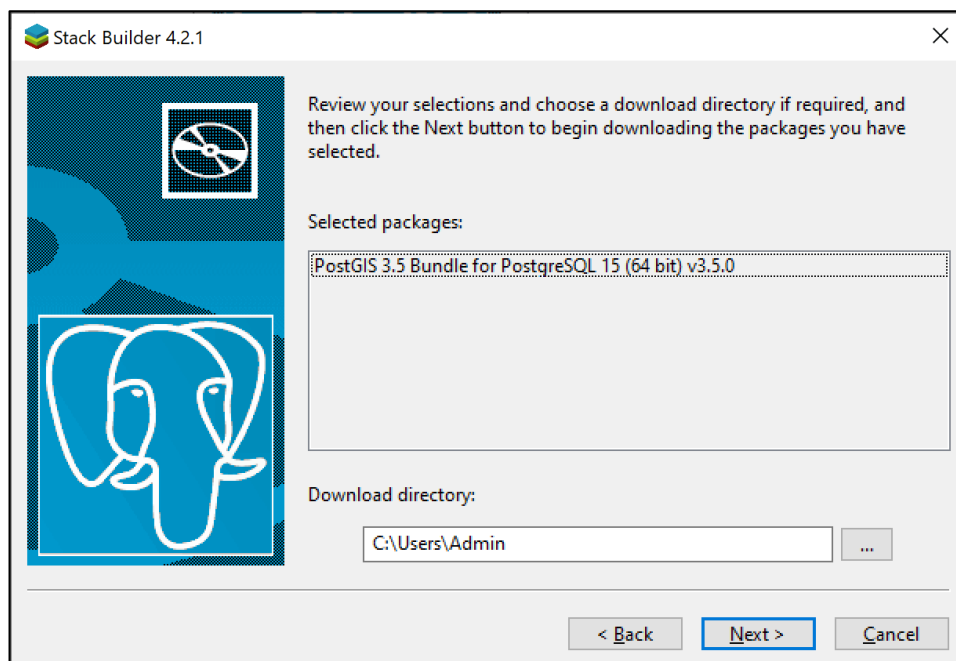
3. Cài đặt PostGIS

Ở phần trên ta đã tiến hành cài đặt Postgres, giờ ta tiến hành cài đặt PostGIS (lưu ý là phiên bản phù hợp với Postgres).

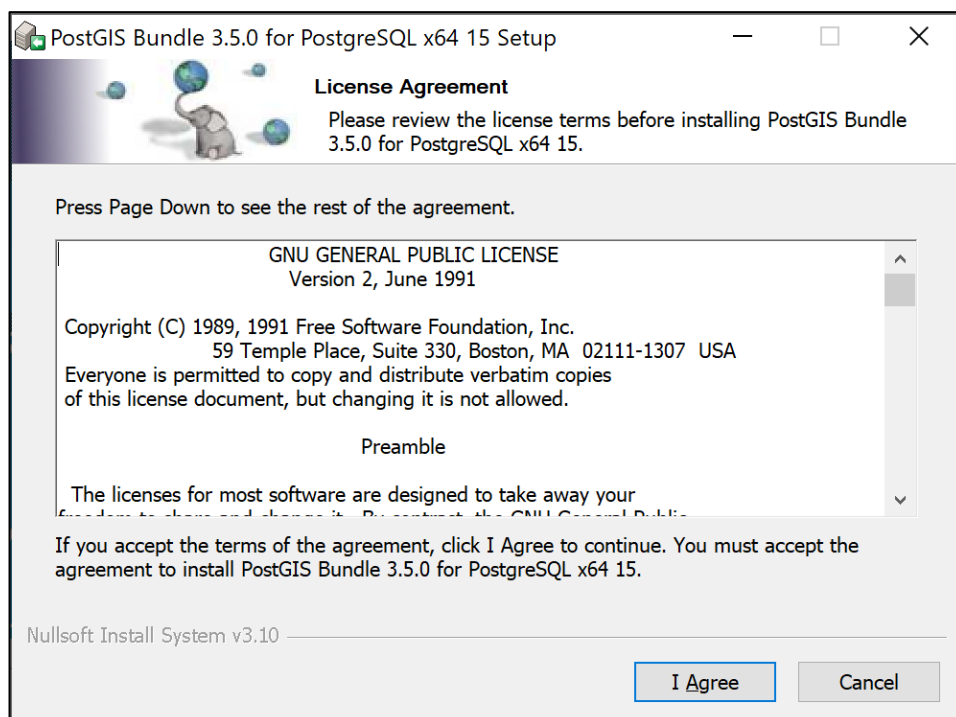
Bước 1: Sau khi cài đặt PostgreSQL, tiếp tục nhấn vào Stack Builder ở mục Spatial Extension hiển thị phiên bản PostGIS phù hợp. Tích chọn và nhấn Next để tiếp tục.



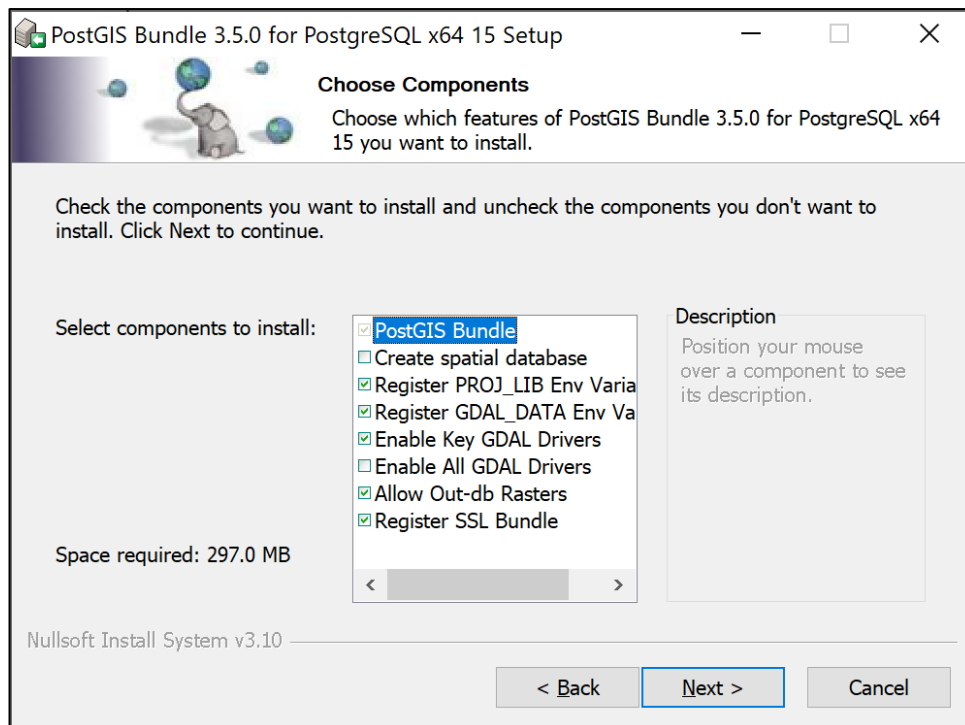
Bước 2: Tích chọn phiên bản PostGIS và nhấn Next.



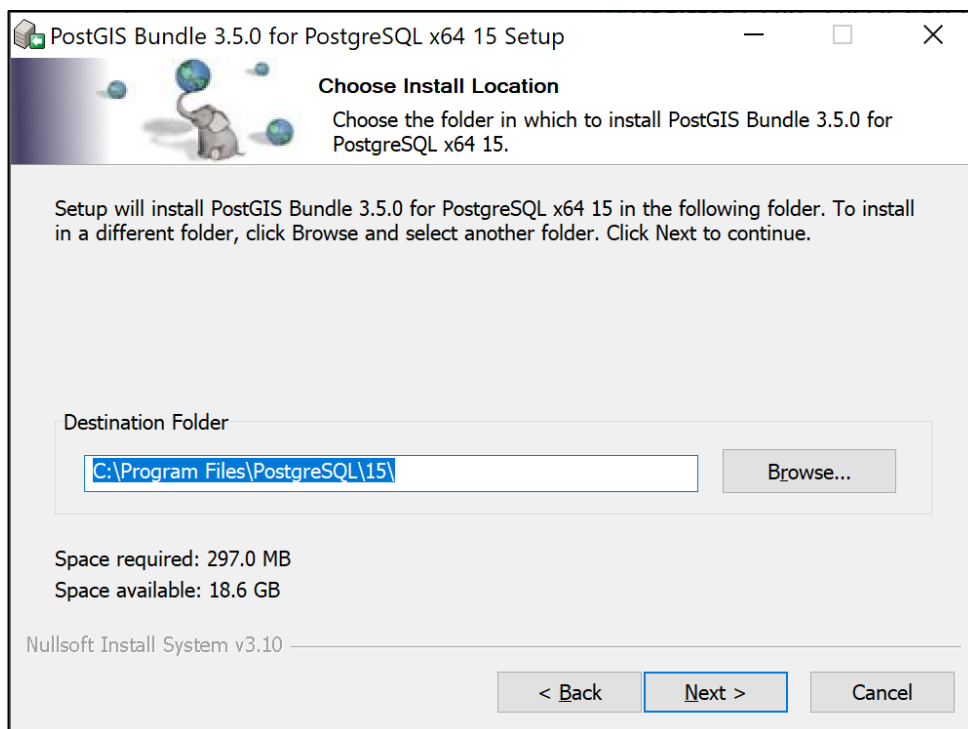
Bước 3: Trên giao diện cài đặt nhấn chọn I Agree để bắt đầu cài đặt.



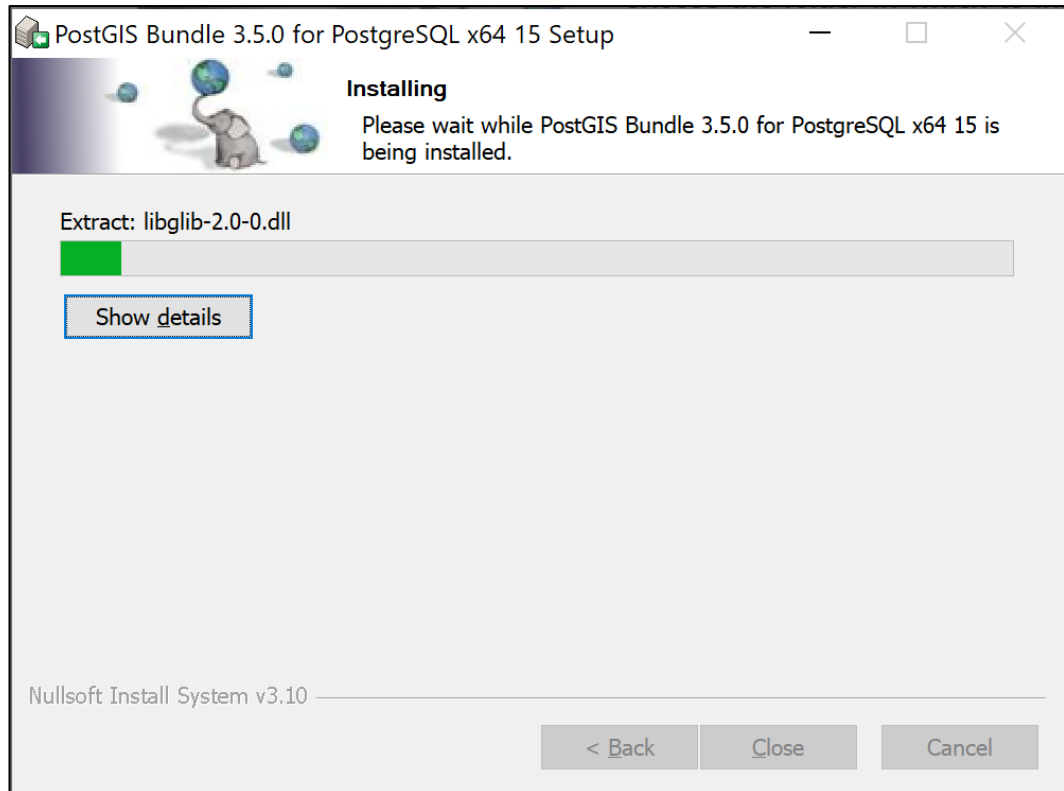
Bước 3: Chọn Next để tiếp tục.



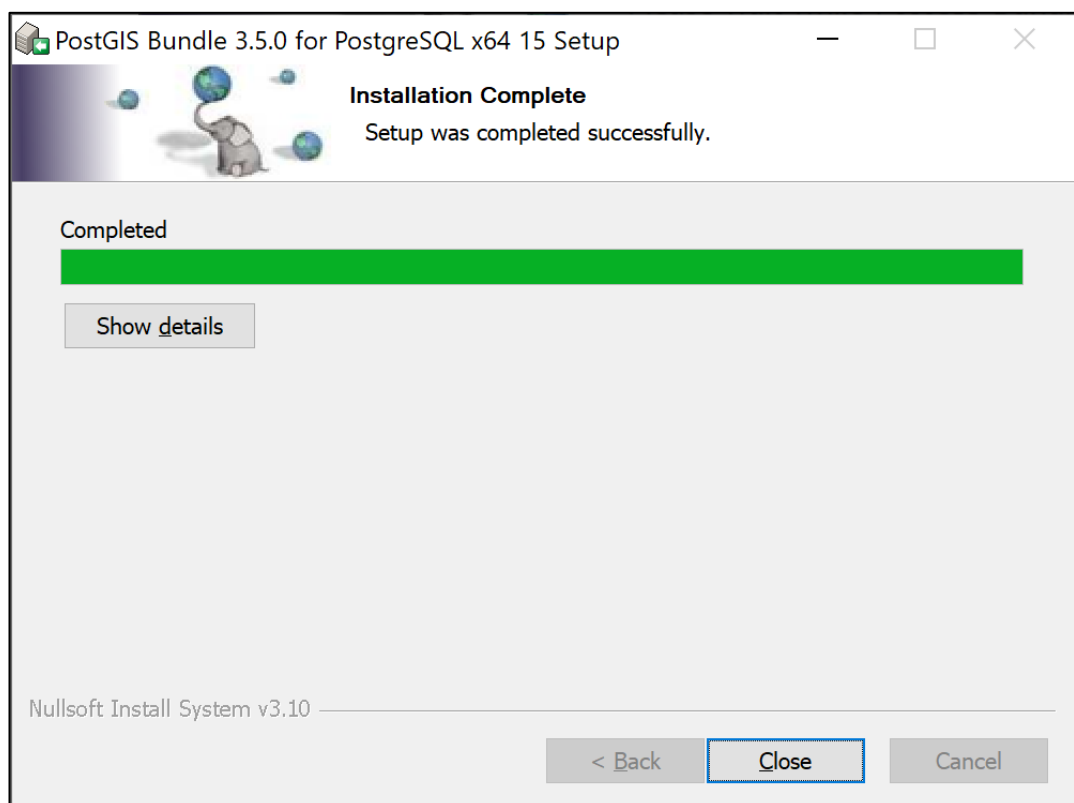
Bước 4: Chọn Next để bắt đầu cài đặt.



Bước 5: Quá trình cài đặt cần một khoảng thời gian.

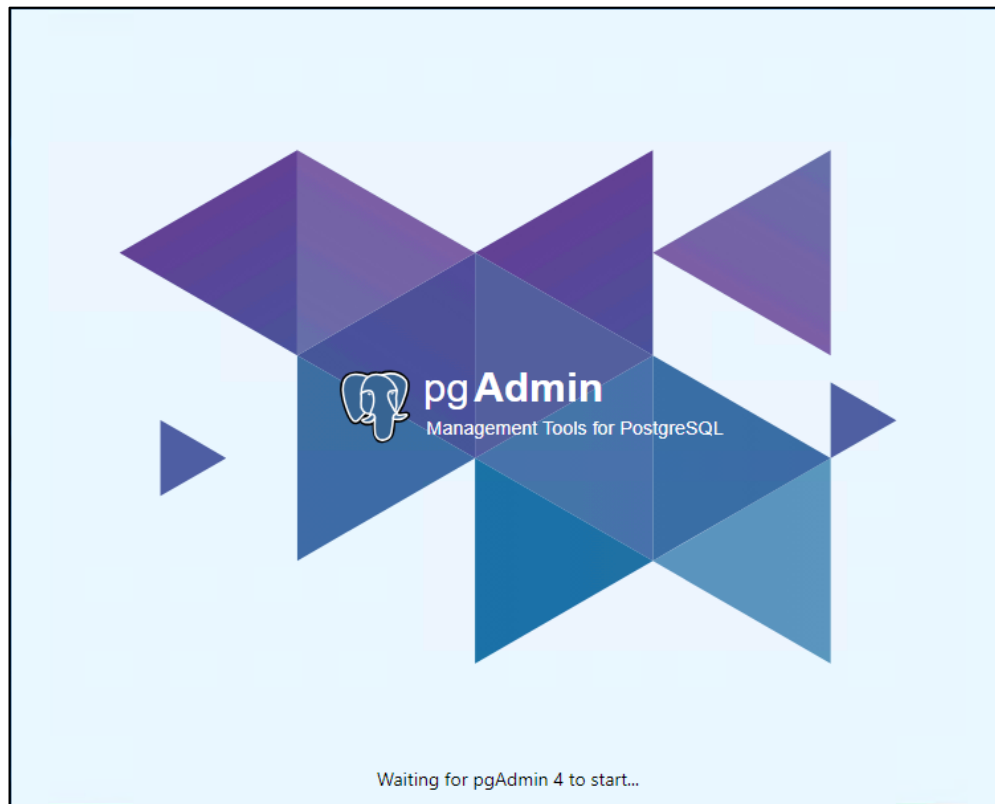


Bước 6: Khi hoàn thành có hộp thoại thông báo là đã cài đặt thành công, nhấn Close để đóng lại hộp thoại.



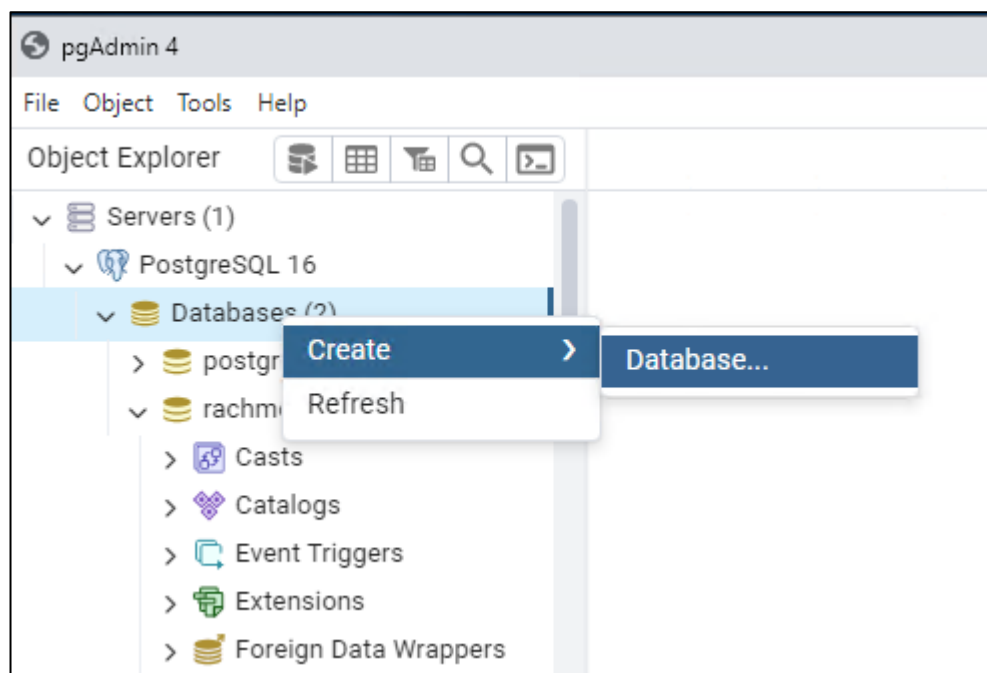
4. Cài đặt CSDL lên hệ quản trị CSDL

Bước 1: Sau khi cài PostgreSQL và PostGIS, chúng ta mở pgAdmin (hình con voi) để bắt đầu quá trình cài đặt cơ sở dữ liệu.

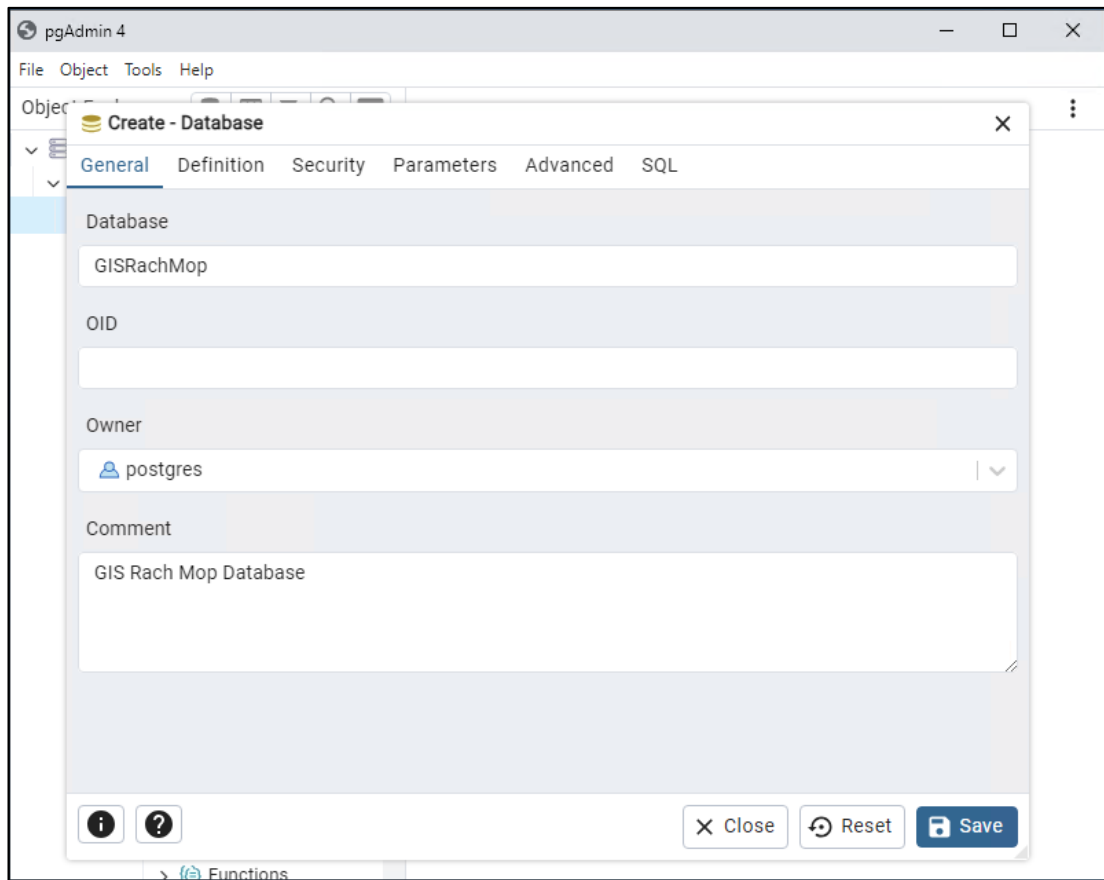


Bước 2: Nhấn đúp vào PostgreSQL để Connect sẽ hiện ra giao diện nhập username và password. Điền các thông tin rồi kick OK để connect.

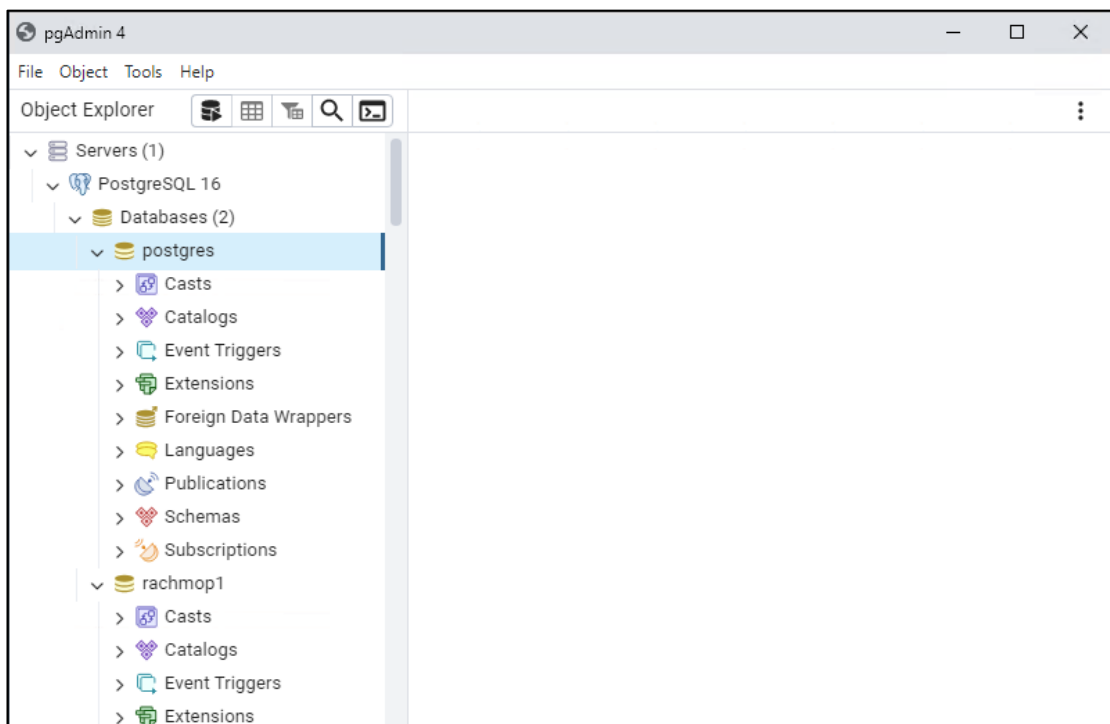
Bước 3: Chuột phải vào Database, chọn Create → Chọn Database...



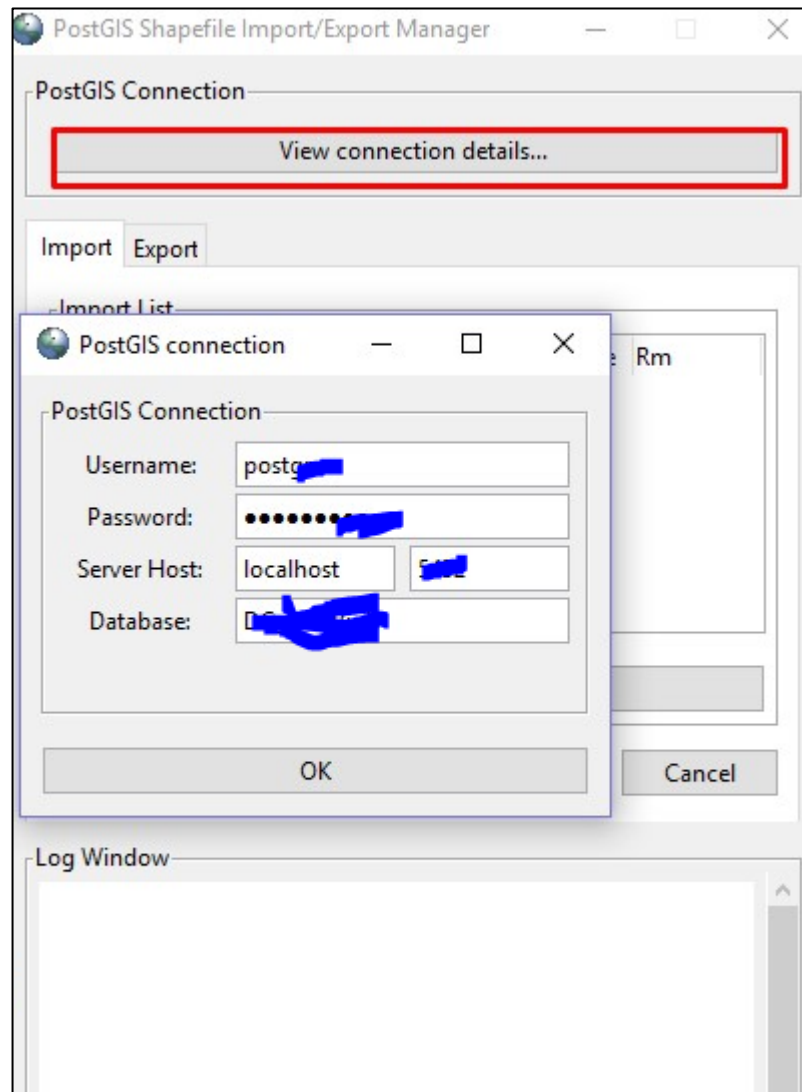
Bước 4: Trong tab General nhập tên Database, Owner bạn chọn là postgres. Nhập Comment nếu cần thiết.



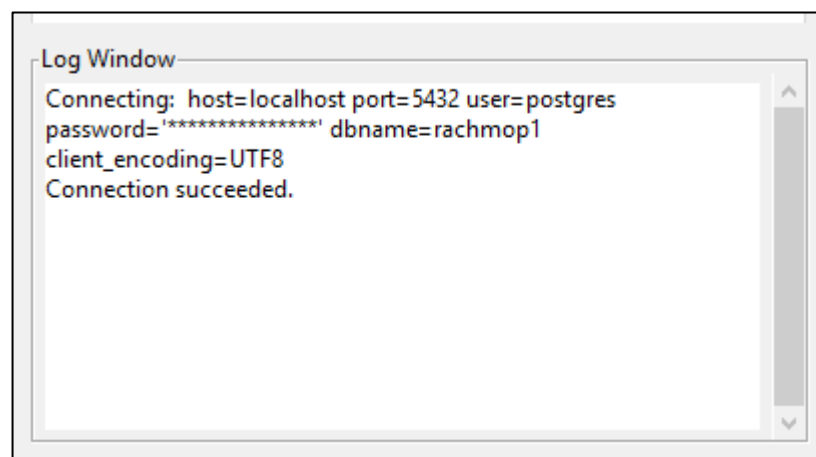
Bước 5: Ấn OK để hoàn thành, chúng ta đã tạo xong một Spatial Database để lưu dữ liệu không gian.



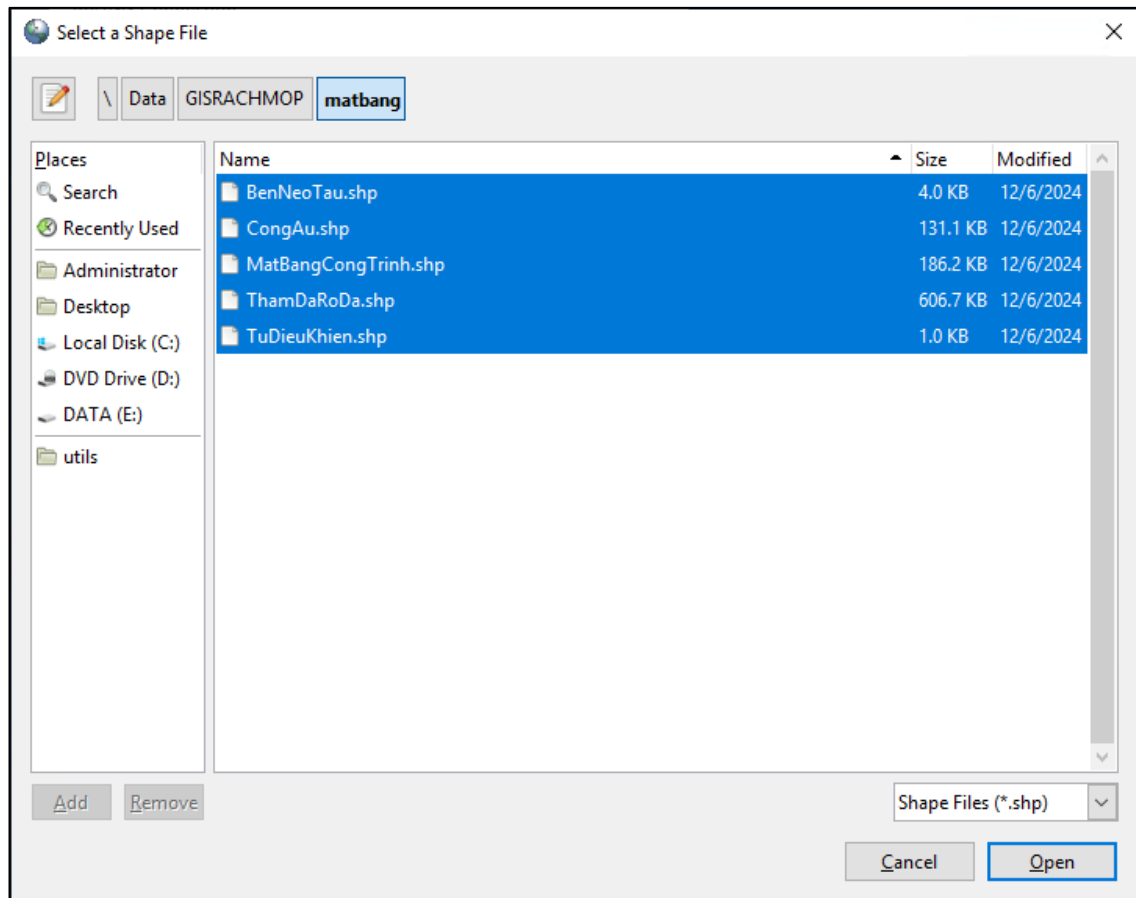
Bước 6: Mở công cụ PostGIS Shapefile Import/Export Manager. Công cụ này được cài sẵn sau khi đã cài PostGIS thành công(có thể tìm thấy trong menu Start → PostGIS..). Chọn vào View connection details... để nhập thông tin đăng nhập vào PostGIS như hình dưới.



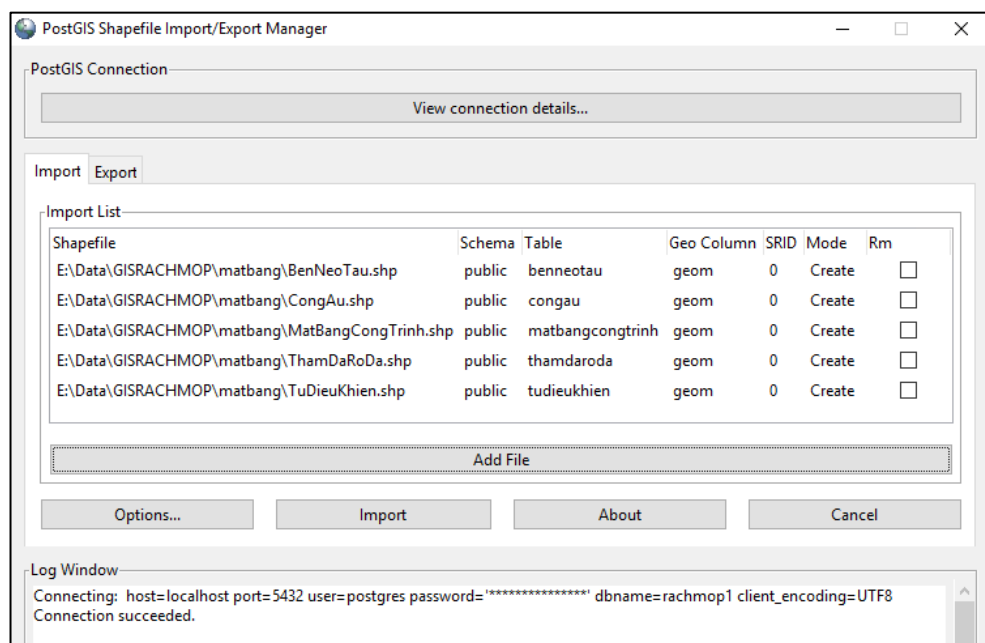
Bước 7: Sau khi kết nối thành công sẽ trên giao diện sẽ hiện thông báo như hình.



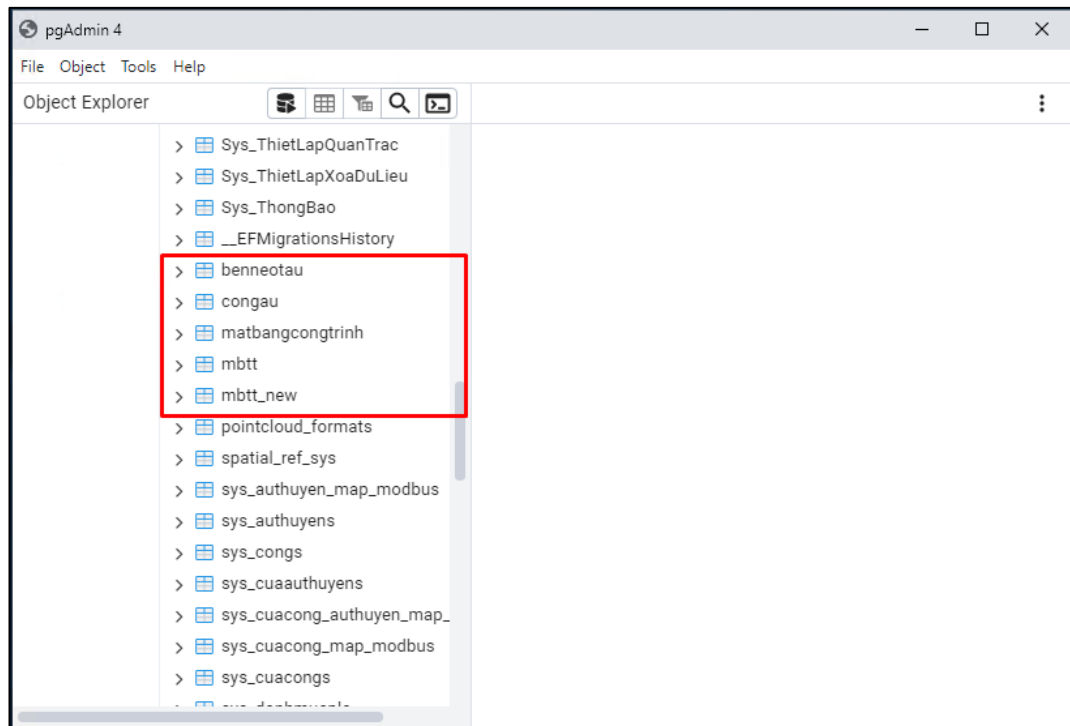
Bước 8: Chọn mục AddFile, tìm đến các tệp tin shapefile cần đưa vào cơ sở dữ liệu đã được lưu trữ ở thư mục trên máy chủ.



Bước 9: Nhấn nút Open, sau đó nhấn chuột vào Import để đưa shapefile này vào cơ sở dữ liệu GIS như hình dưới.



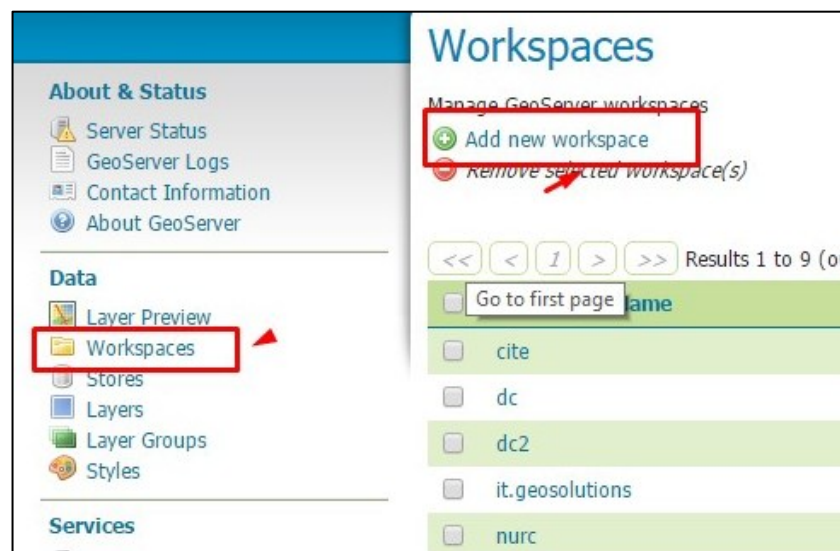
Bước 10: Sau khi hoàn thành bước trên, vào lại phần mềm pgAdmin và kiểm tra lại cơ sở dữ liệu GIS, các lớp dữ liệu đã được import vào cơ sở dữ liệu này.



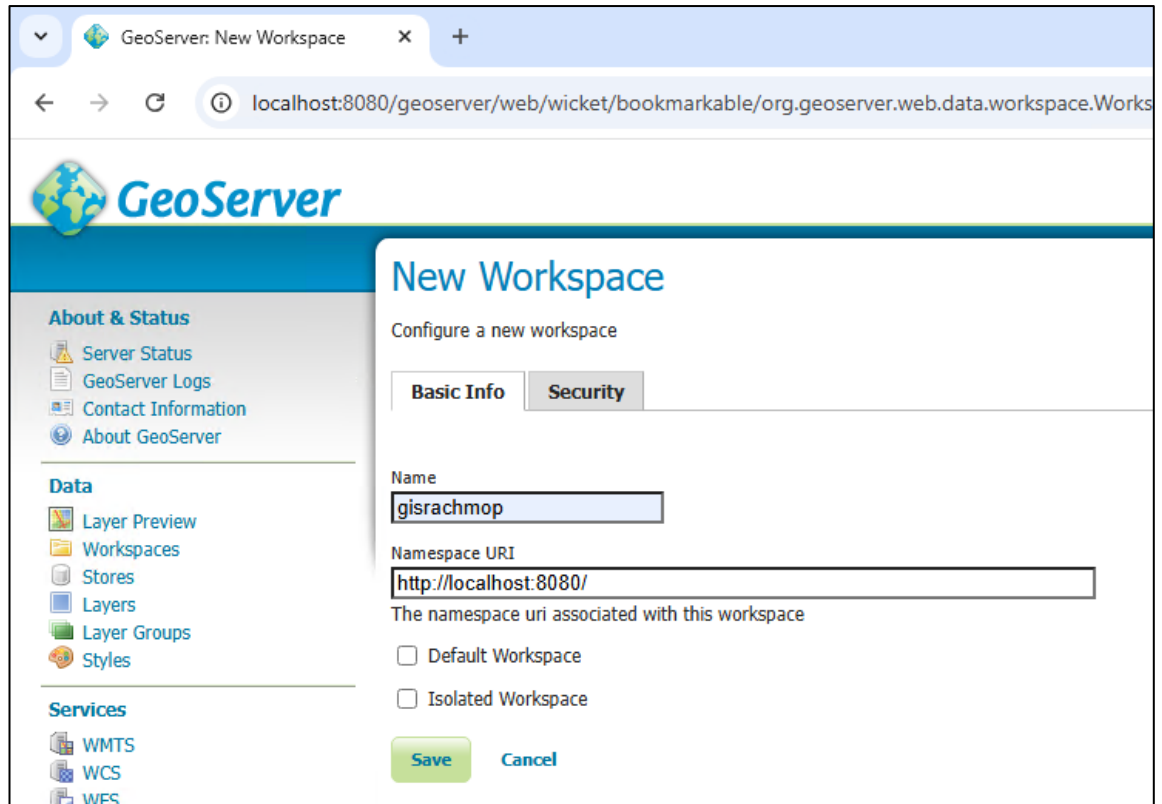
5. Chia sẻ dữ liệu với Geoserver

Bước 1: Dùng trình duyệt truy cập vào Geoserver, khi cài đặt Geoserver để cổng mặc định là 8080 nên đường dẫn sẽ là: <http://localhost:8080>. Đăng nhập để vào quản trị Geoserver với tài khoản đã khởi tạo.

Chúng ta cần một Workspace là một vùng làm việc, sau này chúng ta tạo bất cứ cái gì thì đều phải chọn Workspace. Chọn Workspace ở cột bên trái, trong phần Data, chọn Add new Workspace.

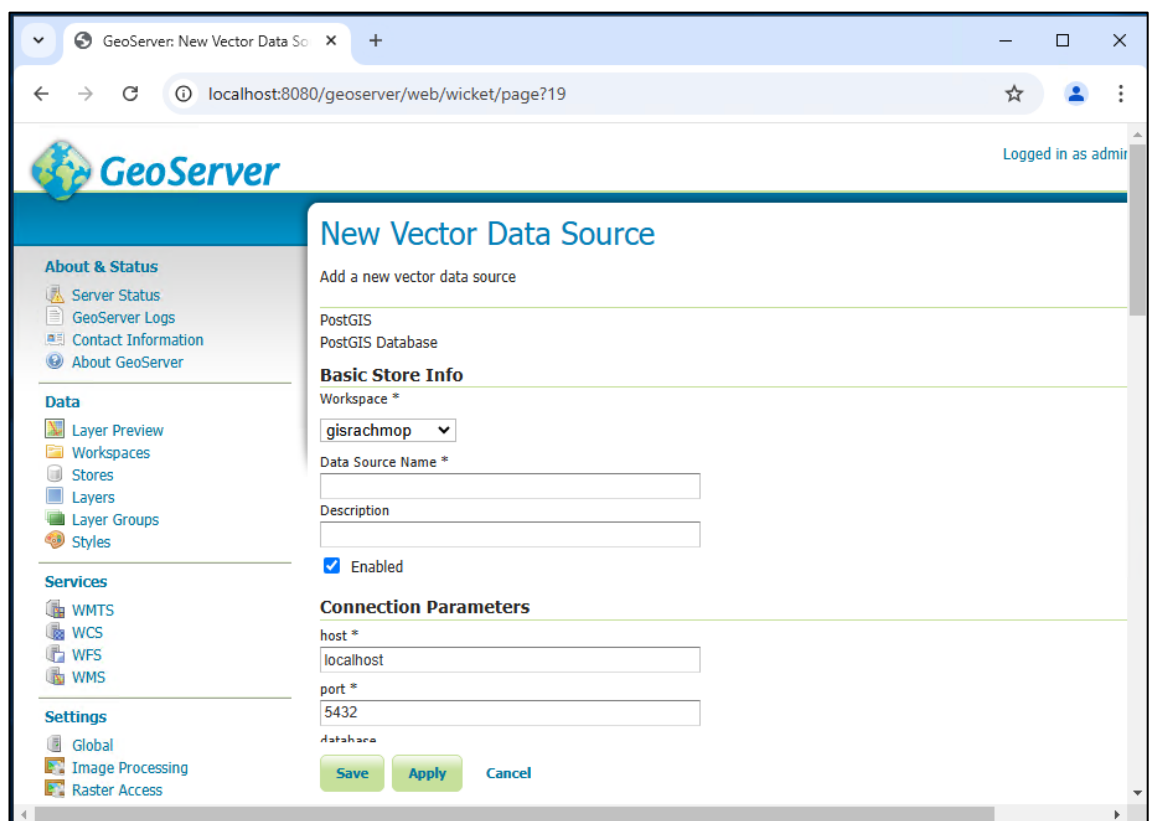


Bước 2: Nhập tên của Workspace và Namespace URI vào ô nhập rồi ấn Save.



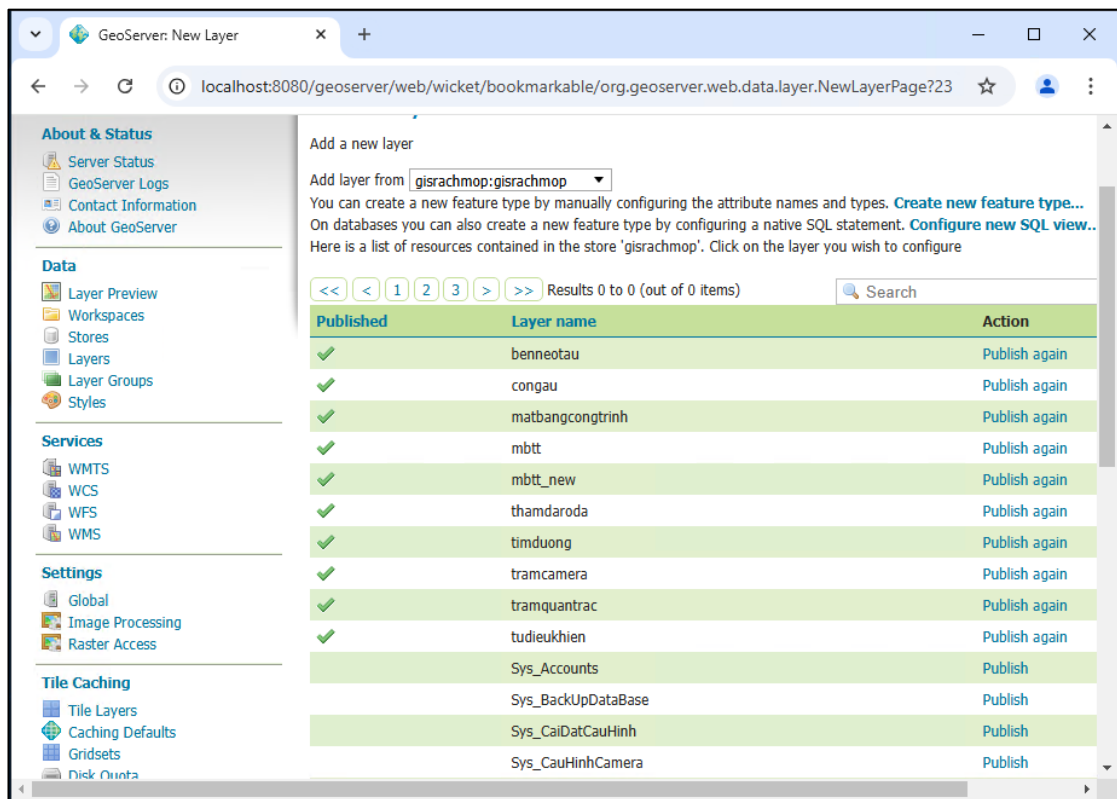
The screenshot shows the GeoServer web interface in a browser. The page title is 'GeoServer: New Workspace'. The URL bar shows 'localhost:8080/geoserver/web/wicket/bookmarkable/org.geoserver.web.data.workspace.Workspace'. The left sidebar contains a menu with sections: 'About & Status' (Server Status, GeoServer Logs, Contact Information, About GeoServer), 'Data' (Layer Preview, Workspaces, Stores, Layers, Layer Groups, Styles), and 'Services' (WMTS, WCS, WFS). The main content area is titled 'New Workspace' and has a subtitle 'Configure a new workspace'. It features two tabs: 'Basic Info' (selected) and 'Security'. Under 'Basic Info', there is a 'Name' field with the value 'gisrachmop', a 'Namespace URI' field with the value 'http://localhost:8080/', and a description 'The namespace uri associated with this workspace'. Below these fields are two checkboxes: 'Default Workspace' and 'Isolated Workspace', both of which are unchecked. At the bottom of the form are 'Save' and 'Cancel' buttons.

Bước 2: Tiếp đến tạo một Stores để trỏ đến cơ sở dữ liệu GIS của chúng ta. Chọn Store cột bên trái, chọn Add new store. Ở đây thì Geoserver hỗ trợ chúng ta khá nhiều loại data, chúng ta làm việc với PostGIS nên sẽ chọn vào PostGIS.

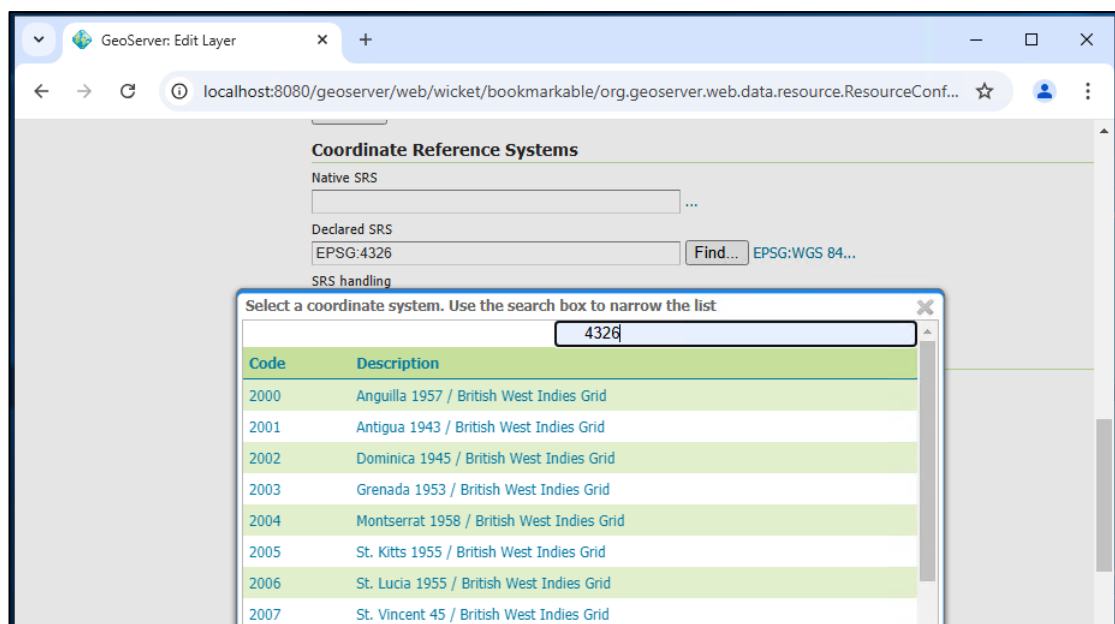


The screenshot shows the GeoServer web interface in a browser. The page title is 'GeoServer: New Vector Data Source'. The URL bar shows 'localhost:8080/geoserver/web/wicket/page?19'. The left sidebar is the same as in the previous screenshot. The main content area is titled 'New Vector Data Source' and has a subtitle 'Add a new vector data source'. It features a 'PostGIS' section with 'PostGIS Database' selected. Below this is the 'Basic Store Info' section, which includes a 'Workspace' dropdown menu with 'gisrachmop' selected, a 'Data Source Name' field, a 'Description' field, and an 'Enabled' checkbox which is checked. The 'Connection Parameters' section includes a 'host' field with 'localhost', a 'port' field with '5432', and a 'database' field. At the bottom of the form are 'Save', 'Apply', and 'Cancel' buttons.

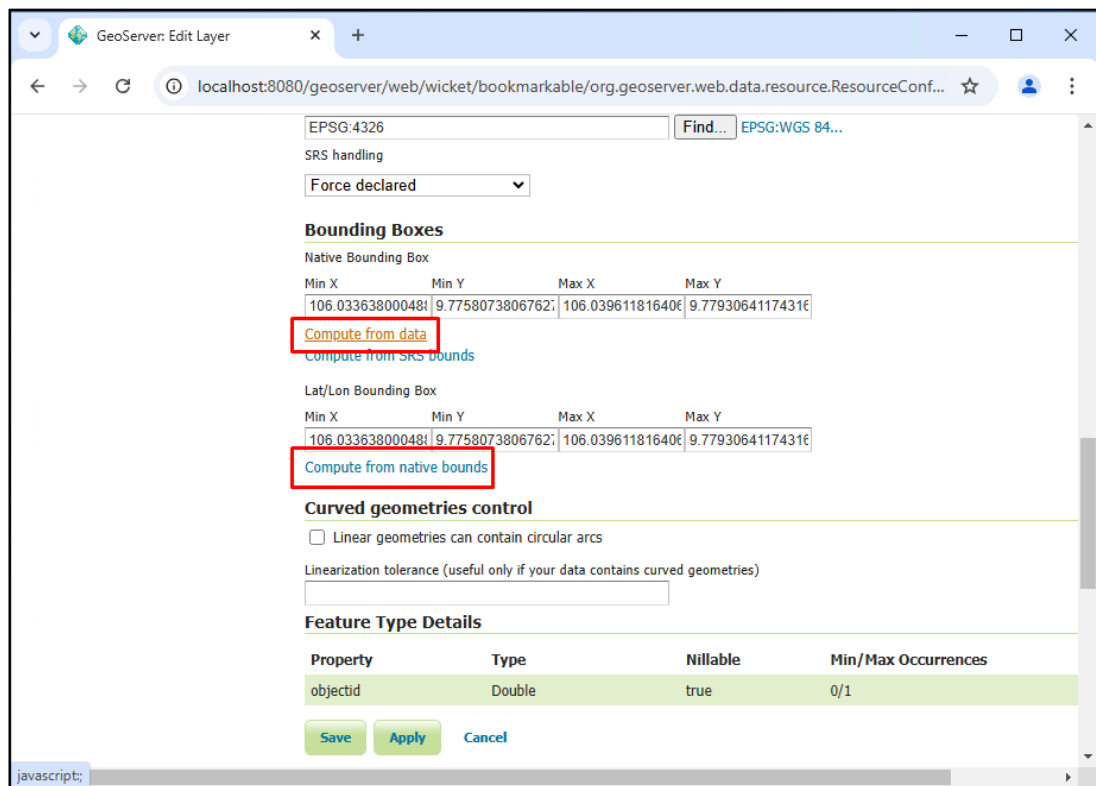
Bước 3: Chúng ta nhập các thông số cho store của chúng ta, sau khi nhập thành công Geoserver sẽ tự động load các layer và đưa chúng ta sang trang layer, chúng ta có thể chọn public để public các lớp layer cần thiết.



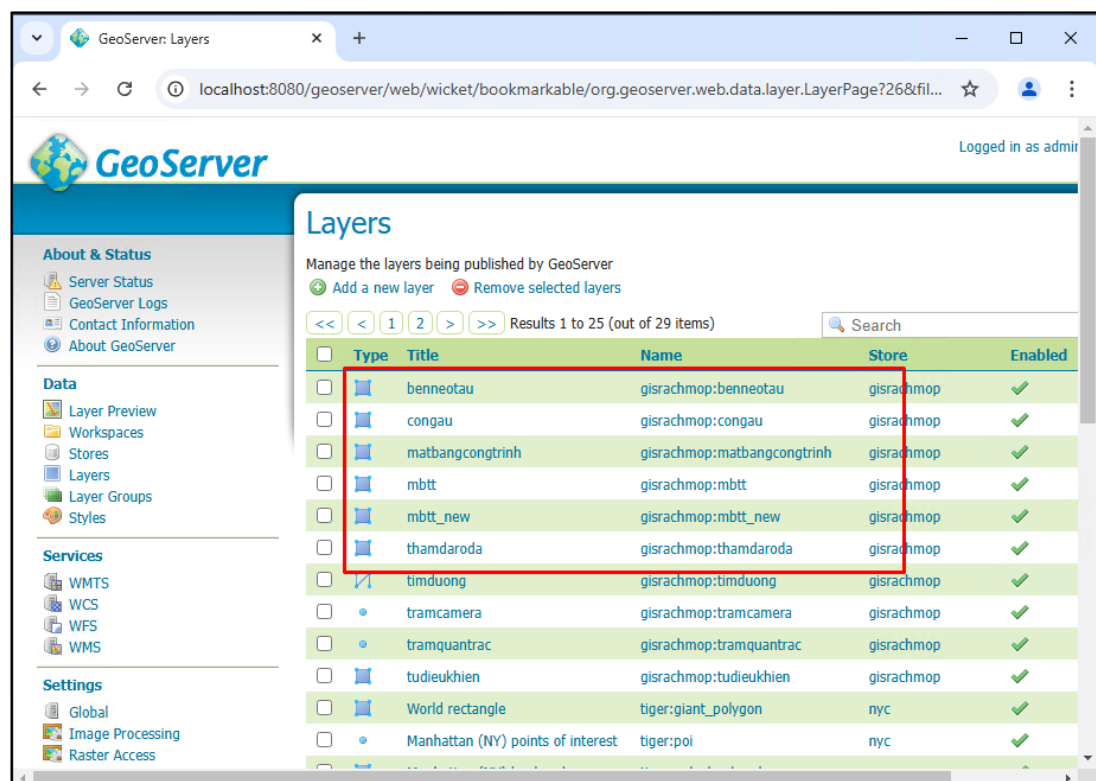
Bước 4: Trong phần này bạn sẽ phải định nghĩa các thông số cho layer, để các giá trị mặc định. Trong đó có phần định nghĩa hệ tọa độ là WGS 84, code là 4326.(bạn có thể tìm kiếm trong trang <http://spatialreference.org/> để biết code của hệ quy chiếu mình đang sử dụng).



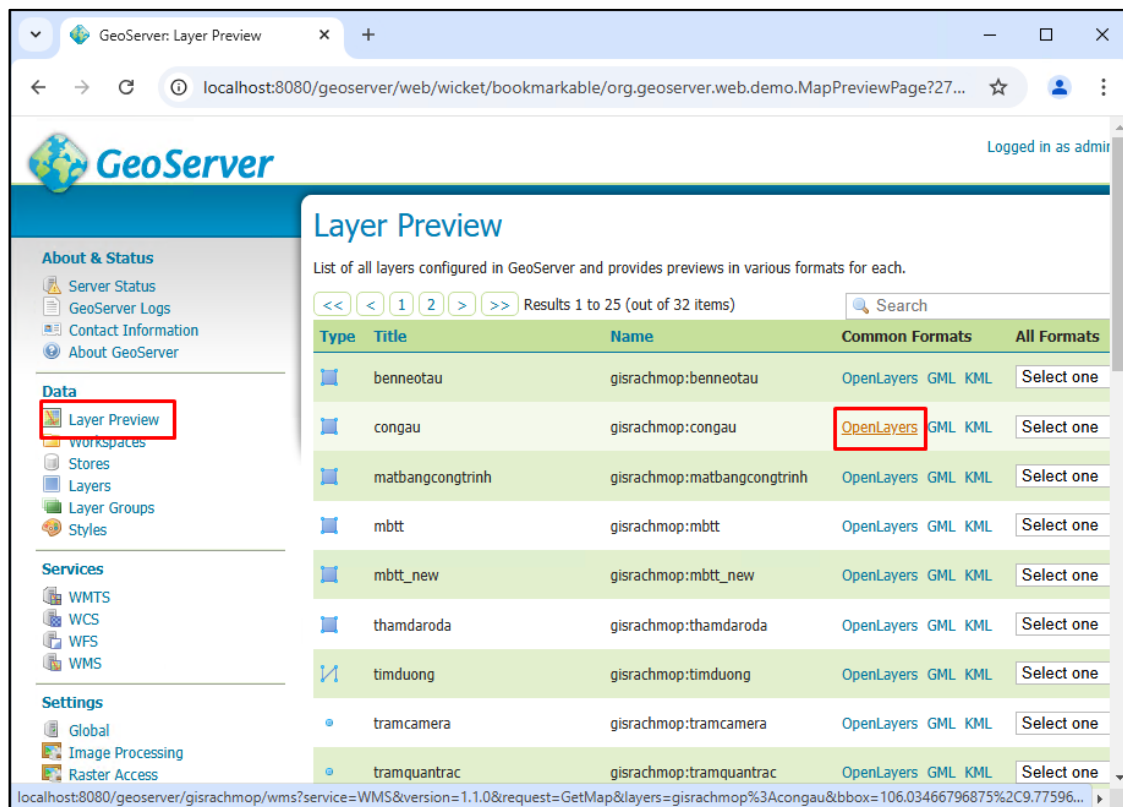
Bước 5: Trong phần Bounding Boxes, chúng ta tính toán extent cho layer. Nhấn vào nút Compute from data và Compute from native bounds để phần mềm tự động lấy các giá trị trực tiếp từ cơ sở dữ liệu.



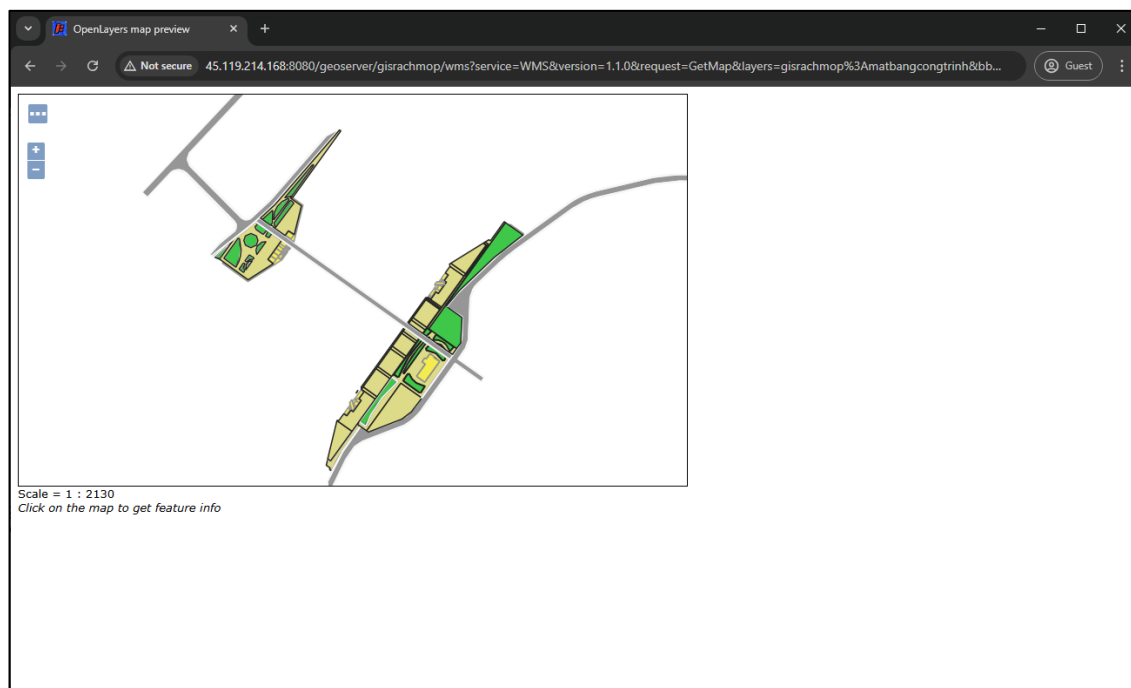
Bước 6: Nhấn nút Save để lưu lại layer, thực hiện tương tự cho tất cả các lớp dữ liệu. Sau khi lưu xong thì layer sẽ hiện trên danh sách như hình dưới.



Bước 7: Nhấn vào public layer để thực hiện chia sẻ lớp dữ liệu này. Sau khi hoàn thành public layer xong, bạn có thể vào Layer Preview để xem layer.

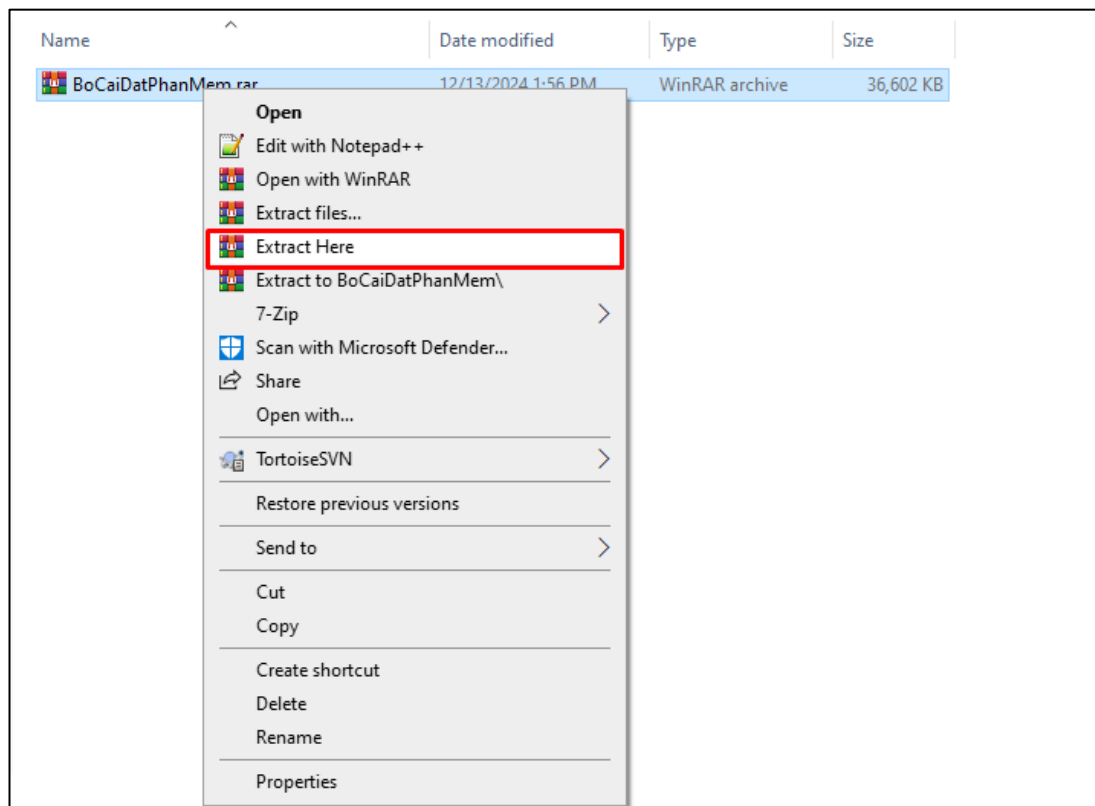


Bước 8: Sau khi hoàn thành, phần mềm sẽ hiển thị các lớp dữ liệu như hình.

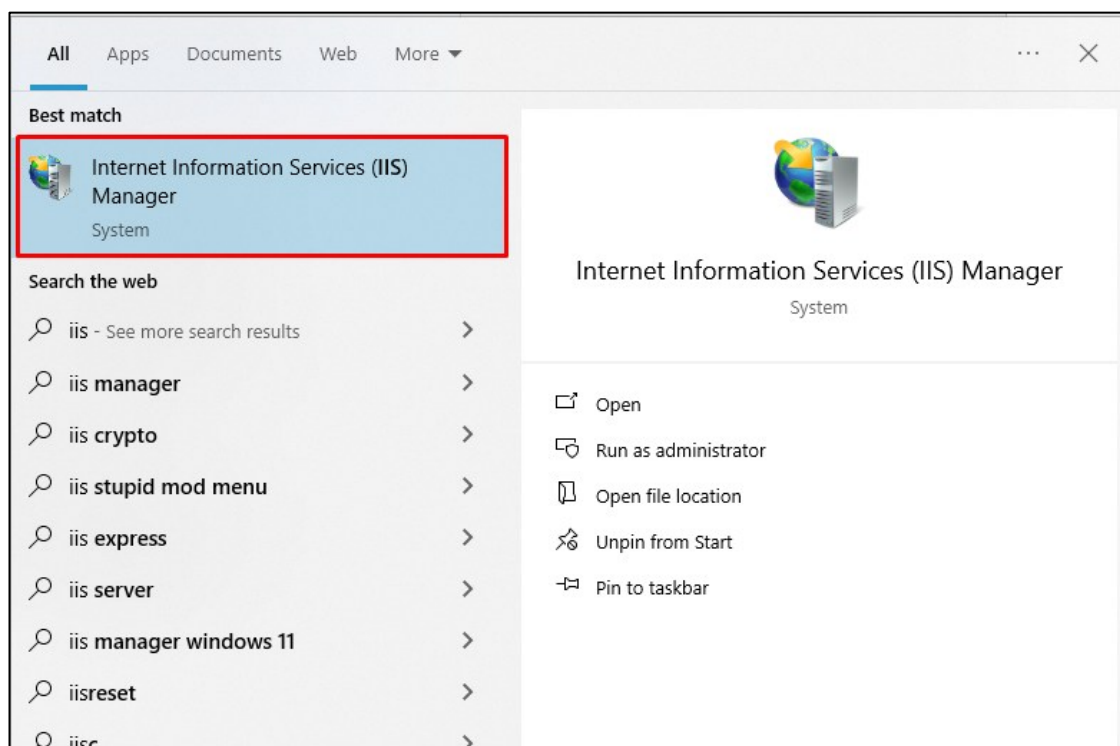


6. Cài đặt phần mềm trên máy chủ

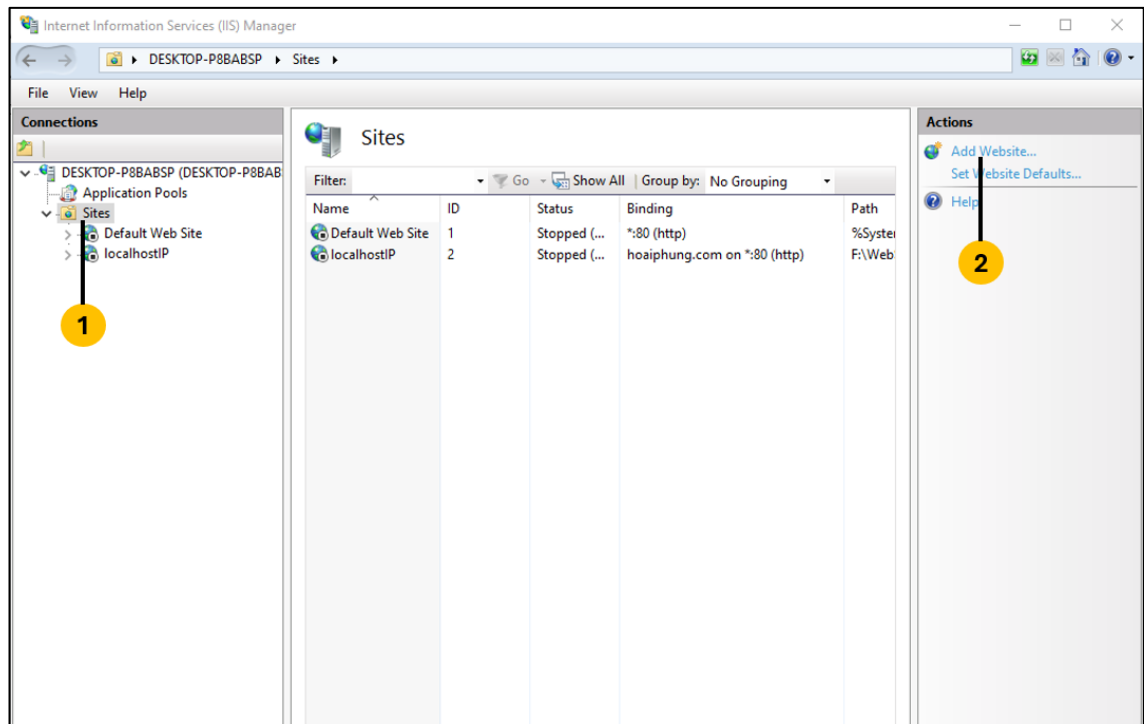
Bước 1: Giải nén bộ cài đặt “BoCaiDatPhanMem.rar” vào thư mục đã tạo trên hệ thống server.



Bước 2: Tìm ứng dụng Internet Information Services (IIS) trên Windows Server.



Bước 3: Khởi chạy ứng dụng Internet Information Services (IIS) trên Windows Server.



- (1) Click chọn Site
- (2) Chọn Add Website

Bước 4: Sau khi hiển thị bản thông tin Add Website

Site name: WEBSITE_RACHMOP

Application pool: WEBSITE_RACHMOP

Content Directory

Physical path: F:\WebSitesCilent\WEBSITE_IOT_RACHMOP

Pass-through authentication

Connect as... Test Settings...

Binding

Type: https IP address: gisrachmop.com Port: 443

Host name:

☐ Require Server Name Indication

☐ Disable TLS 1.3 over TCP ☐ Disable QUIC

☐ Disable Legacy TLS ☐ Disable HTTP/2

☐ Disable OCSP Stapling

SSL certificate: IIS Express Development Certificate

Select... View...

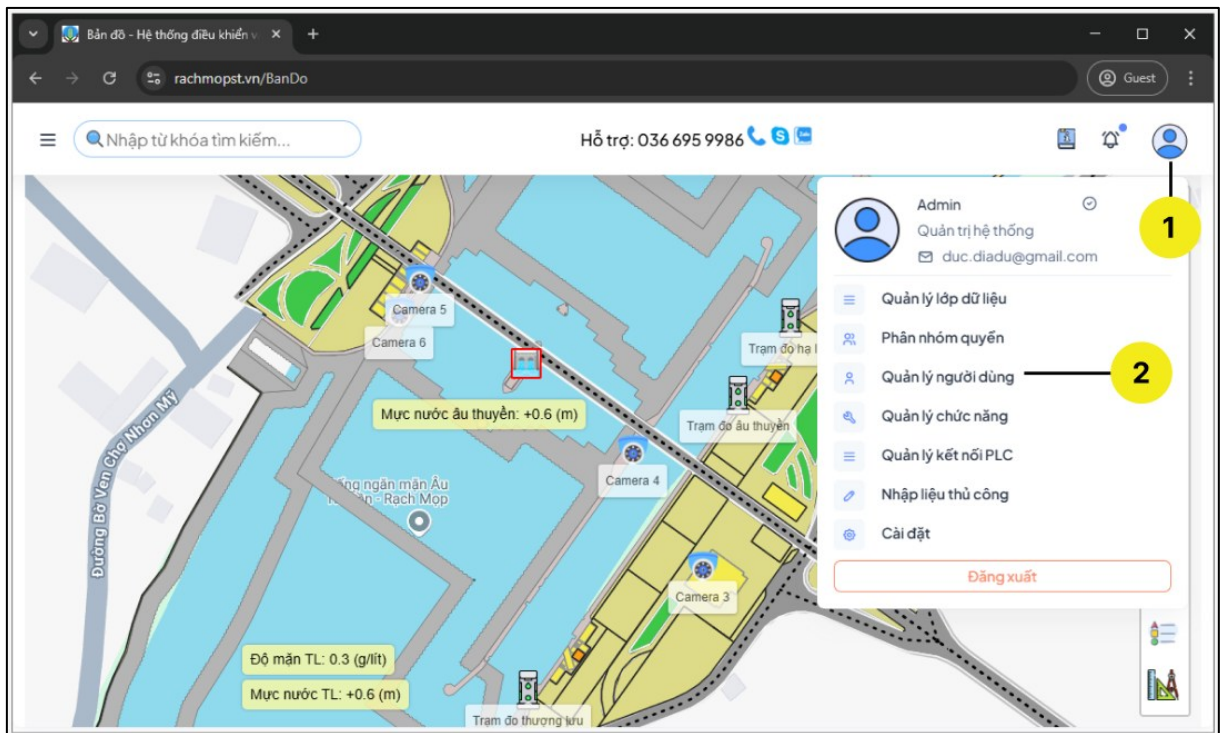
☒ Start Website immediately

OK Cancel

- (1) Nhập tên Site name:
- (2) Trở đến thư mục vừa giải nén ở Bước 1
- (3) Nhập tên miền webstie (Domain)
- (4) Sau đó nhấn chọn OK

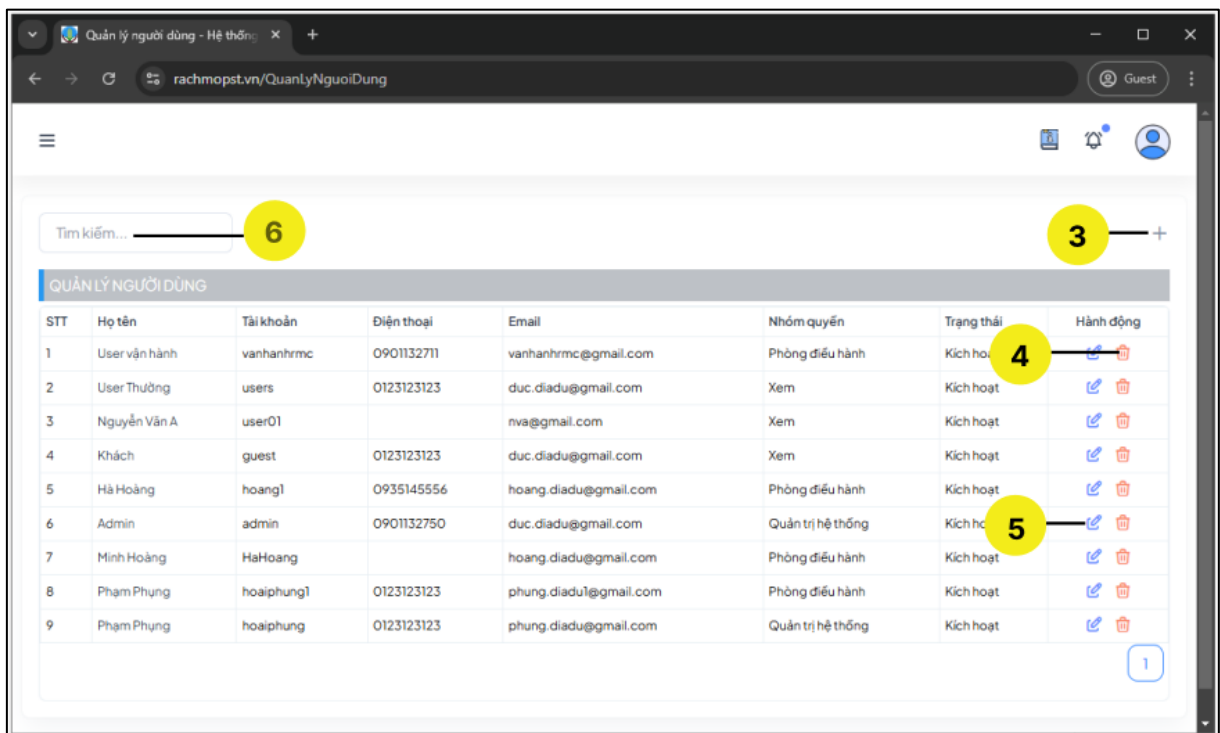
II. CẤU HÌNH VÀ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG

1. Đăng ký tài khoản



(1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình

(2) Chọn vào “Quản lý người dùng”



(3) Chức năng thêm mới tài khoản người dùng

(4) Chức năng chỉnh sửa thông tin tài khoản người dùng

(5) Chức năng xóa tài khoản người dùng

(6) Chức năng tìm kiếm dữ liệu người dùng

- Nhấn vào (3) sẽ mở giao diện thêm mới người dùng:

Thêm mới người dùng

Họ và tên *

Tài khoản *

Email *

Điện thoại

Nhóm quyền *

Mật khẩu *

Trạng thái *

Đóng Cập nhật

- Nhấn vào (5) sẽ mở giao diện chỉnh sửa người dùng:

Chỉnh sửa thông tin

Họ và tên *

Tài khoản *

Email *

Điện thoại

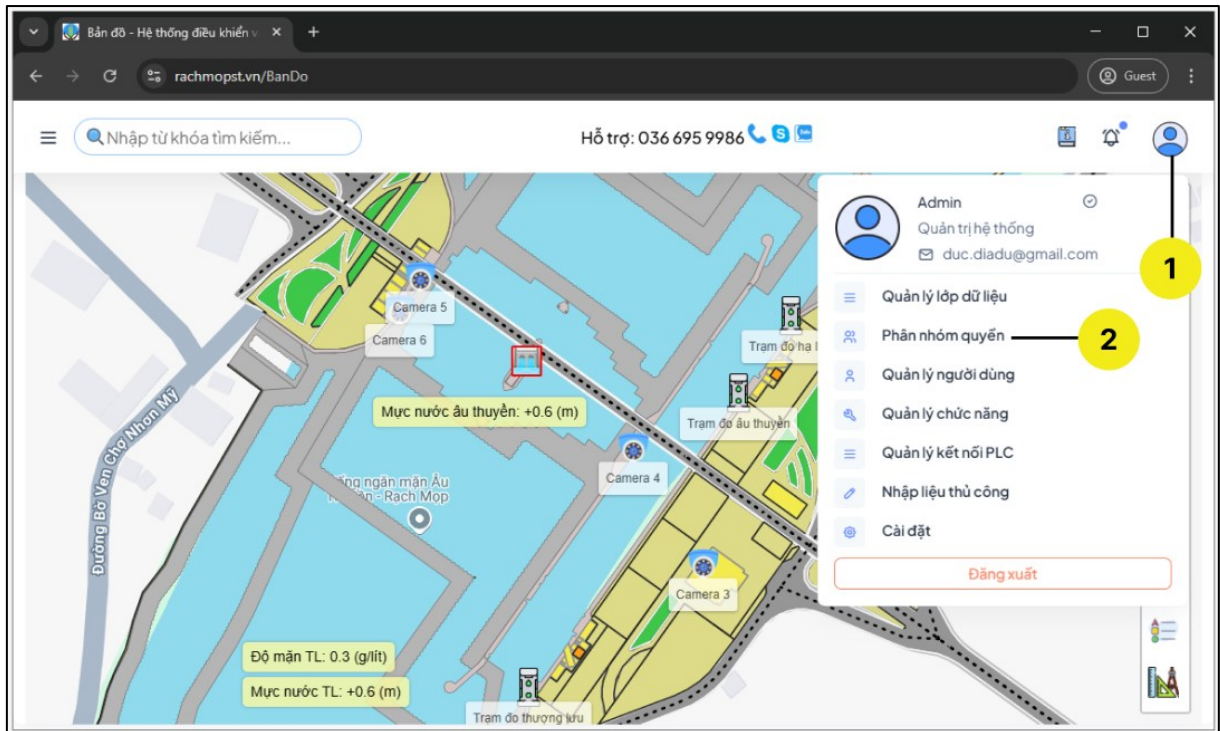
Nhóm quyền *

Mật khẩu *

Trạng thái *

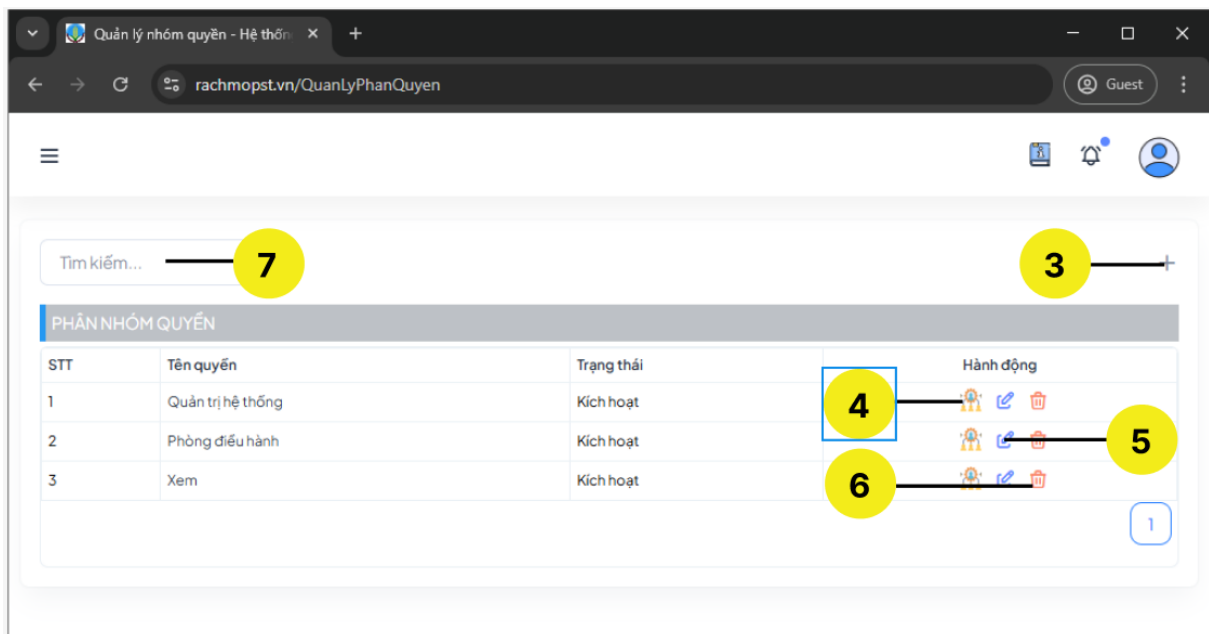
Đóng Cập nhật

2. Phân quyền theo đơn vị



(1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình

(2) Chọn vào “Phân nhóm quyền”



(3) Chức năng thêm mới đơn vị

(4) Chức năng phân quyền đơn vị

(5) Chức năng chỉnh sửa đơn vị

(6) Chức năng xóa đơn vị

(7) Chức năng tìm kiếm dữ liệu đơn vị

- Nhấn vào (3) sẽ mở giao diện thêm mới đơn vị:

Thêm mới nhóm quyền

Tên quyền *

Trạng thái *

Tên quyền

Kích hoạt

Đóng

Cập nhật

- Nhấn vào (5) sẽ mở giao diện chỉnh sửa đơn vị:

Chỉnh sửa thông tin

Tên quyền *

Trạng thái *

Xem

Kích hoạt

Đóng

Cập nhật

- Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện phân quyền cho từng đơn vị:

Bản đồ

Thống kê - Báo cáo

Thiết lập

8

9

10

11

12

13

14

15

16

PHÂN QUYỀN NHÓM QUẢN TRỊ HỆ THỐNG			Xem	Chi tiết	Thêm	Sửa	Xóa	Tái vẽ	Duyệt	Điều hành	Tất cả
1	Điều khiển	/DieuKien	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
2	Cấu hình cảnh báo	/CauHinhCanhBao	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
3	Danh mục	/DanhMuc	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
4	— Danh mục thông số giám sát	/DanhMuc/DanhMucThongSoGiamSat	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
5	— Danh mục số liệu	/DanhMuc/DanhMucSoLieu	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
6	— Danh mục tính hiệu	/DanhMuc/DanhMucTinhHieu	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
7	Phân quyền theo đơn vị	/QuanLyPhanQuyen	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
8	— Phân quyền theo chức năng	/QuanLyPhanQuyen/DanhSachChucNang	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
9	— Phân quyền chức năng của đơn vị	/QuanLyPhanQuyen/PhanQuyenNhomQuyen	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
10	Quản lý người dùng	/QuanLyNguoiDung	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒
11	Bản đồ	/BanDo	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒	☒

Trở lại

Cập nhật

(8) Phân quyền xem chức năng hệ thống

(9) Phân quyền xem chi tiết chức năng hệ thống

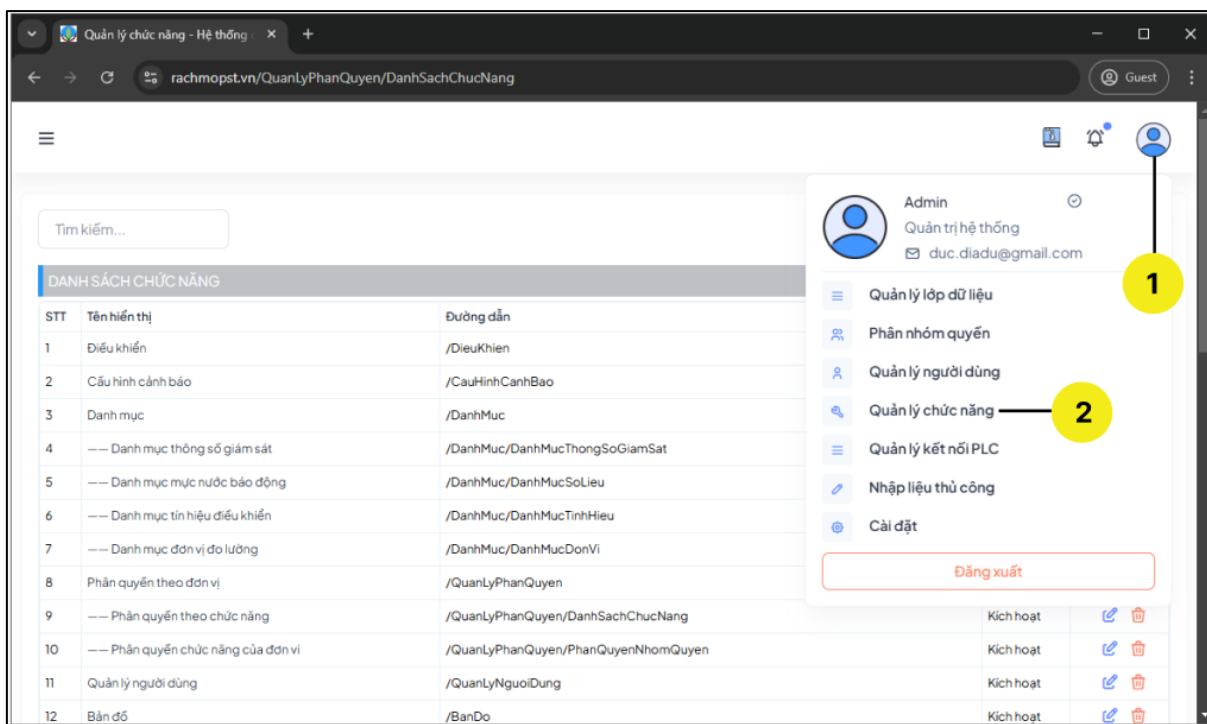
(10) Phân quyền thêm mới dữ liệu chức năng hệ thống

(11) Phân quyền chỉnh sửa dữ liệu chức năng hệ thống

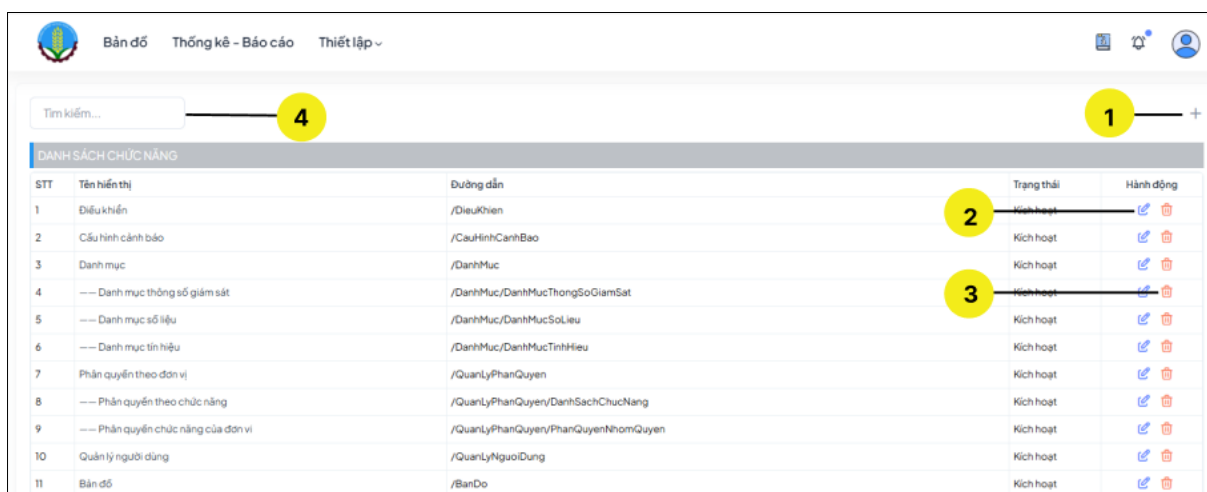
(12) Phân quyền xóa dữ liệu chức năng hệ thống

- (13) Phân quyền tải về dữ liệu chức năng hệ thống
- (14) Phân quyền duyệt dữ liệu chức năng hệ thống
- (15) Phân quyền điều hành dữ liệu chức năng hệ thống
- (16) Phân quyền chọn tất cả các phân quyền
- (17) Chức năng cập nhật quyền cho đơn vị

3. Phân quyền theo chức năng



- (1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình
- (2) Chọn vào “Quản lý chức năng”



- (3) Chức năng thêm mới chức năng
- (4) Chức năng chỉnh sửa chức năng

(5) Chức năng xóa dữ liệu chức năng

(6) Chức năng tìm kiếm dữ liệu chức năng

- Nhấn vào (1) sẽ mở giao diện thêm mới chức năng:

Thêm mới chức năng

Tên hiển thị *

Đường dẫn *

Danh mục cha

Chọn danh mục cha

Tên Controller *

Trạng thái *

Kích hoạt

Đóng

Cập nhật

- Nhấn vào (2) sẽ mở giao diện chỉnh sửa chức năng:

Chỉnh sửa chức năng

Tên hiển thị *

Bản đồ

Đường dẫn *

/BanDo

Danh mục cha

Chọn danh mục cha

Tên Controller *

BanDo

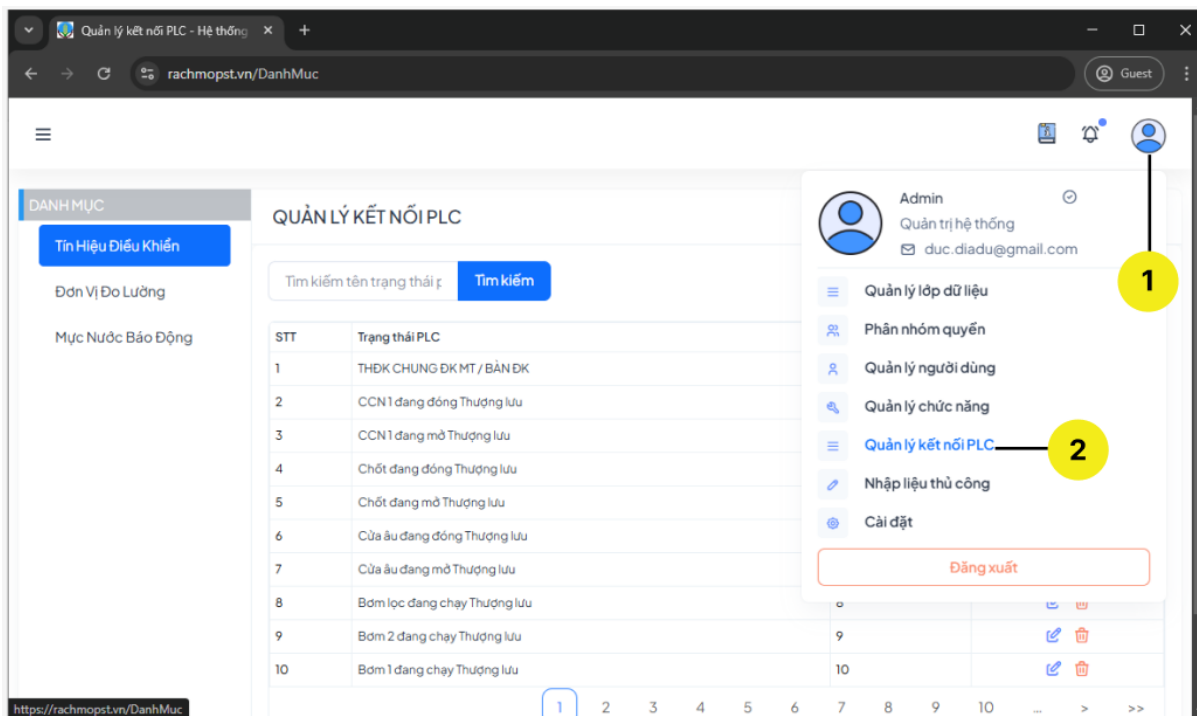
Trạng thái *

Kích hoạt

Đóng

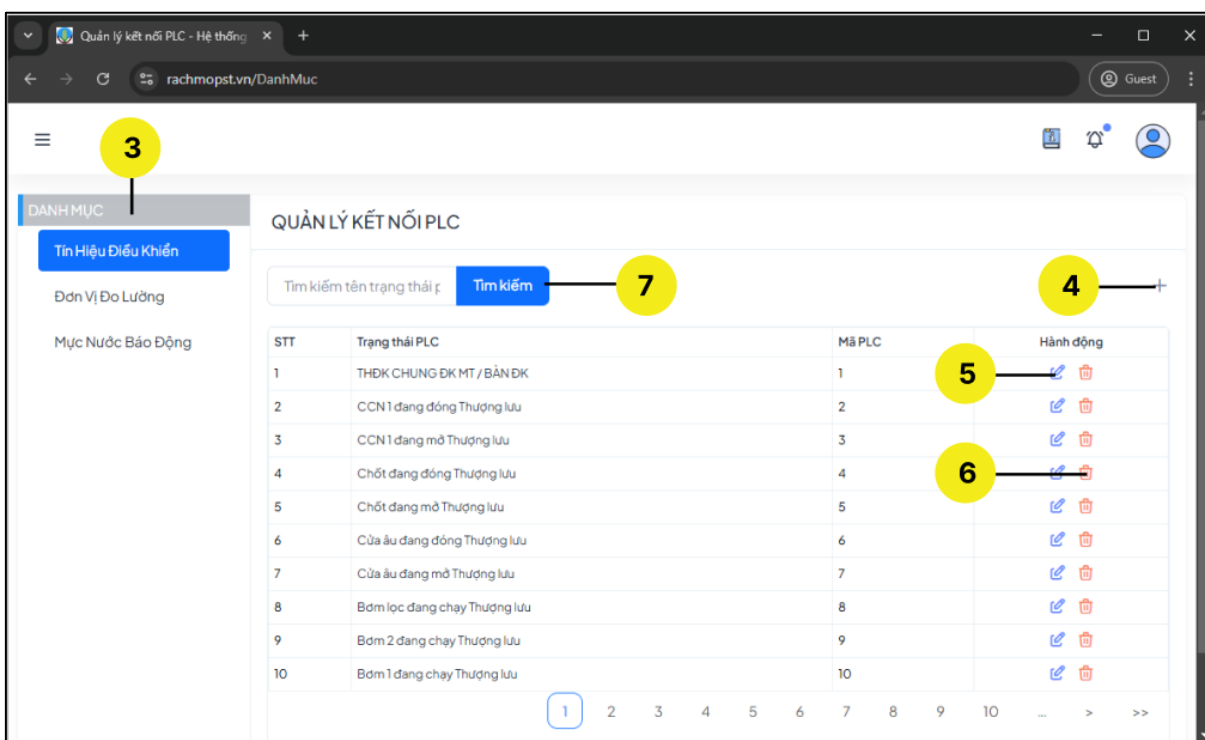
Cập nhật

4. Quản lý kết nối PLC



(1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình

(2) Chọn vào “Quản lý kết nối PLC”



(3) Chức năng chọn loại danh mục

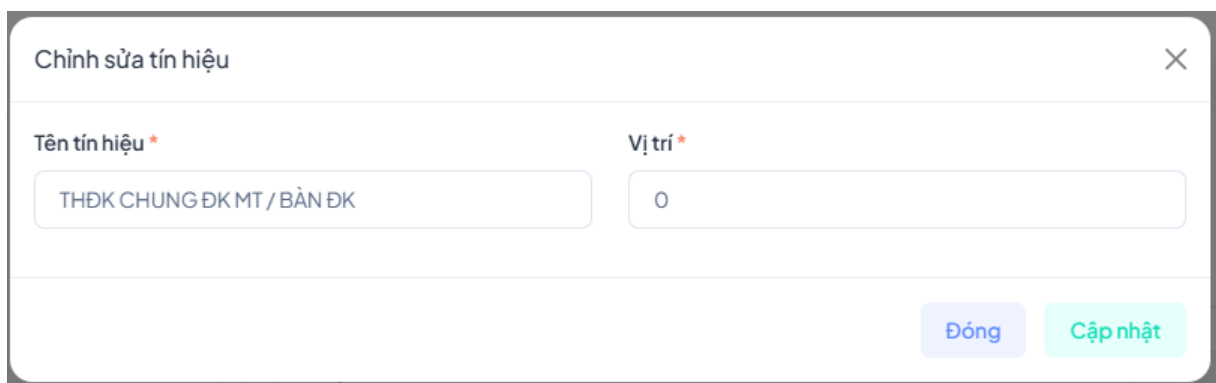
(4) Chức năng thêm mới dữ liệu của danh mục được chọn

(5) Chức năng chỉnh sửa dữ liệu của danh mục được chọn

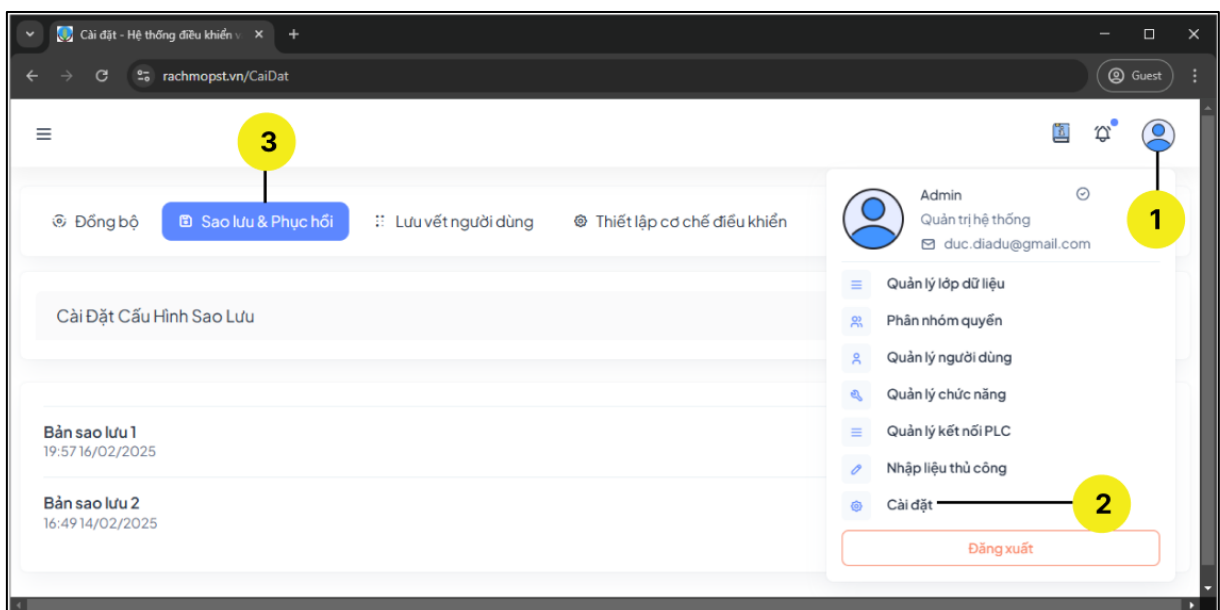
- (6) Chức năng xóa dữ liệu của danh mục được chọn
- (7) Chức năng tìm kiếm dữ liệu của danh mục được chọn
 - Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện thêm mới dữ liệu danh mục:



- Nhấn vào (5) sẽ mở giao diện chỉnh sửa dữ liệu danh mục:



5. Sao lưu và phục hồi dữ liệu



- (1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình
- (2) Chọn vào “Cài đặt”

(3) Chọn vào “Sao lưu & Phục hồi” phía bên trái màn hình

(1) Giao diện cài đặt cấu hình sao lưu dữ liệu

(2) Chức năng lưu cài đặt cấu hình sao lưu dữ liệu

(3) Chức năng tiến hành sao lưu dữ liệu

(4) Danh sách các bản dữ liệu đã được sao lưu

(5) Chức năng khôi phục dữ liệu theo bản dữ liệu đã được sao lưu

(6) Chức năng tải về bản dữ liệu đã được sao lưu

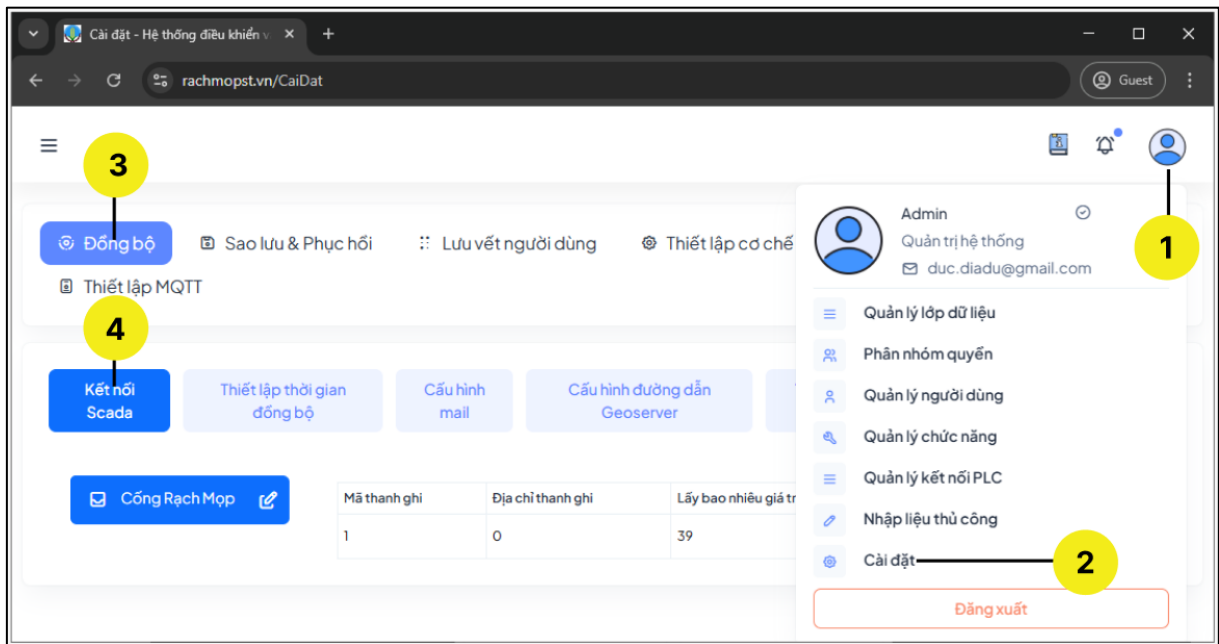
(7) Chức năng xóa bản dữ liệu đã được sao lưu

6. Quản trị lịch sử người dùng

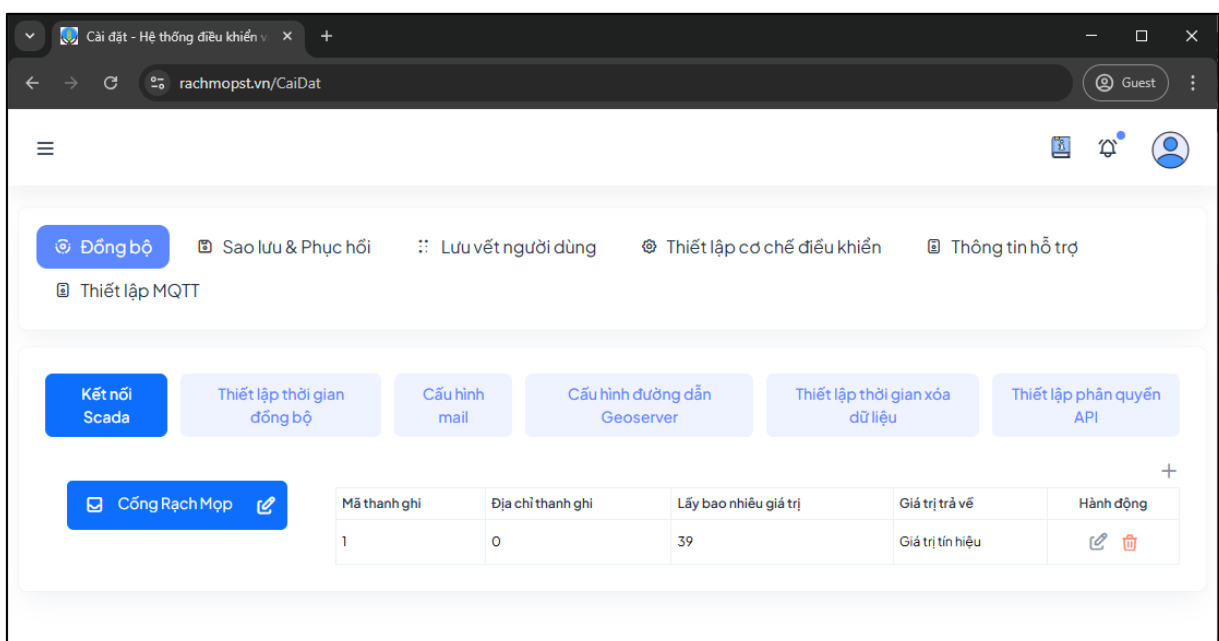
STT	Họ tên	Email	Nhóm quyền	Địa chỉ IP	Thời gian	Tên chức năng	Đường dẫn chức năng	Nội dung thao tác
1	Admin	duc.diadu@gmail.com	Quản trị hệ thống	27.79.127.78	02:37 03/03/2025	Lưu vết người dùng	/CaiDat/LuuVetNguoiDung	
2	Admin	duc.diadu@gmail.com	Quản trị hệ thống	27.79.127.78	02:32 03/03/2025	Sao lưu và phục hồi	/CaiDat/SaoLuuPhucHoiDuLieu	
3	Admin	duc.diadu@gmail.com	Quản trị hệ thống	27.79.127.78	02:32 03/03/2025	ChildDongBoScada_KetNoiScada	/CaiDat/ChildDongBoScada_KetNoiScada	
4	Admin	duc.diadu@gmail.com	Quản trị hệ thống	27.79.127.78	02:32 03/03/2025	Đồng bộ SCADA	/CaiDat	
5	Admin	duc.diadu@gmail.com	Quản trị hệ thống	27.79.127.78	02:26 03/03/2025	BangDuLieuCauAuThuongLuu	/ThongKeBaoCao/BangDuLieuCauAuThuongLuu	
6	Admin	duc.diadu@gmail.com	Quản trị hệ thống	27.79.127.78	02:26 03/03/2025	BaoCaoQuanTracVanHanh	/ThongKeBaoCao/BaoCaoQuanTracVanHanh	

- (1) Giao diện lưu vết người dùng
- (2) Chức năng tìm kiếm dữ liệu lịch sử người dùng

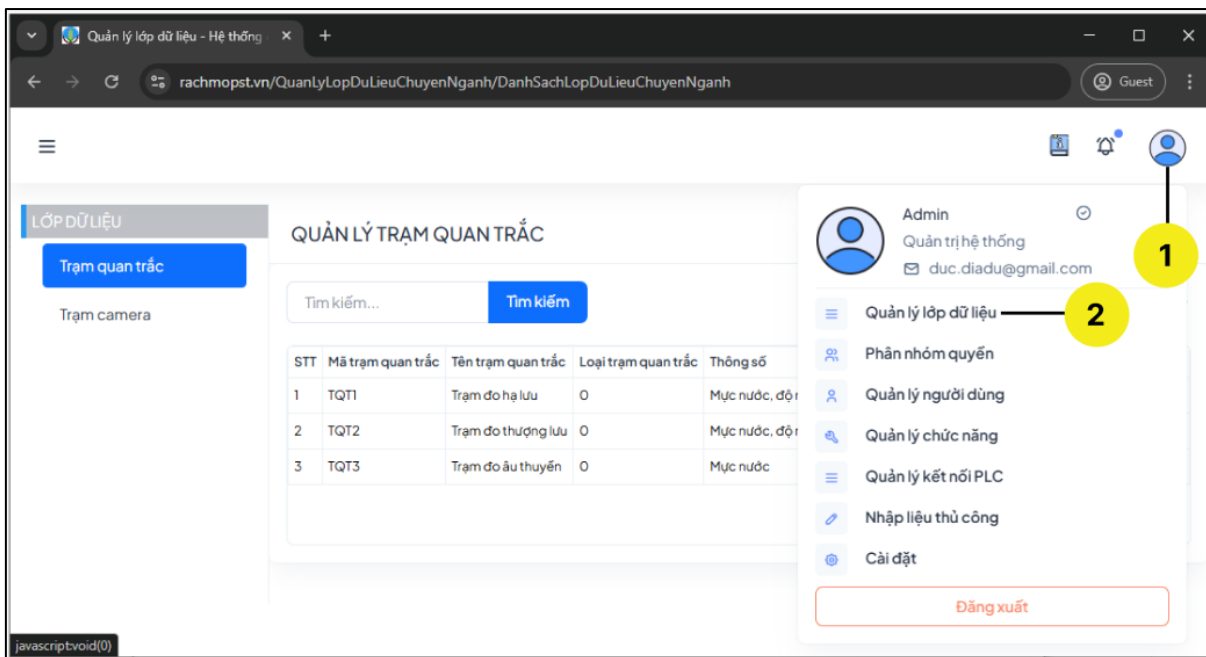
7. Kết nối hệ thống SCADA



- (1) Chọn vào avatar phía trên bên phải
- (2) Chọn vào “Cài đặt”
- (3) Chọn vào “Đồng bộ”
- (4) Chọn mục “Kết nối Scada”
 - Giao diện kết nối SCADA

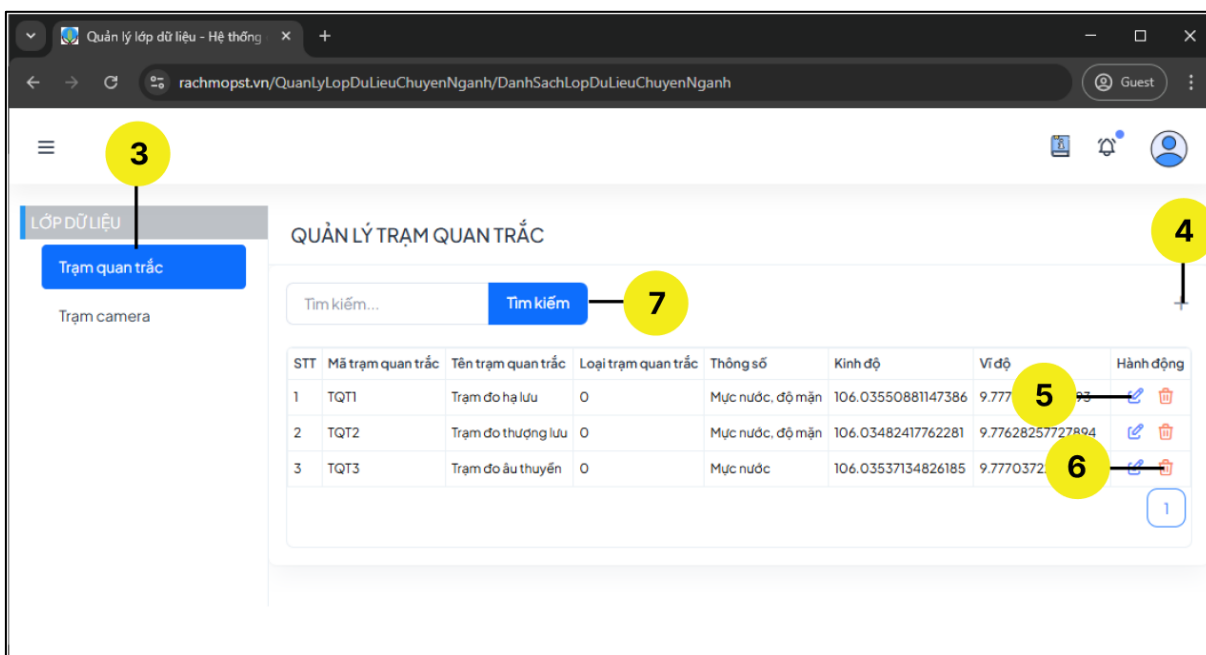


8. Quản lý lớp dữ liệu chuyên ngành



(1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình

(2) Chọn vào “Quản lý lớp dữ liệu”



(3) Chức năng chọn loại lớp dữ liệu

(4) Chức năng thêm mới dữ liệu của lớp dữ liệu

(5) Chức năng chỉnh sửa dữ liệu của lớp dữ liệu

(6) Chức năng xóa dữ liệu của lớp dữ liệu

(7) Chức năng tìm kiếm dữ liệu của lớp dữ liệu

- Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện thêm mới dữ liệu của lớp dữ liệu

Thêm mới trạm quan trắc

Mã trạm quan trắc *

Tên trạm quan trắc *

Loại trạm quan trắc

Thông số

Kinh độ *

Vĩ độ *



Đóng

Cập nhật

- Nhấn vào (5) sẽ mở giao diện chỉnh sửa dữ liệu của lớp dữ liệu:

Chỉnh sửa thông tin

Mã trạm quan trắc *

Tên trạm quan trắc *

Loại trạm quan trắc

Thông số

Kinh độ *

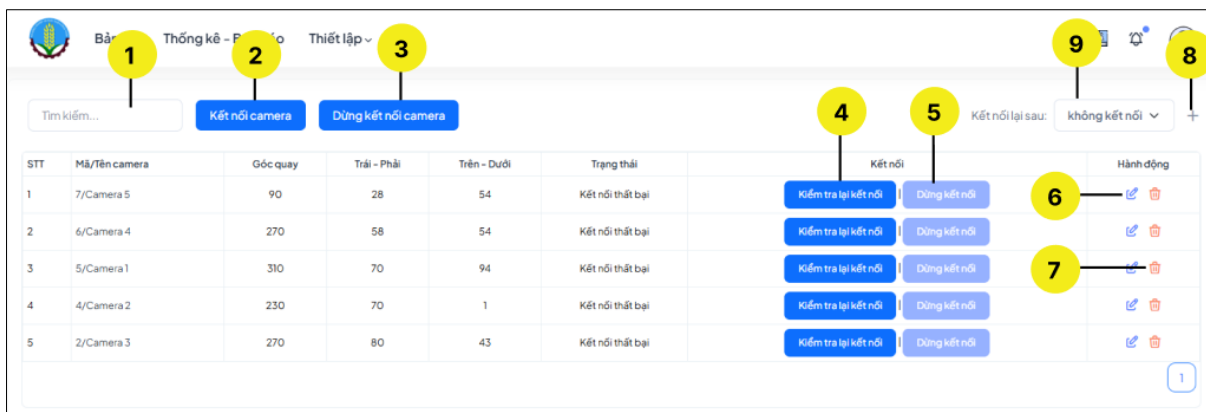
Vĩ độ *



Đóng

Cập nhật

9. Cấu hình Camera



- (1) Chức năng tìm kiếm dữ liệu camera
- (2) Chức năng kết nối tất cả camera
- (3) Chức năng dừng kết nối tất cả camera
- (4) Chức năng kết nối camera được chọn
- (5) Chức năng dừng kết nối camera được chọn
- (6) Chức năng chỉnh sửa dữ liệu của camera
- (7) Chức năng xóa camera
- (8) Chức năng thêm mới camera
- (9) Chức năng chọn thời gian kiểm tra lại kết nối của camera
 - Nhấn vào (8) sẽ mở giao diện thêm mới cấu hình camera:

Thêm mới thiết bị camera

Mã thiết bị *

Mã thiết bị (mã channel Camera)

Tên camera *

Tên camera

Kết nối camera

rtsp://u:p@rmckgg.kbvision.tv:554/cam/realmonit

Cổng *

Chọn cổng

Trái - Phải

Trên - Dưới

Góc quay *

90 độ

Trạng thái *

Kích hoạt

Thiết lập camera trong sơ đồ mặt bằng ầu thuyền

Trái - Phải

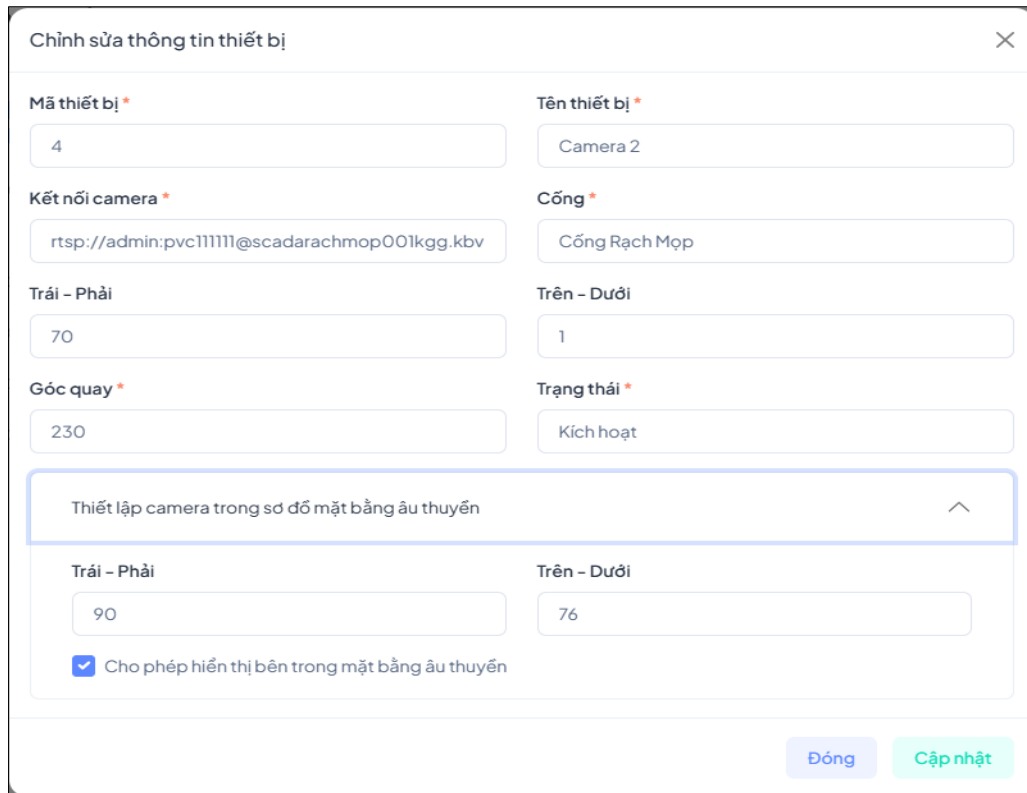
Trên - Dưới

☐ Cho phép hiển thị bên trong mặt bằng ầu thuyền

Đóng

Cập nhật

- Nhấn vào (6) sẽ mở giao diện chỉnh sửa cấu hình camera:



Chỉnh sửa thông tin thiết bị

Mã thiết bị *
4

Tên thiết bị *
Camera 2

Kết nối camera *
rtsp://admin:pvc11111@scadarachmop001kkg.kbv

Cổng *
Cổng Rạch Mốp

Trái - Phải
70

Trên - Dưới
1

Góc quay *
230

Trạng thái *
Kích hoạt

Thiết lập camera trong sơ đồ mặt bằng ầu thuyền

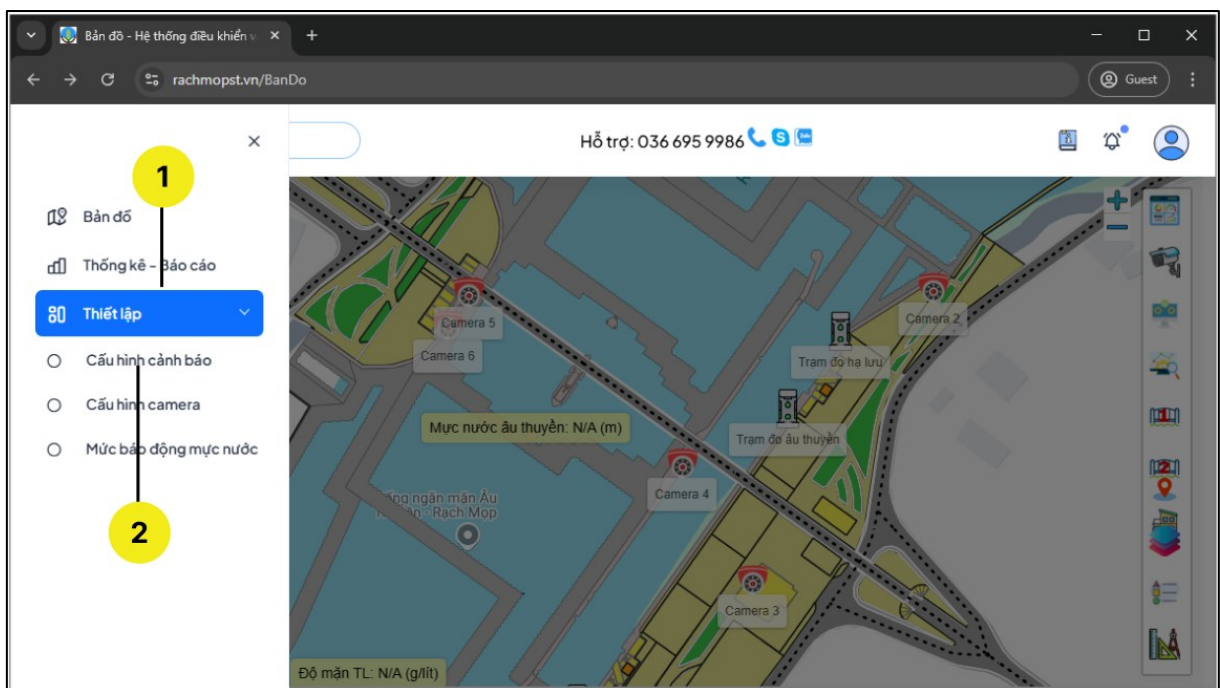
Trái - Phải
90

Trên - Dưới
76

☒ Cho phép hiển thị bên trong mặt bằng ầu thuyền

Đóng Cập nhật

10. Cấu hình cảnh báo



(1) Chọn vào “Thiết lập” phía trên bên trái màn hình

(2) Chọn vào “Cấu hình cảnh báo”

- Giao diện cấu hình cảnh báo:

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả	Ngưỡng dưới	Ngưỡng trên	Trạng thái	Hành động
1	18	Thiết bị đo áp lực nước âu thuyền	Thiết bị đo áp lực nước âu thuyền	0.70	1.50	Chưa kích hoạt	
2	17	Thiết bị đo BOD hạ lưu	Thiết bị đo BOD hạ lưu	0.70	1.50	Chưa kích hoạt	
3	16	Thiết bị đo BOD thượng lưu	Thiết bị đo BOD thượng lưu	0.70	1.50	Chưa kích hoạt	
4	15	Thiết bị đo BOD âu thuyền	Thiết bị đo BOD âu thuyền	0.70	1.50	Chưa kích hoạt	
5	14	Thiết bị đo COD hạ lưu	Thiết bị đo COD hạ lưu	0.70	1.50	Chưa kích hoạt	

- (3) Chức năng tìm kiếm dữ liệu của cấu hình cảnh báo
 - (4) Chức năng chỉnh sửa dữ liệu của cấu hình cảnh báo
 - (5) Chức năng xóa dữ liệu của cấu hình cảnh báo
 - (6) Chức năng thêm mới dữ liệu của cấu hình cảnh báo
- Nhấn vào (3) sẽ mở giao diện thêm mới cấu hình cảnh báo:

Thêm mới thiết bị

Mã thiết bị *

Tên thiết bị *

Ngưỡng dưới

Ngưỡng trên

Mô tả

Trạng thái *

- Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện chỉnh sửa cấu hình cảnh báo:

Chỉnh sửa thông tin

Mã thiết bị *

Tên thiết bị *

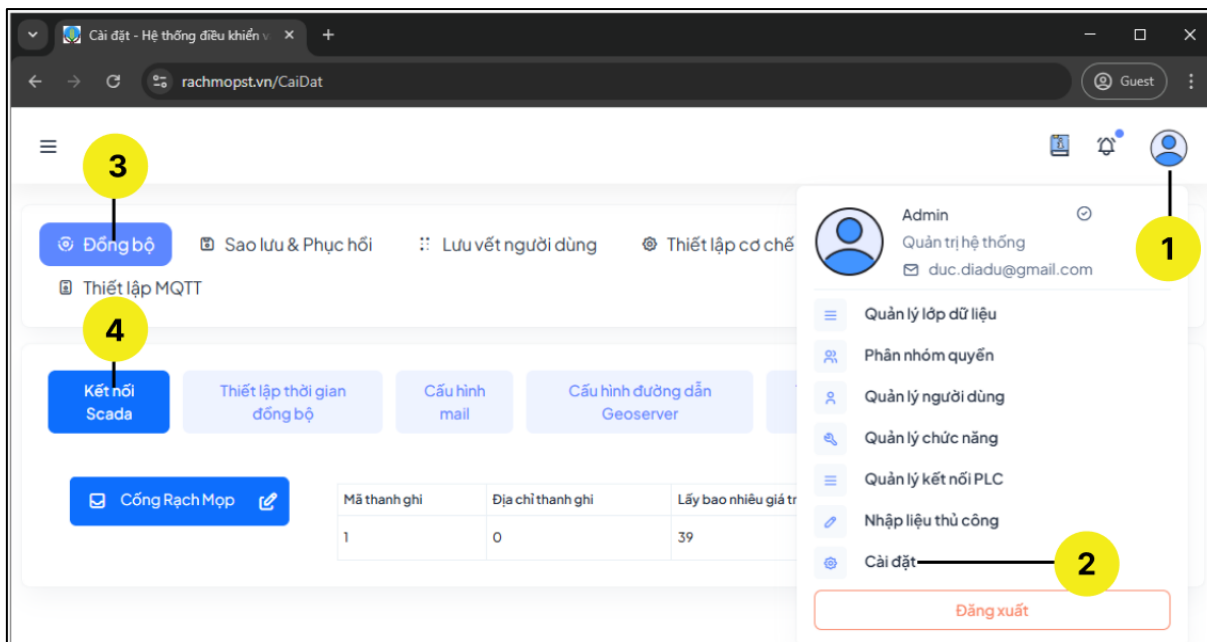
Ngưỡng dưới

Ngưỡng trên

Mô tả

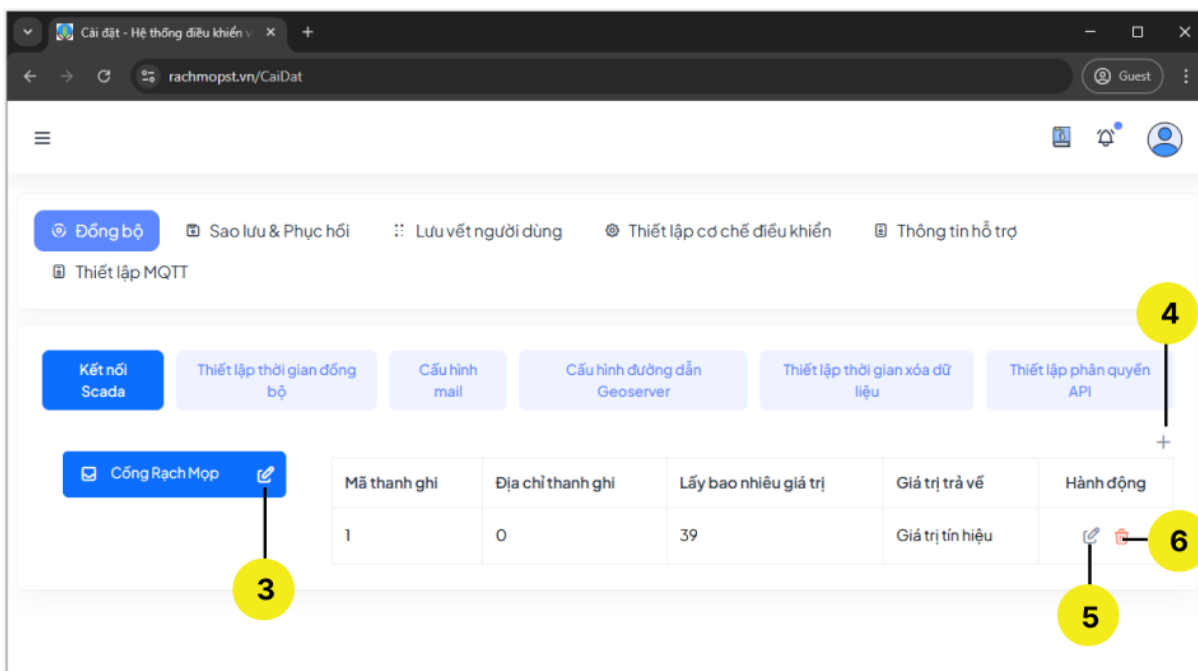
Trạng thái *

11. Kết nối



(1) Chọn vào avatar phía trên bên phải

(2) Chọn vào “Cài đặt”



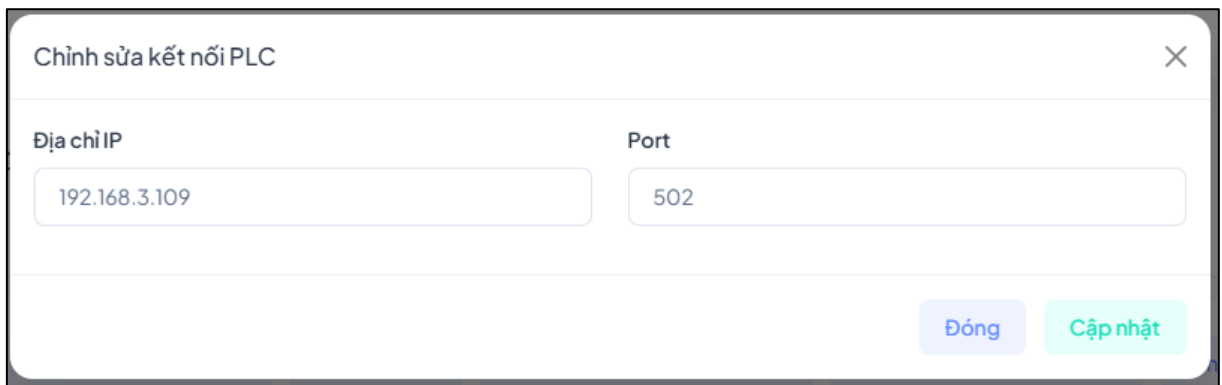
(3) Bảng thông tin dữ liệu của kết nối PLC

(4) Chức năng thêm mới kết nối SCADA

(5) Chức năng chỉnh sửa kết nối SCADA

(6) Chức năng xóa kết nối SCADA

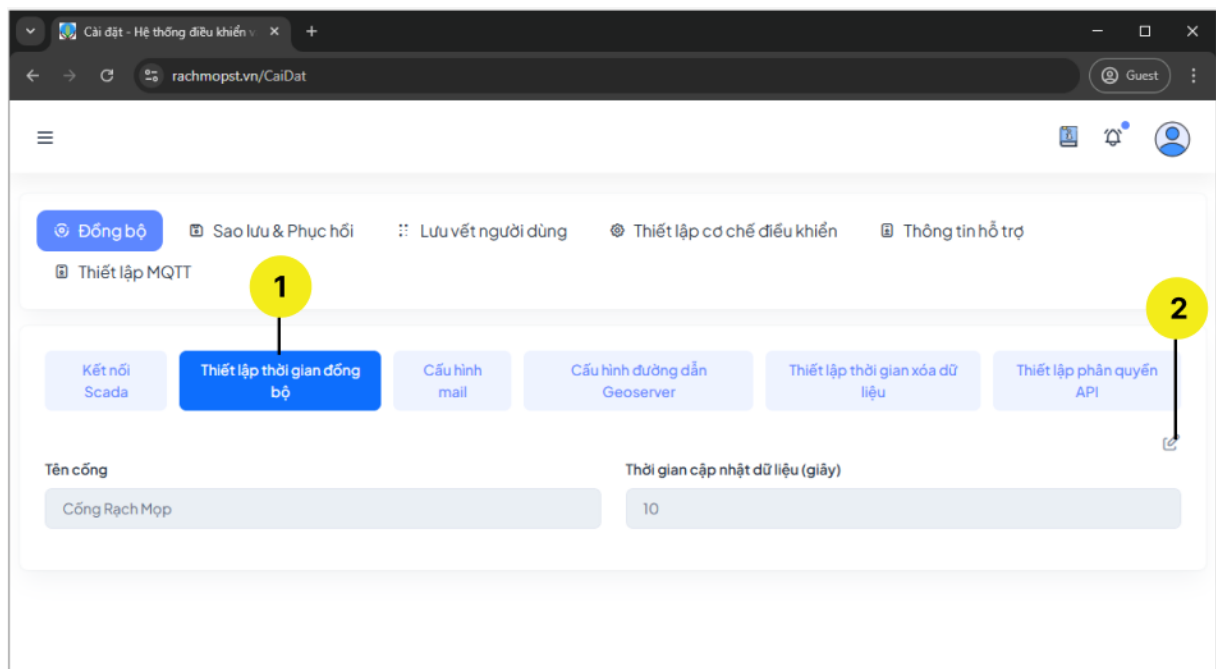
- Nhấn vào (3) sẽ mở giao diện chỉnh sửa kết nối PLC



- Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện thêm mới kết nối SCADA



12. Thiết lập thời gian đồng bộ

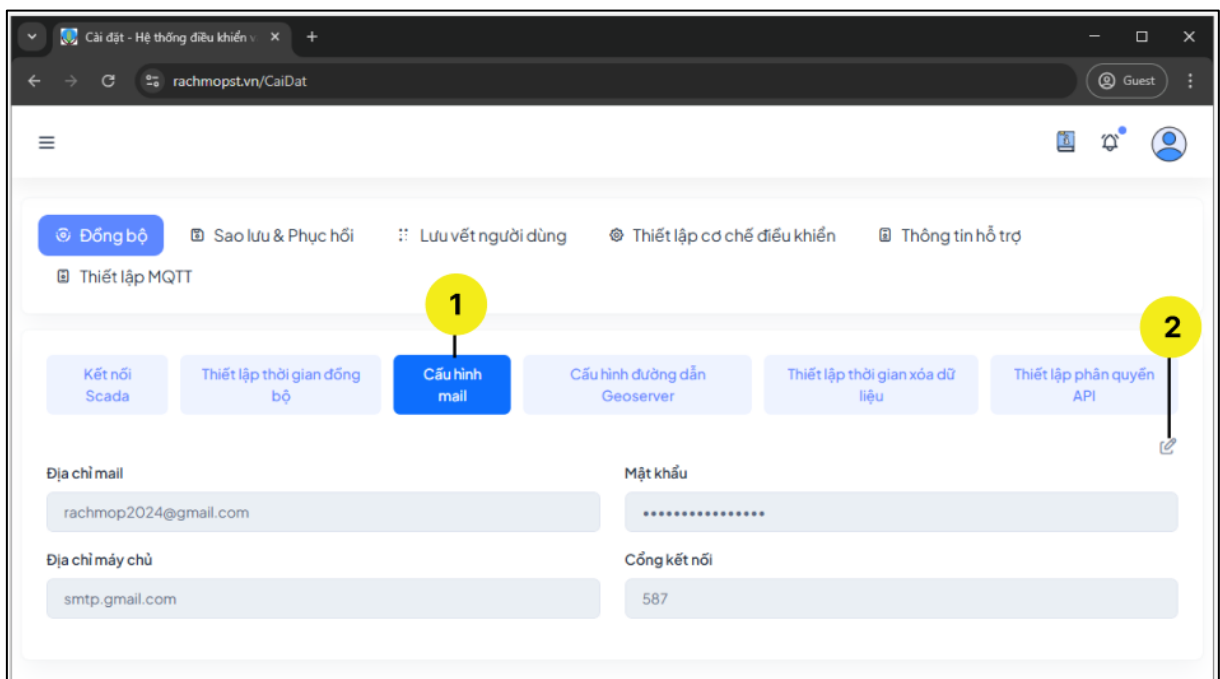


- (1) Bảng thông tin dữ liệu của thiết lập đồng bộ thời gian
- (2) Chức năng chỉnh sửa thiết lập thời gian đồng bộ

- Nhấn vào (2) sẽ mở giao diện chỉnh sửa thiết lập thời gian đồng bộ:



13. Cấu hình mail



(1) Bảng thông tin dữ liệu của cấu hình mail (Lưu ý: mail sẽ được dùng để gửi mã xác thực người dùng hệ thống)

(2) Chức năng chỉnh sửa cấu hình mail

- Nhấn vào (2) sẽ mở giao diện chỉnh sửa cấu hình mail

Thông tin cấu hình mail

Địa chỉ mail *
rachmop2024@gmail.com

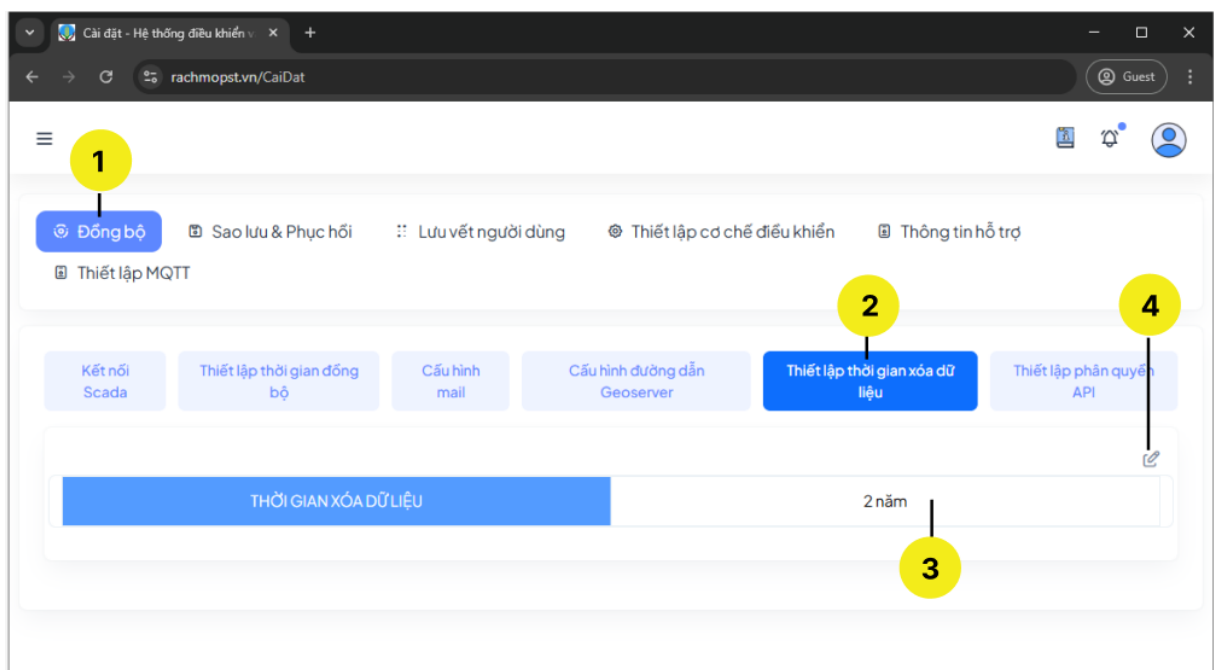
Mật khẩu ứng dụng *
.....

Địa chỉ máy chủ *
smtp.gmail.com

Cổng kết nối *
587

Đóng Cập nhật

14. Thiết lập thời gian xóa dữ liệu

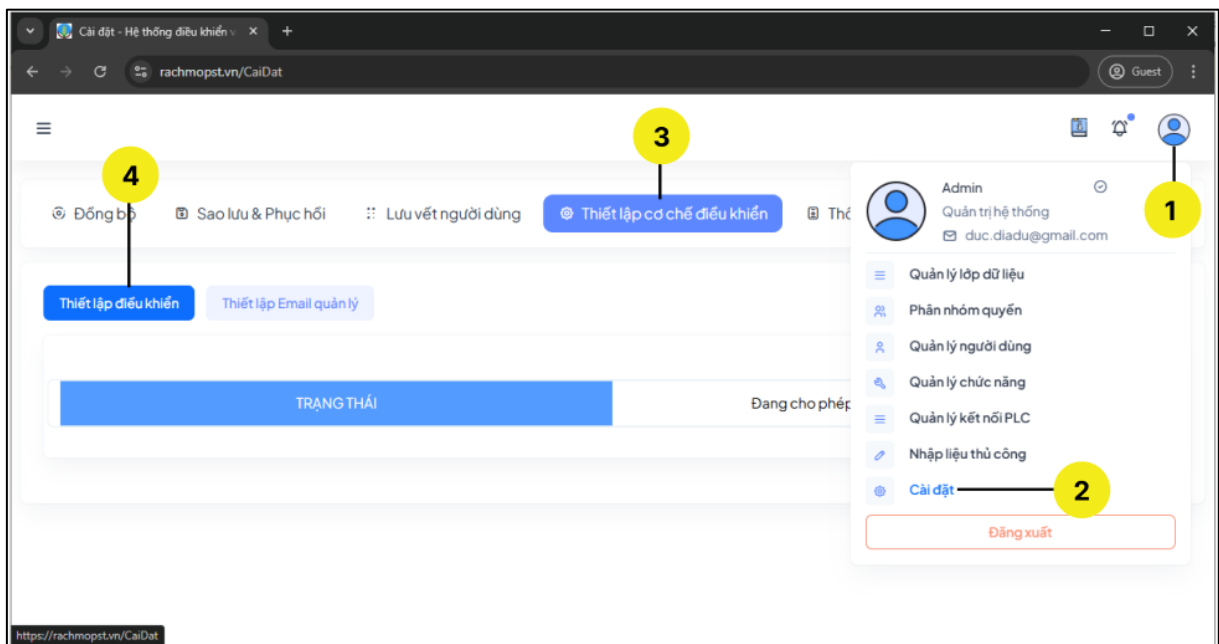


- (1) Chọn vào “Đồng bộ” bên trái màn hình
 - (2) Chọn vào “Thiết lập thời gian xóa dữ liệu”
 - (3) Bảng thông tin dữ liệu về thời gian xóa dữ liệu
 - (4) Chức năng chỉnh sửa thời gian xóa dữ liệu
- Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện chỉnh sửa thời gian xóa dữ liệu

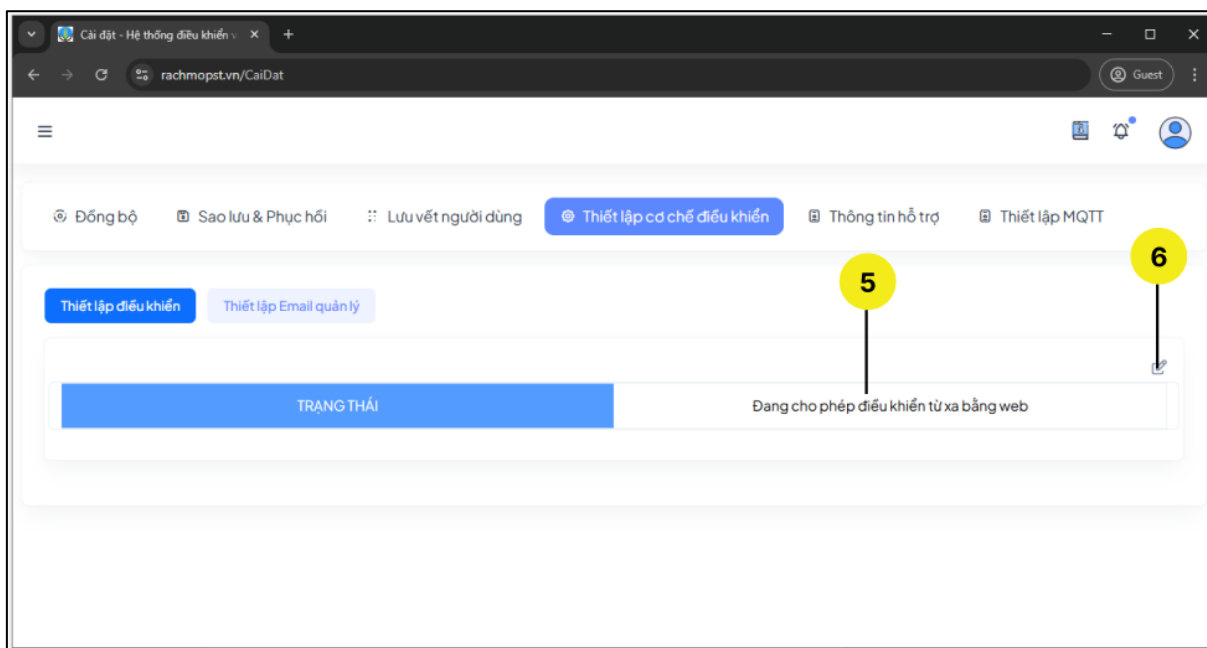


- Chọn thời gian xóa dữ liệu
- Nhấn “Cập nhật” để tiến hành lưu lại thay đổi

15. Thiết lập điều khiển



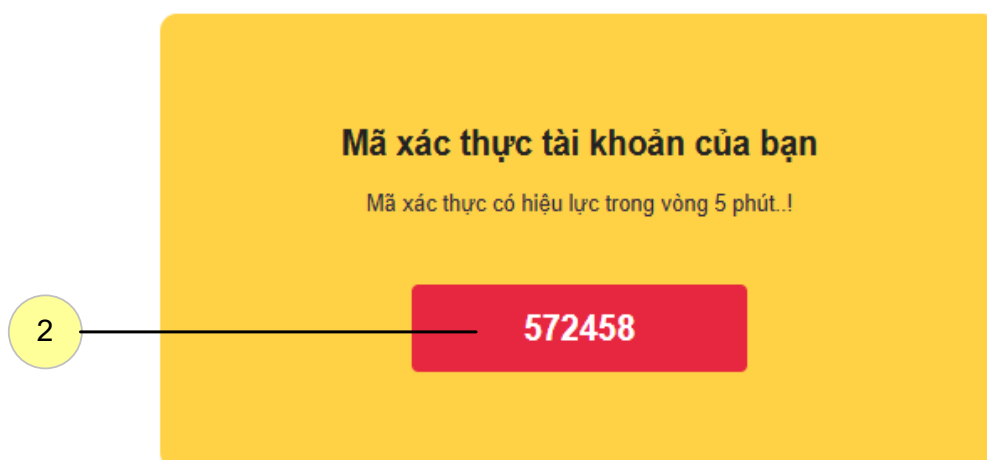
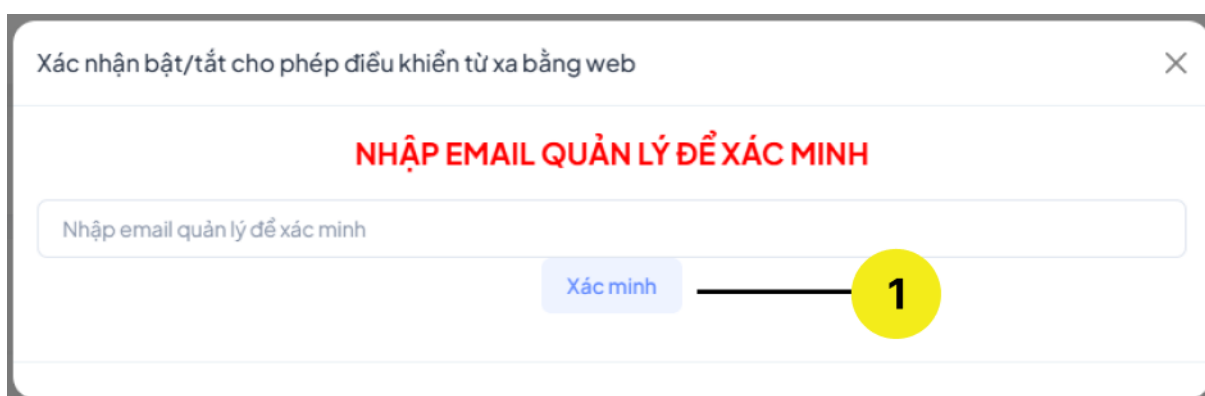
- (1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình
- (2) Chọn vào “Cài đặt”
- (3) Chọn vào “Thiết lập cơ chế điều khiển”
- (4) Chọn vào “Thiết lập điều khiển”

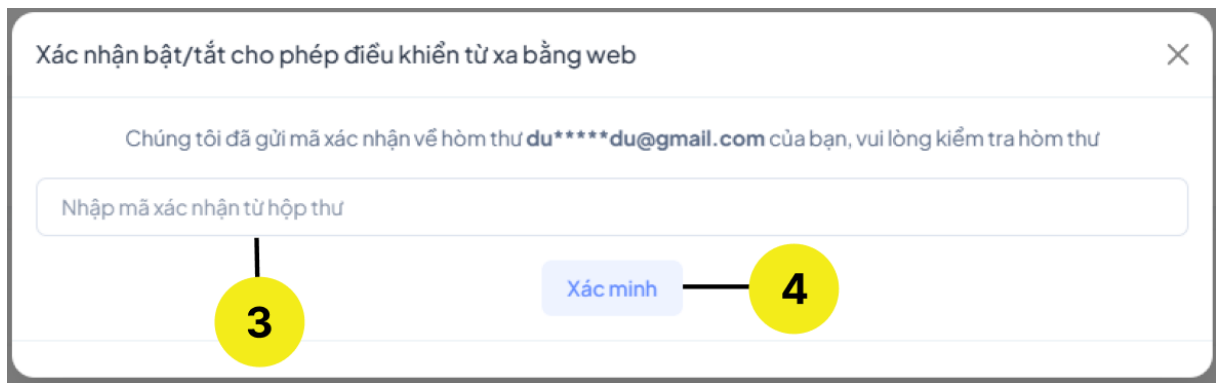


(5) Bảng thông tin trạng thái của thiết lập điều khiển

(6) Chức năng chỉnh sửa thiết lập điều khiển

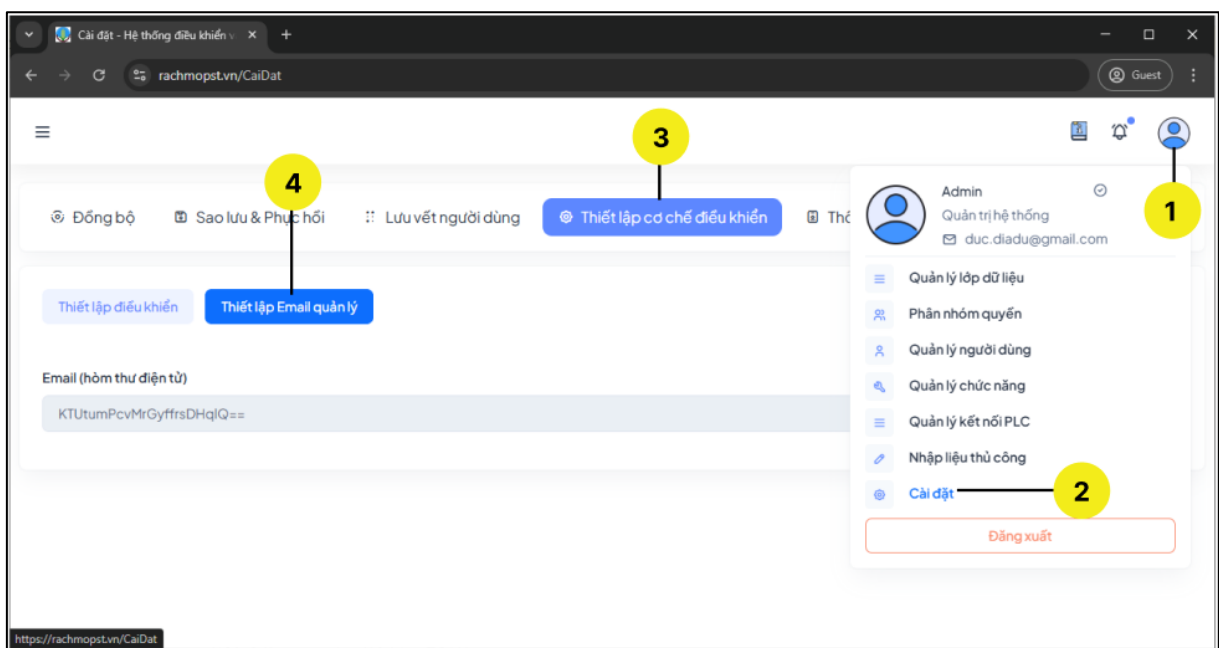
- Nhấn vào (6) sẽ mở giao diện chỉnh sửa thiết lập điều khiển:



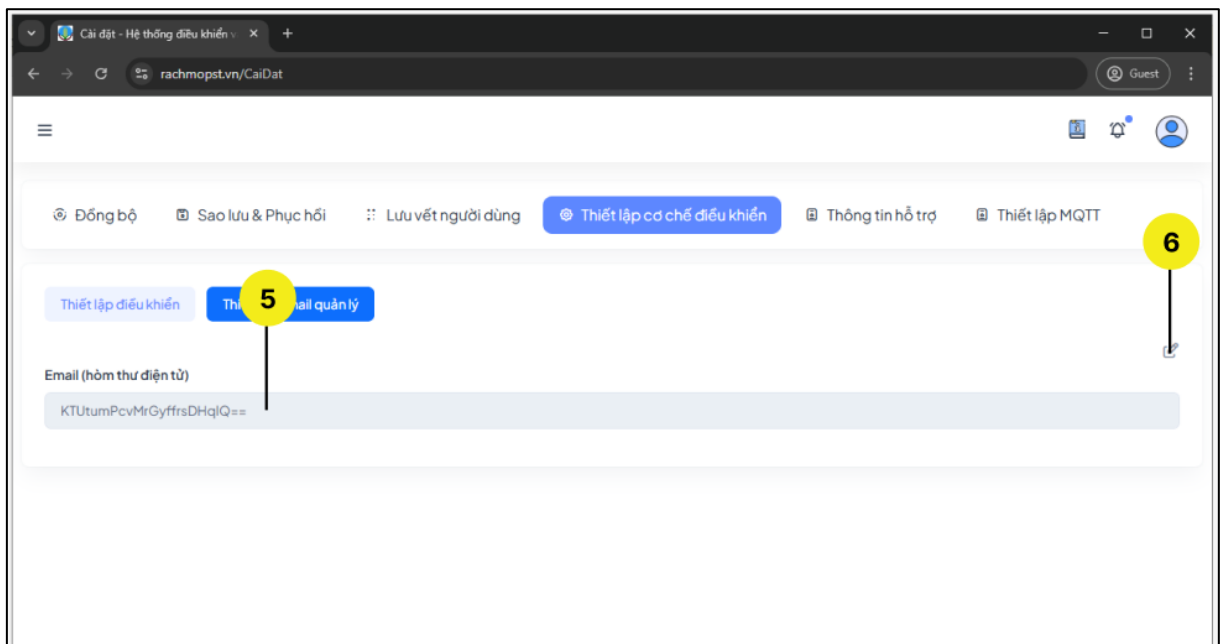


- (1) Nhập Email quản lý vào sau đó nhấn vào “xác minh” thì sẽ gửi mã xác nhận
- (2) Mã xác nhận được gửi về hộp thư
- (3) Dán mã xác nhận ở hộp thư vào (3)
- (4) Nhấn “Xác minh” để thay đổi trạng thái thiết lập điều khiển

16. Thiết lập Email quản lý



- (1) Chọn vào avatar phía trên bên phải màn hình
- (2) Chọn vào “Cài đặt”
- (3) Chọn vào “Thiết lập cơ chế điều khiển”
- (4) Chọn vào “Thiết lập Email quản lý”



(5) Bảng thông tin dữ liệu của thiết lập Email quản lý

(6) Chức năng chỉnh sửa thiết lập Email quản lý

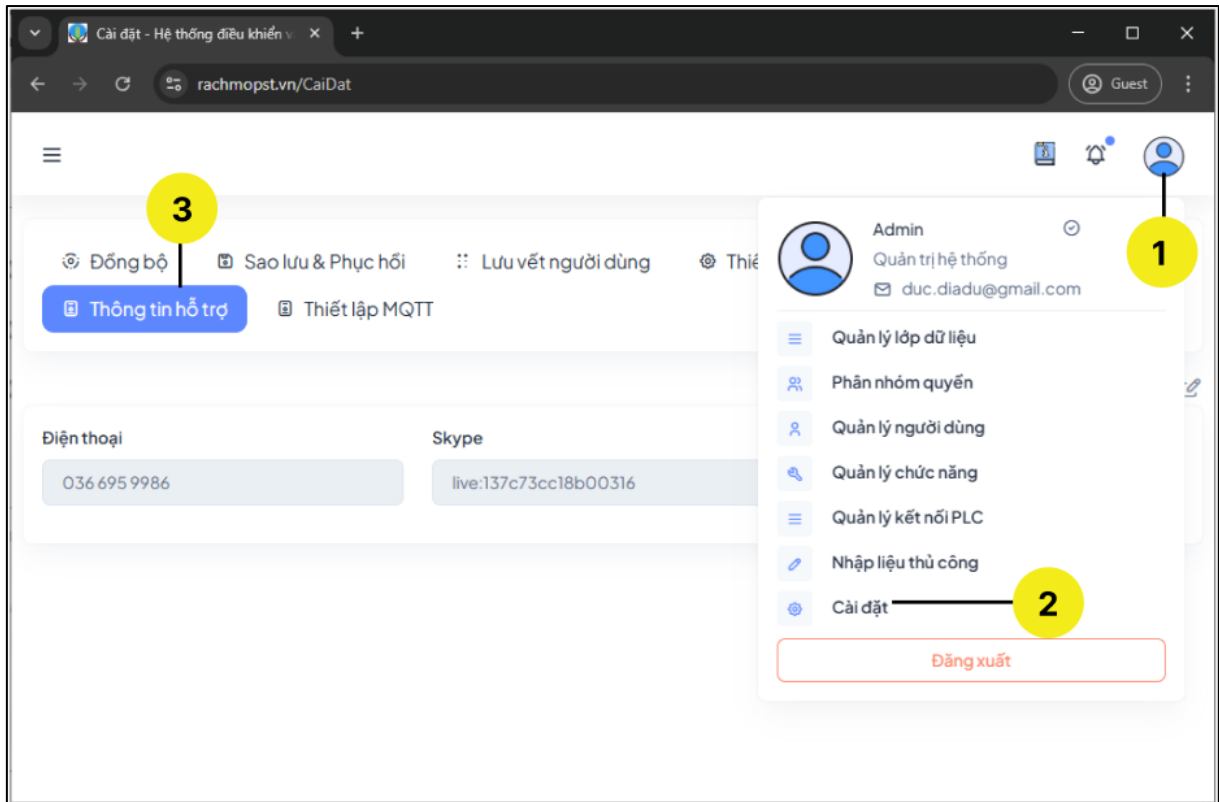
- Nhấn vào (6) sẽ mở giao diện chỉnh sửa thiết lập Email quản lý



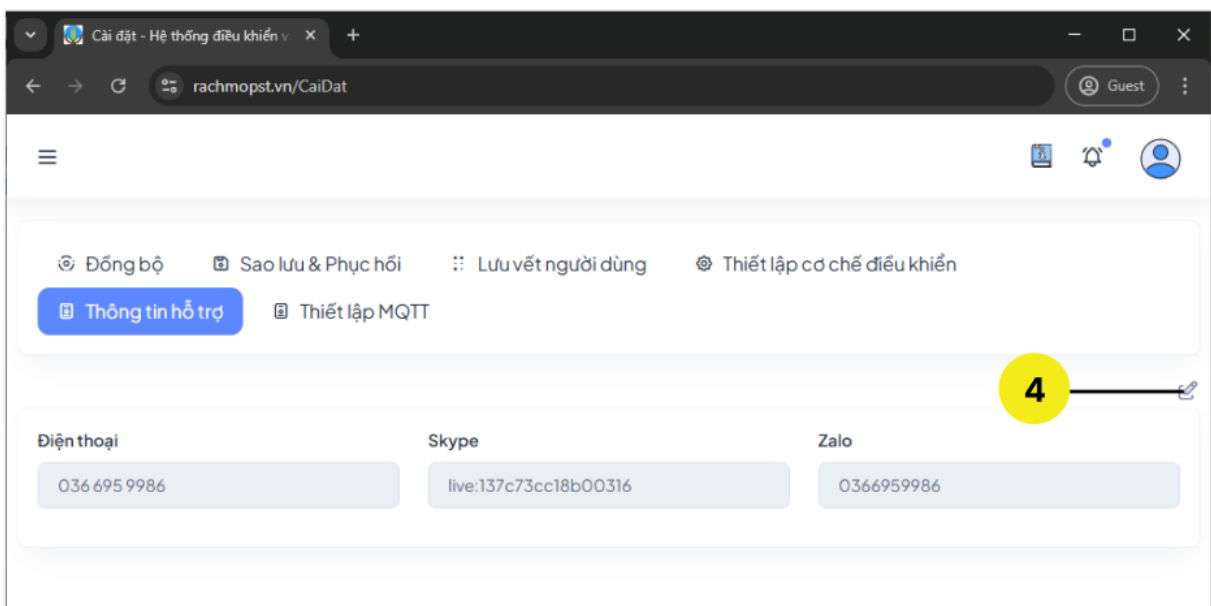
(7) Sau khi nhập Email đúng với thiết lập hiện tại thì nhấn “Xác minh”

(8) Khi xác minh thành công có thể thay đổi Email thiết lập sau đó nhấn “xác minh” để tiến hành thay đổi Email

17. Thông tin hỗ trợ



- (1) Chọn vào avatar
- (2) Chọn vào “Cài đặt”
- (3) Chọn vào “Thông tin hỗ trợ”
 - Giao diện thông tin hỗ trợ



- (4) Chức năng chỉnh sửa thông tin hỗ trợ

- Nhấn vào (4) sẽ mở giao diện chỉnh sửa thông tin hỗ trợ

Thông tin liên hệ

Số điện thoại *

036 695 9986

Skype *

live:137c73cc18b00316

Zalo *

0366959986

Đóng

Cập nhật